

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đà Nẵng, tháng 11 năm 2021

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có ý nghĩa quan trọng đối với CTĐT của ngành. Đội ngũ này là cơ sở nền tảng để xây dựng, thực hiện, triển khai và phát triển CTĐT. Phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT cũng như đáp ứng chiến lược phát triển Trường ĐHSP-ĐHĐN, hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Do đó, việc phân tích thực trạng đội ngũ GV, cán bộ viên chức không chỉ nhằm đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để thực hiện, triển khai CTĐT của ngành mà còn có vai trò to lớn trong việc đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục các điểm yếu, phát huy các điểm mạnh về cả số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, để từ đó xây dựng, điều chỉnh, thực hiện và phát triển CTĐT ngày càng hoàn thiện, tốt hơn đáp ứng mục tiêu, chiến lược của Nhà trường, Khoa và CDR của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo và NCKH. Trên cơ sở Sứ mạng Tầm nhìn, Trường xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV Trường ĐHSP- ĐHĐN giai đoạn 2012-2016; 2017-2022 và kế hoạch quy hoạch phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.01]. Mục tiêu của chiến lược phát triển đội ngũ giáo dục đến năm 2021 của Trường ĐHSP-ĐHĐN là có tổng số 243 GV, trong đó tỉ lệ giáo sư và phó giáo sư là 7%, tỉ lệ tiến sĩ là 45% và không có GV dưới trình độ thạc sĩ. Trường cũng đã xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn 2030 trong đó xác định các mục tiêu cụ thể cho việc phát triển đội ngũ GV, cụ thể đến năm 2025 số lượng GV là 334 trong đó tỉ lệ GS/PGS đạt 13,5 %; tỉ lệ tiến sĩ đạt 54% và đến năm 2030 số lượng GV của Trường là 409 người trong đó tỉ lệ Giáo sư/ Phó giáo sư đạt 15%, tỉ lệ tiến sĩ đạt 60% [H6.06.01.02]. Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Trường xây dựng Đề án Vị trí việc làm để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng CBGV và nhân viên so với yêu cầu công việc [H6.06.01.03]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H6.06.01.04].

Để thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ đã đề ra, Trường đã ban hành quy trình tuyển dụng GV với các quy định và yêu cầu nghiêm ngặt, dựa trên Luật Giáo dục Đại

học, Luật Viên Chức và quy định của Trường **[H6.06.01.05]**. Đối với những ứng viên có trình độ tiến sĩ được đặc cách thi tuyển. Ngoài kế hoạch tuyển dụng, Trường còn xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH **[H6.06.01.06]**. Ngoài ra, Trường yêu cầu GV chưa có bằng tiến sĩ phải xác định kế hoạch học tập tiến sĩ và cam kết thực hiện theo kế hoạch **[H6.06.01.07]**. Chính sách hỗ trợ phát triển cho đội ngũ GV học tập được xác định trong các chiến lược phát triển và quy định chi tiêu nội bộ của Trường. GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học tập ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản **[H6.06.01.08]**. Tuy nhiên, các chính sách thu hút nguồn GV có trình độ cao còn hạn chế.

Kế hoạch tuyển dụng GV hằng năm của Khoa được thực hiện theo hướng dẫn, kế hoạch và thông báo của Nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng một cách dân chủ từ nhu cầu của các bộ môn, sau đó họp liên tịch lãnh đạo đơn vị để bàn bạc, quyết định và báo cáo Trường. Chỉ tiêu tuyển dụng được xác định dựa vào nhu cầu, vị trí việc làm của đơn vị và chủ trương được duyệt **[H6.06.01.06]**. Hiện nay, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa bao gồm 28 người (01 chuyên viên giáo vụ khoa, 27 giảng viên). Độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 39,07 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ của Khoa là 12 người (chiếm 46,15 %) **[H6.06.01.09]**. Số liệu cụ thể được trình bày ở bảng sau:

Bảng 6.1.1. Thống kê trình độ của đội ngũ giảng viên theo năm học

Năm học	Tổng cộng	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
2016-2017	13	0	0	2	11	0
2017-2018	12	0	0	2	10	0
2018-2019	12	0	0	2	10	0
2019 -2020	28	0	1	12	16	0
2020-2021	27	0	01	12	15	0
2021 - 2022	27	0	01	12	15	0

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa và CTĐT ngành GDTH Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu **[H6.06.01.10]**. Trong bản mô tả vị trí việc làm, tùy từng cấp bậc, Khoa đã mô tả các nhiệm vụ cơ bản của GV xoay quanh các vấn đề về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ

hoàn thành nhiệm vụ của GV **[H6.06.01.06]**. Ngoài hướng nghiên cứu đã được xác định, Khoa xác định các chỉ tiêu cụ thể đối với các nhiệm vụ NCKH, đặc biệt là các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ và các bài báo quốc tế **[H6.06.01.11]**. Hằng năm, Khoa triển khai cho CBVC lập kế hoạch năm học cá nhân trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có nhiệm vụ NCKH **[H6.06.01.12]**.

Khoa thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ: Tuyển mới GV trẻ và có năng lực đã được đào tạo Sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để trở thành cán bộ nguồn **[H6.06.01.13]**. Các ứng viên được tuyển dụng tạo nguồn GV phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên tại các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có văn bằng phù hợp với ngành, có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014, có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; có nguyện vọng trở thành GV và cam kết làm việc lâu dài tại Khoa, Trường **[H6.06.01.14]**. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm GV được thông báo công khai và minh bạch bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của Trường **[H6.06.01.15]**. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ; GV mới được tuyển dụng thể hiện định hướng và cam kết với Nhà trường bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn. Khoa và Nhà trường có chiến lược quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và cũng như có hình thức hỗ trợ phù hợp **[H6.06.01.16]**. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho từng cán bộ được giao cho các tổ bộ môn đảm nhận, các GV trẻ trước khi đứng lớp đều được 01 GV có kinh nghiệm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên **[H6.06.01.17]**. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của Khoa, đến năm 2021, cán bộ GV cơ hữu có học vị tiến sĩ là 46, 15 %. Việc tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc được thực hiện theo Quy trình tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp **[H6.06.01.18]**.

Trong thời gian 5 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT; Khoa luôn thu hút và tuyển dụng GV có trình độ về giảng dạy tại Khoa. Đội ngũ cán bộ được tuyển dụng, Ban chủ nhiệm khoa luôn quan tâm và đầu tư đặc biệt cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT **[H6.06.01.19]**.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng các quy định hiện hành của Luật Lao động và Luật Viên chức. Hằng năm, Nhà trường và Ban Chủ nhiệm Khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH, Nhà trường thực hiện theo Quy định thực hiện kéo dài thời gian công tác và chế độ hưu trí **[H6.06.01.20]**. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác đều được thông

báo trước cho Ban Chủ nhiệm khoa và đương sự. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành **[H6.06.01.21]**. CBGV hài lòng về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và nghỉ hưu theo chế độ của Nhà trường.

Dựa vào phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, Trường và Khoa tăng cường thúc đẩy hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là hợp tác quốc tế với các trường đại học ở các nước phát triển, từ đó GV được giới thiệu để học tiến sĩ hoặc tham gia các khóa ngắn hạn **[H6.06.01.22]**. Trong 5 năm qua, Khoa GD tiểu học đã có 03 cán bộ đi học tập NCS ở nước ngoài **[H6.06.01.23]**. Bên cạnh đó, các GV trong Khoa luôn có ý thức học tập, nâng cao trình độ, hướng tới đạt chuẩn năng lực GV **[H06.06.01.24]**. Cho đến năm 2021, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ tăng lên 42,30% và dự kiến đến năm 2025 Khoa sẽ có trên 77% GV trình độ tiến sĩ **[H6.06.01.25]**.

Theo kế hoạch của Nhà trường, hằng năm Ban Chủ nhiệm Khoa luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ. Theo kế hoạch, Trường và Khoa tiến hành việc quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý từ Trưởng bộ môn đến Phó Trưởng khoa, Trưởng khoa, Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng **[H6.06.01.21]**.

2. Điểm mạnh

- Trường, Khoa luôn chú trọng đến công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng;

- Trường có chiến lược và kế hoạch sử dụng đội ngũ hiệu quả thể hiện qua tỉ lệ tiến sĩ tăng nhanh từ năm 2017-2021;

- Đội ngũ GV của CTĐT có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng;

- Khoa đã tuyển được đội ngũ GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt; đã bổ nhiệm được những CB có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

3. Điểm tồn tại

Chính sách thu hút tuyển dụng nhân lực có trình độ cao của ĐHĐN và của Trường chưa thực sự hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiếp tục phát triển chính sách tuyển dụng nhân lực có trình độ cao để thu hút được nhiều GV giỏi trong lĩnh vực PP giảng dạy	Ban TCCB - ĐHĐN P. TC-HC	Từ năm học 2022-2023

2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, bổ sung Quy hoạch ngắn hạn (1 năm), dài hạn (5 năm) về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ GV của CTĐT.	P. TC-HC	Hàng năm
		Thực hiện kế hoạch hoạch tạo nguồn GV có trình độ tiến sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào Sứ mạng và Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ CBVC giai đoạn 2017-2022 **[H06.06.02.01]**. Cụ thể, tính đến tháng 8/2021, Trường có 243 GV, trong đó: Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt trên 7% trong tổng số GV (13); Tỷ lệ Tiến sĩ đạt trên 45% trong tổng số GV (116); Tỷ lệ Thạc sĩ 100 %; GV dưới 40 tuổi phải có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện để gửi đi đào tạo ở nước ngoài. GV tuyển dụng mới phải đảm bảo chuẩn ngoại ngữ B2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương; 80% GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lí.

Tính đến 10/2021, Khoa có 27 GV (18 nữ và 9 nam; 01 chuyên viên giáo vụ khoa, 26 giảng viên), trong đó có 01 PGS, 12 tiến sĩ và 16 thạc sĩ (trong đó có 08 GV đang là nghiên cứu sinh). Độ tuổi trung bình của GV là 39, 07 tuổi (36,33 tuổi đối với nữ và 48,66 tuổi đối với nam) **[H06.06.02.02]**. Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân GD tiểu học, 4 Bộ môn có 27 GV (18 nữ, 9 nam), trong đó 12 GV có trình độ TS (01 TS được đào tạo ở nước ngoài), 14 GV có trình độ ThS (01 GV đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài); GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 70%, độ tuổi 41 - 50 chiếm tỷ lệ 15% **[H06.06.02.03]**. Ngoài ra còn có sự tham gia của các GV cơ hữu trong Khoa, Trường, các cơ sở giáo dục thành viên của ĐHĐN. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành GD tiểu học trong năm học 2020-2021 là 6,92 **[H06.06.02.04]**.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên

Năm học	Tổng số GV		Tổng số người học		Tỷ lệ SV/GV
	Số GV	Số GV quy đổi	Số người học	Số người học quy đổi	
2016 - 2017	13	15	54	54	3,60
2017 - 2018	12	14	40	40	2,85

2018 - 2019	12	14	67	67	4,78
2019 - 2020	11	13	160	160	12,30
2020 - 2021	27	39	270	270	6,92
2021 - 2022	27	39	667	667	16,84

Nhìn chung, tỉ lệ sinh viên/giảng viên đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Kết quả cho thấy tỉ lệ GV/SV của ngành GD tiểu học phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tỉ lệ GV/người học quy đổi là 1/20 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH (bổ sung thêm đối với khối ngành khoa học xã hội) **[H06.06.02.05]**. Đội ngũ GV của ngành với số lượng đông và ngày càng nâng cao về chất lượng, trình độ, kinh nghiệm nên luôn đảm bảo được chất lượng giảng dạy cũng như tư vấn học thuật cho SV. Do đó, tỉ lệ SV/GV phù hợp với quy định **[H06.06.02.06]**.

Để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đào tạo, phát triển chương trình, Khoa thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đội ngũ trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ **[H06.06.02.07]**. Việc này được thực hiện dựa trên qui định của Nhà trường về vị trí việc làm **[H06.06.02.08]**.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý). Trường qui định số giờ giảng của giảng viên sau 1 năm tập sự là 140giờ/năm, giảng viên (hạng 3) là 280 giờ/năm, giảng viên chính (360 giờ/năm). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV bao gồm: Giảng viên 600 giờ/năm, giảng viên chính (660 giờ/năm), Phó Giáo sư và Giảng viên cao cấp là 720 giờ/năm, Giáo sư là 840 giờ/năm **[H06.06.02.09]**. Đồng thời, Nhà trường cũng qui định chế độ khen thưởng đối với các hoạt động KH&CN của giảng viên, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên trong nghiên cứu khoa học **[H06.06.02.10]**. Mặt khác, Nhà trường cũng quy định việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động khá chi tiết, cụ thể **[H06.06.02.11]**. Chính vì vậy, trong những năm qua, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đạt được những kết quả đáng kể trong lĩnh vực này.

Bảng 6.2.2. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp đã nghiệm thu của Khoa từ năm 2017 đến 2021

Năm học	Tổng cộng	Cấp cơ sở	Cấp ĐHĐN	Cấp Bộ	Cấp Tỉnh/Thành phố
2016 - 2017	3	2	0	1	0
2017 - 2018	2	2	0	0	0
2018 - 2019	2	0	1	1	0
2019 - 2020	2	1	1	0	0
2020 - 2021	1	1	0	0	0

Số lượng đề tài NCKH các cấp của cán bộ, GV chưa có sự gia tăng. Năm học 2016-2017 có 03 đề tài các cấp được nghiệm thu, đến năm học 2019-2020 có 2 đề tài trong đó có 1 đề tài cấp cơ sở, 1 đề tài cấp ĐHĐN, năm học 2020-2021 số lượng đề tài được nghiệm thu gồm 1 đề tài cấp cơ sở **[H06.06.02.12]**.

Bảng 6.2.3. Số lượng ấn phẩm nghiên cứu của giảng viên của Khoa

Năm học	Hình thức xuất bản						Tổng số
	Tạp chí WoS thuộc (SCIE, SSCI, AHCI, ESCI)	Tạp chí Scopus	Tạp chí quốc tế khác (có ISSN)	Tạp chí trong nước (có ISSN)	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (có ISBN)	Kỷ yếu Hội thảo trong nước (có ISBN)	
2016 - 2017	0	0	0	5	0	4	9
2017 - 2018	0	0	0	7	0	2	9
2018 - 2019	0	0	0	3	1	0	4
2019 - 2020	0	0	0	3	0	0	3
2020 - 2021	6	2	2	19	0	0	29

Bảng 6.2.3. thể hiện được số lượng các bài đăng trên tạp chí quốc tế, trong nước của cán bộ giảng viên công bố theo các năm ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là những công bố trên Tạp chí quốc tế uy tín **[H06.06.02.13]**. Điều này thể hiện Khoa và Nhà trường chú trọng đến công tác NCKH của đội ngũ GV, làm tiền đề cho việc cải tiến chất lượng giảng dạy.

Về công tác giảng dạy, trước mỗi học kỳ giảng dạy, Nhà trường triển khai công việc phân công giảng dạy, báo giảng đến từng Khoa, trên cơ sở đó, Khoa triển khai cho các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy, Khoa xét duyệt và chuyển về Phòng đào tạo tiến hành thực hiện báo giảng **[H06.06.02.14]**. Sau mỗi học kỳ, phòng Đào tạo sẽ thống

kê toàn bộ khối lượng giảng dạy qui đổi của giảng viên [H06.06.02.15], [H06.06.02.16], từ đó, phòng KHTC căn cứ khối lượng này để thanh toán giờ giảng cho giảng viên [H06.06.02.15], [H06.06.02.16], [H06.06.02.17]. Đồng thời, Phòng Khoa học & HTQT cũng tiến hành thống kê và thực hiện qui đổi giờ NCKH theo qui định [H06.06.02.18]. Đây là cơ sở để Nhà trường tiến hành xét duyệt mức phụ cấp ưu đãi hàng năm cho cán bộ, giảng viên [H06.06.02.19]. Mặt khác, mỗi cá nhân tiến hành tự đánh giá, xếp loại cá nhân sau từng năm học, Khoa tiến hành họp và xếp loại thi đua cho từng cá nhân, trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành họp, đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng và ra quyết định công nhận [H06.06.02.20], [H06.06.02.21]. Ngoài ra, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ là cơ sở để hưởng thu nhập tăng thêm theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và để xếp loại thi đua vào cuối năm [H06.06.02.22].

Các GV được phân công giảng dạy đúng theo năng lực chuyên môn và chuyên ngành nghiên cứu luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; ngoài công tác giảng dạy, GV trong Khoa tham gia tích cực hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện đề tài các cấp [H06.06.02.23], [H06.06.02.24] [H06.06.02.15], [H06.06.02.25], [H06.06.02.26], [H06.06.02.27] [H06.06.02.28]. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H06.06.02.29].

2. Điểm mạnh

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV;

- Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV ngành GD tiểu học được xác định rõ ràng và đủ điều kiện để tuyển sinh cũng như giảng dạy của ngành. Khoa GD tiểu học có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD) của GV chưa được cụ thể hóa trong các văn bản của ĐHĐN và của Trường

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần cụ thể hóa nhiệm vụ PVCD của GV trong các	ĐHĐN Phòng TCHC	Từ năm học 2022-2023

		chính sách để định hướng chung cho hoạt động này		
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.	Khoa GDTH	Hàng năm
		Rà soát lại các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV để đáp ứng được công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xác định công tác cán bộ là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định phát triển của Trường. Vì vậy, việc phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên có ý nghĩa hết sức quan trọng. Điều này được Nhà trường thể chế hoá thông qua các quy định cũng như việc chi tiết hoá, mô tả vị trí công việc tùy thuộc vào từng chức danh khác nhau **[H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]**. Công tác cán bộ được chú trọng ở tất cả các mặt, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, NCV và NV được Nhà trường thực hiện theo kế hoạch, đúng quy trình. Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ **[H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị **[H6.06.03.07], [H6.06.03.08]**. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo xuất sắc, Khoa đã đề thống nhất các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV để có đội ngũ chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường, Khoa; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới

- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc
- Yêu nghề, gắn bó với Nhà trường

Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của Khoa, Trường và qua nhiều kênh truyền thông khác **[H6.06.03.08]**, **[H6.06.03.09]**. Tất cả GV này đều trải qua kì thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao. Quy trình này được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch **[H6.06.03.10]**, **[H6.06.03.11]**. Sau khi trúng tuyển, Nhà trường sẽ tiến hành các thủ tục công nhận trúng tuyển, kí hợp đồng làm việc theo qui định **[H6.06.03.12]**. Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV đều phù hợp với chính sách, kế hoạch quy hoạch đội ngũ.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo việc thực hiện CTĐT, Khoa cũng như Nhà trường đã có các chính sách nhân sự như: thu hút đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao trong tuyển dụng cũng như chính sách nâng bậc lương trước thời hạn ... **[H6.06.03.13]**, **[H6.06.03.14]**. Về công tác bổ nhiệm cán bộ cũng được quy định rõ trong Quy chế bổ nhiệm cán bộ **[H6.06.03.15]**. Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường. Việc bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ đều được thực hiện có quy trình: lấy phiếu tín nhiệm cấp Bộ môn, cấp Khoa, Ban Giám hiệu, Đảng ủy Nhà trường thông qua cuộc họp **[H6.06.03.16]**. Bên cạnh việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, việc bổ nhiệm các chức danh chuyên môn theo tiêu chuẩn nghề nghiệp cũng được tiến hành theo qui định **[H6.06.03.17]**. Đối với Khoa, để giải quyết công việc một cách nhanh chóng và hiệu quả, các vị trí và nhiệm vụ của tất cả các cán bộ trong Khoa được xác định rõ ràng, cụ thể và công khai trong Đề án vị trí việc làm của Khoa. GV thực hiện các hoạt động chuyên môn dưới sự quản lý và giám sát của trưởng bộ môn. Ban Chủ nhiệm khoa điều hành tất cả các hoạt động với sự hỗ trợ của trợ lý giáo vụ, cố vấn học tập, trợ lý khoa học. Trách nhiệm của GV, cán bộ quản lý được quy định rõ ràng trong các văn bản của Bộ GD&ĐT và các quy định của ĐHĐN và Trường ĐHSP **[H6.06.03.18]**, **[H6.06.03.19]**, **[H6.06.03.20]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường và Khoa thực hiện công khai minh bạch các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển GV theo quy định;

- Nhà trường và Khoa có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai;

- Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và NVSP. Các ứng viên sau khi tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách phát luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

3. Điểm tồn tại

- Thông tin tuyển dụng GV hằng năm mới chỉ được công bố trên trang web của Trường;

- Quy định về bổ nhiệm của ĐHĐN đối với GV mới chỉ đề cập đến trường hợp GV xong tập sự.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thông tin tuyển dụng GV hằng năm cần được công bố trên trang web của Trường	P. TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
		Cần tiếp tục cập nhật quy định về bổ nhiệm theo các chức danh của ngạch GV	ĐHĐN P. TCHC	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến rộng rãi các văn bản về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển, trên website của Nhà trường và Khoa	P. TCHC Khoa GDTH	Hằng năm
		Định kỳ rà soát quy hoạch tạo nguồn CB đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.	Khoa GDTH	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Các GV của Trường đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Bộ GD&ĐT **[H6.06.04.01]**. Đội ngũ GV được

tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H6.06.04.02]**. Nhà trường cũng ban hành cũng như hướng dẫn qui định, cách thức để đánh giá xếp loại năng lực CBVC hàng năm **[H6.06.04.03]**. Trong định hướng phát triển của Khoa, CTĐT GD tiểu học đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Năng lực của đội ngũ GV được xác định bao gồm cả 3 yêu cầu: năng lực giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng. Những ứng viên được tuyển làm GV của Trường nói chung và Khoa GD tiểu học nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm **[H6.06.04.04]**. Sau khi trúng tuyển, giảng viên đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm **[H6.06.04.05]**. 100% các GV ngành GD tiểu học được Khoa, Nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% tỷ lệ giảng viên trình độ tin học, ngoại ngữ bắt buộc theo quy định. Đội ngũ GV cũng tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình chất lượng **[H6.06.04.06]**. Bên cạnh đó, GV còn tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: ủng hộ người nghèo, đồng bào bị bão lụt, người dân bị ảnh hưởng dịch covid-19,... **[H6.06.04.07]**. Như vậy, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa ban hành qui định hồ sơ giảng dạy của giảng viên, trong đó chú trọng việc thiết kế và triển khai chương trình dạy và học, xây dựng đề cương học phần, triển khai các phương pháp dạy, học, đánh giá theo CĐR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học **[H6.06.04.08]**. Nhà trường quy định đối với GV trong việc tham gia hội thảo, hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp, đào tạo thực tế hoặc đưa SV đi thực tập **[H6.06.04.09]**, **[H6.06.04.10]**, **[H6.06.04.11]**, **[H6.06.04.12]**, **[H6.06.04.13]**. Đồng thời, Nhà trường qui định giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH, cụ thể mỗi GV hướng dẫn 02 đề tài/năm học **[H6.06.04.14]**.

Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình chất lượng. Năng lực nghiên cứu của GV được thể hiện thông qua các bài báo khoa học, tham gia các đề tài các cấp, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học. Năm học 2017-2018 và 2019-2020, Khoa đã nghiệm thu 01 đề tài cấp ĐHQĐ; 01 đề tài cấp cơ sở. Hướng dẫn 41 đề tài SV NCKH, trong đó có 05 đề tài đạt giải nhất cấp Khoa và 01 giải khuyến khích cấp Trường và 01 giải thưởng KOVA ở hạng mục triển vọng. Có 37 bài báo được đăng trên các tạp chí trong, 06 bài được đăng trên kỷ yếu hội thảo, đặc biệt có 4 bài thuộc tạp chí ISI/Scopus được nhận khen thưởng **[H6.06.04.15]**, **[H6.06.04.16]**.

Việc đánh giá các học phần của được thông qua việc triển khai của Phòng KT&ĐBCLGD **[H6.06.04.17]**. Kết thúc mỗi học phần, Phòng KT&ĐBCLGD đều lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá và trên hệ thống

Website. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. SV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV CTĐT GDTH **[H6.06.04.18]**.

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới **[H06.06.04.19]**. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và quyết định công nhận **[H6.06.04.20]**, **[H6.06.04.21]**. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Các kết quả đánh giá cũng phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, xét nâng bậc lương, luân chuyển, phân công công tác hoặc thôi việc. Danh sách các GV trong diện đánh giá, đến hạn đánh giá và kết quả đánh giá và lộ trình yêu cầu cho GV các được thông báo trong toàn trường **[H6.06.04.22]**, **[H6.06.04.23]**. Nhà trường có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H6.06.04.24]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại viên chức và người lao động để hưởng lương tăng thêm **[H6.06.04.25]**, **[H6.06.04.26]**. Các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho GV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H06.06.04.27]**.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Phần lớn các GV của Khoa có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao điểm đạt từ 90 đến 96%, xếp loại A và nhiều cá nhân được khen thưởng các cấp **[H6.06.04.28]**.

Tóm lại, các khen thưởng của cán bộ, GV hết sức đa dạng cả về loại hình và cấp độ. Ngoài ra, trong lĩnh vực KH&CN, một số GV cũng được Nhà trường khen thưởng, vinh danh vì đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học **[H6.06.04.29]**.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ GV đã được quan tâm và thực hiện theo đúng quy định;

- Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá;

- Đội ngũ cán bộ GV của Khoa có trình độ Tiến sĩ, có năng lực NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Tiêu chí đánh giá GV hằng năm của Trường chưa tham khảo kết quả nhận xét của SV về chất lượng giảng dạy;

- Nhà trường chưa có hệ thống CNTT đồng bộ để đánh giá, xếp loại CBVC và GV hằng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần có qui định sử dụng kết quả nhận xét của SV về chất lượng giảng dạy.	P. TCHC	Từ năm học 2022-2023
		Cần từng bước tin học hóa một cách đồng bộ hoạt động đánh giá, xếp loại CB và GN hàng năm.	P. TCHC Tổ CNTT	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực; Tiếp tục động viên, khuyến khích cán bộ, GV học tập bậc Tiến sĩ trong và ngoài nước.	P. TCHC Khoa GDTH	Hằng năm
		Tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH của GV theo hướng chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng.	Khoa GDTH	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển đội ngũ GV được xác định rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP - ĐHĐN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.05.01], [H6.06.05.02]. Công tác phát triển đội ngũ được lãnh đạo Trường chú trọng trong suốt những năm qua. Năm 2017, Trường đã xây dựng và ban hành *Chiến*

lược phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2017 - 2022 làm nền tảng công tác phát triển đội ngũ [H6.06.05.02]. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Nhà trường đã xây dựng quy trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng sự phát triển của Nhà trường [H6.06.05.03]. Để xác định cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ GV, NCV, Nhà trường triển khai cho các đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.04]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi đơn vị, đặc biệt là các Khoa chuyên môn để từ đó có phương án phát triển đội ngũ [H6.06.05.05].

Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa GD tiểu học luôn bám sát quy định về phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn của Nhà trường [H6.06.05.06]. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn GV được Khoa GD tiểu học xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT GD tiểu học, dựa vào nhu cầu được ĐT, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường [H6.06.05.07]. Theo quy định, mỗi GV sau khi được tuyển dụng sẽ được GV có trình độ và kinh nghiệm hướng dẫn, giúp đỡ phát triển năng lực chuyên môn [H6.06.05.08], [H6.06.05.09] [H6.06.05.10]. Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ GV của Khoa đi đào tạo trong nước và nước ngoài nhằm nâng trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng dạy [H6.06.05.11] [H6.06.05.12]. Đồng thời, Nhà trường và Khoa cũng cử đội ngũ GV tham dự các khoá bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ cho GV như: Bồi dưỡng E-learning, tập huấn, Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực công bố quốc tế, Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực huy động nguồn nhân lực thuộc dự án FCB, Tập huấn về giáo dục STEM trong giáo dục trung học tại thành phố Đà Nẵng, Tập huấn dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu trong trường đại học,... [H6.06.05.13]. Dựa trên các kế hoạch của Khoa và Nhà trường xem xét và xác định kế hoạch cũng như ngân sách cho các hoạt động đào tạo và phát triển của GV [H6.06.05.14]. Ngân sách cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được thực hiện từ nguồn kinh phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP - ĐHDN [H6.06.05.15] [H6.06.05.16]. Nhờ những chính sách phát triển đội ngũ của Nhà trường, trong những năm qua đội cán bộ, GV của đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Nhà trường và Khoa thông báo công khai các chương trình học bổng nước ngoài tạo điều kiện để cán bộ GV tham gia dự tuyển [H6.06.05.17]. Điều này cũng tạo điều kiện cho các GV phát triển chuyên môn và năng lực. Trong giai đoạn từ 2015-2021, Khoa có 07 GV đã hoàn thành CTĐT tiến sĩ. Hiện tại, khoa có 08 GV đang học NCS trong và ngoài nước. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, GV trong những năm qua đã được đào tạo chuyên môn, đặc biệt là trình độ tiến sĩ trong và ngoài [H6.06.05.18].

Bảng 6.5.1. Tổng hợp tình hình GV được bồi dưỡng đào tạo và phát triển chuyên môn của Khoa GD tiểu học 2017 - 2021

TT	Nội dung đào tạo	Trong nước	Quốc tế	Kết quả đã tốt nghiệp	Tỉ lệ (%)
1.	Nghiên cứu sinh trong và ngoài nước	15	04	11	57.89
2.	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học	27	01	28	100
3.	Bồi dưỡng lý luận chính trị - hành chính	05	0	04	80
4.	Các khóa đào tạo ngắn hạn	06	0	06	100
5.	Hội thảo khoa học	05	03	08	100
6.	Seminar khoa học	28	0	28	100

Bên cạnh hoạt động nâng cao trình độ, công tác nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cũng được Khoa, Nhà trường chú trọng. Trong 5 năm qua, 100% GV có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.19]. Hơn nữa, hiện nay, ngoài 01 cán bộ đang tham gia học, Khoa đã có 04 cán bộ GV đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị [H6.06.05.20]. Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, cán bộ giảng viên của Khoa cũng đã tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.21].

Để công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV đạt hiệu quả, Trường luôn chú trọng theo dõi, đánh giá hoạt động bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV theo quy định của ĐHQĐ, GV đi học phải có báo cáo tiến độ học tập [H6.06.05.22]. CBGV có trình độ ThS phải cam kết và có kế hoạch cụ thể học nghiên cứu sinh; Trường theo dõi, giám sát và có công văn xử lý đối với trường hợp CBGV không đi học đúng thời hạn [H6.06.05.23]. Đa số CBGV của Khoa đều được tạo điều kiện để tham gia học tập, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ. Dự kiến đến năm 2025, sẽ có thêm 08 GV nhận bằng Tiến sĩ.

Tất cả các hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ được tổng kết, báo cáo và đánh giá thông qua báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Khoa và Nhà trường [H6.06.05.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như cử đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại nước ngoài;

Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả;

Nhà trường đã tổ chức và cử GV tham gia khoá bồi dưỡng, hội thảo nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm của GV chưa được tiến hành một cách đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần khảo sát nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV một cách toàn diện để có kế hoạch bồi dưỡng sát với nhu cầu thực tế.	P. TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Nhà trường đặc biệt quan tâm tới các GV mới, GV tập sự, hành lập quỹ hỗ trợ GV trẻ, có chính sách hỗ trợ GV mới NCKH qua các đề tài khởi nghiệp.	P. TCHC P.KH&HTQT P. KHTC Khoa GDTH	Hàng năm
		Đẩy mạnh việc tìm kiếm các nguồn tài trợ để hỗ trợ cho GV tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ	P.TCHC P.KH&HTQT P. KHTC	Hàng năm
		Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV của Khoa	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản lý theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đề tạo động lực và hỗ trợ cho việc đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV, Nhà trường có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen...) **[H6.06.06.01]**. Công tác thi đua, khen thưởng được Trường và Khoa rất coi trọng. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên và khuyến khích các GV tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH, hoạt động nâng cao trình độ đào tạo, nghiệp vụ và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch theo trình tự: GV tự đánh giá, tập thể Bộ môn đánh giá, Khoa đánh giá và Trường đánh giá. Các tiêu chí để đánh giá GV được xác định rõ ràng trong bộ tiêu chí đánh giá. Căn cứ vào hiệu quả công việc, kết quả xếp loại GV theo 4 mức với các mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ **[H6.06.06.02]**. Việc khen thưởng cho GV chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo **[H6.06.06.03]**, **[H6.06.06.04]**. Căn cứ vào chức vụ, vị trí công việc khác nhau, mỗi cán bộ, GV của Khoa thực hiện việc đăng kí thi đua hàng năm, từ đầu năm học **[H6.06.06.05]**, **[H6.06.06.06]**.

Hồ sơ năng lực cán bộ, GV được xem làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ GV **[H6.06.06.07]**. Công tác đánh giá kết quả công việc của được thực hiện dựa trên khối lượng công việc được giao như: giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm **[H6.06.06.08]**, **[H6.06.06.09]**, **[H6.06.06.10]**, **[H6.06.06.11]**, **[H6.06.06.12]** **[H6.06.06.13]**. Cán bộ GV Khoa GD tiểu học. thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường **[H6.06.06.13]**.

Trên cơ sở đánh giá, xếp loại viên chức của Khoa, Nhà trường tiến hành họp bình xét xếp loại, đánh giá thi đua toàn trường. Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại. Nếu không có thông tin phản hồi, Trường sẽ ra quyết định công nhận đánh giá, xếp loại viên chức toàn trường và công khai trên trang văn thư điện tử để toàn thể cán bộ, GV biết **[H6.06.06.14]**, **[H6.06.06.15]** **[H6.06.06.16]**. Kết quả đánh giá và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể và cá nhân được thông báo đến các đơn vị bằng văn bản và được công khai trên website của Trường **[H6.06.06.17]**.

Với từng chức danh công việc, Trường sử dụng quy định chế độ làm việc của GV của ĐHĐN để xác định khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy **[H6.06.06.18], [H6.06.06.19]**. Trong một năm học, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có một công trình nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, Nhà trường có quy định thanh toán tiền vượt giờ, khen thưởng đối với các bài báo khoa học bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 10 đến 50 triệu đồng/công trình **[H6.06.06.20], [H6.06.06.21]**.

Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động KHCN **[H6.06.06.22]**. Tính đến 5/2021, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thu đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng **[H6.06.06.23]**. Trong 5 năm qua, nhiều GV trong Khoa đã đạt được danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; có GV đạt danh hiệu thi đua cấp Bộ; GV được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN, Hiệu trưởng Trường ĐHSP và của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên; nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH (Bảng 6.6.1) **[H6.06.06.24]**.

Bảng 6.6.1. Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa GDTH

Năm học	Giấy khen của ĐHSP	Giấy khen của ĐHĐN	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Chiến sỹ thi đua cấp bộ
2016 - 2017	0	03	03	0
2017 - 2018	02	03	01	0
2018 - 2019	0	0	1	0
2019 - 2020	01	02	0	0
2020 - 2021	02	01	02	0

Để phù hợp với điều kiện thực tiễn trong việc đánh giá kết quả công việc của cán bộ, GV, năm học 2018 - 2019, Trường đã góp ý văn bản của ĐHĐN để rà soát, cập nhật, ban hành hướng dẫn đánh giá xếp loại CBVC và thi đua khen thưởng phù hợp với điều kiện hiện nay **[H6.06.06.25]**. Đồng thời, Nhà trường đã chủ trương tổ chức rà soát và nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá cán bộ GV theo năng lực thực hiện công việc giúp đánh giá chính xác năng lực, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV. Cụ thể, năm 2018, Nhà trường tổ chức Tập huấn về xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực hoàn thành nhiệm vụ theo KPIs **[H6.06.06.26]**.

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Khoa triển khai thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng và công khai, minh bạch, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt;

- Các GV của Khoa đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Nhà trường, của Khoa.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa có mẫu thống nhất để gv đăng kí thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học và làm cơ sở để cuối năm đánh giá;

- Trường chưa tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng mẫu thống nhất để GV đăng kí thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học và làm cơ sở để đánh giá cuối năm	P. TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
		Cần định kì tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng	P. TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quả việc quản trị theo kết quả công việc của GV	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục thực hiện các quy định về thi đua khen thưởng, khuyến khích, tạo điều kiện để GV hoàn thành nhiệm vụ	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm

	Tiếp tục rà soát quy định về đánh giá khen thưởng để đảm bảo tính công bằng.	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm
--	--	----------------------	----------

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn xác định nghiên cứu KHCN, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN, sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. Tất cả các chính sách này được Nhà trường áp dụng cho tất cả các hoạt động cụ thể cũng như kế hoạch hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN cấp khoa bao gồm seminar khoa học cấp Khoa/Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Khoa/Ngành [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Các hoạt động nghiên cứu của Khoa được tổ chức, quản lý và thống kê bởi Phòng Khoa học & HTQT và một cán bộ phụ trách của Khoa [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Các loại hình hoạt động NCKH bao gồm các dự án, đề tài nghiên cứu ở tất cả các cấp theo các hướng nghiên cứu cơ bản, ứng dụng, triển khai [H6.06.07.08]. Để thúc đẩy hoạt động NCKH và đánh giá kết quả đạt được của các GV; ĐHĐN đã ban hành quy định trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn cho hoạt động NCKH. Theo đó, mỗi GV phải đạt được 600 giờ chuyển đổi mỗi năm (tương đương với 01 điểm công trình khoa học trong cách tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước) [H6.06.07.09].

Các chính sách về hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo được cụ thể hoá trong các quy định về KHCN phù hợp với thể mạnh của Trường, phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu cũng như phù hợp với nhu cầu của cán bộ GV: *Quy định về tham dự hội nghị hội thảo trong và ngoài nước*: hướng dẫn quy trình và chế độ cho GV về việc tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H6.06.07.10]; *Quy định về biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập*: hướng dẫn quy trình, các bước thực hiện việc nghiệm thu giáo trình, tài liệu học tập một cách cụ thể, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập [H6.06.07.11], [H6.06.07.12]; *Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Trường*: quy định các bước thực hiện đề tài cấp Trường chặt chẽ, rõ ràng, công bằng và minh bạch (từ khâu đầu tiên là thông báo đăng kí đề xuất, xét chọn danh mục đề tài đến khâu nghiệm thu đều được thực hiện theo đúng

quy định. Phụ lục các biểu mẫu đính kèm quy định giúp cho GV và cán bộ quản lý đề tài thực hiện thuận lợi hơn) **[H6.06.07.13], [H6.06.07.14]**; Quy định khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHSP – ĐHDN: quy định các hình thức khen thưởng và quy trình gửi hồ sơ khen thưởng. Quy định đã phần nào tạo động lực và khuyến khích cán bộ tham gia NCKH **[H6.06.07.15], [H6.06.07.16]**. Quy định hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp Khoa tại Trường ĐHSP- ĐHDN: dựa trên quy định này, các Khoa có định hướng ngay từ đầu năm học về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Khoa trong năm học và việc tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đã đăng kí cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn nhờ các điều khoản hướng dẫn cụ thể của quy định, các biểu mẫu đăng kí có sẵn **[H6.06.07.17]**. Đồng thời, Nhà trường cũng tiến hành xây dựng Sổ tay NCKH nhằm thuận lợi tốt hơn trong hoạt động này **[H6.06.07.08]**.

Trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến việc tăng số lượng các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy, việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy cũng được Nhà trường quan tâm và đang nghiên cứu để triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh **[H6.06.07.18]**. Quy trình thực hiện dựa vào Quy chế hoạt động các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy thuộc ĐHDN và các Trường thành viên **[H6.06.07.19], [H6.06.07.18]**.

Trong quá trình áp dụng thực hiện các chính sách về nghiên cứu, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới các quy định để phù hợp với xu hướng mới, phù hợp với điều kiện của cán bộ GV và phù hợp với chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn. Cụ thể: Quy định Khen thưởng hoạt động KHCN thường niên Trường ĐHSP năm 2017 được thay thế bằng quy định Khen thưởng hoạt động KHCN Trường ĐHSP ban hành vào năm 2019. Quy định mới vẫn giữ nguyên các bước thực hiện nhưng đã điều chỉnh về hình thức khen thưởng, ngoài việc hỗ trợ các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/ SCOPUS, còn có hỗ trợ các tác giả có bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, chủ nhiệm các đề tài dự án lớn..., hình thức xét thưởng cũng có nhiều điểm mới như tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, tạo sự công bằng khi tính điểm và xếp loại các công bố quốc tế ISI và SCOPUS **[H6.06.07.15], [H6.06.07.20]**; Quy định biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập ban hành năm 2017 cũng đã được thay đổi bằng quy định mới năm 2019. Quy định mới rút ngắn một số giai đoạn nhưng vẫn đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục và thời gian cho CBGV **[H6.06.07.21]**; Nhà trường cũng đang lấy ý kiến và dự kiến sẽ ban hành quy định tham dự hội nghị, hội thảo mới thay thế cho quy định tham dự hội nghị hội thảo ban hành năm 2017 **[H6.06.07.22]**. Quy định NCKH SV cũng được điều chỉnh sửa đổi phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Nhà trường, bảo đảm chế độ hỗ trợ GV hướng dẫn và SV thực hiện nghiên cứu **[H6.06.07.23]**.

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả tốt trong lĩnh vực NCKH của Nhà trường, tiêu biểu là đề tài KHCN các cấp, công bố khoa học trong nước và quốc tế, giáo trình và tài liệu học tập hầu hết tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng mà Khoa đã thực hiện.

Nhiệm vụ NCKH của GV được thúc đẩy bởi một số quỹ như Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam, Bộ GD&ĐT, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ĐHQĐ, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Tỉnh/Thành, ... GV đề xuất các dự án NCKH, sẽ được đánh giá trước khi phê duyệt, định kỳ sẽ có báo cáo kiểm tra tiến độ giữa kỳ đề tài nhằm giám sát tình hình thực hiện NCKH các cấp của GV [H6.06.07.24].

Số lượng đề tài NCKH các cấp của cán bộ, GV chưa có sự gia tăng. Năm học 2016-2017 có 03 đề tài các cấp được nghiệm thu, đến năm học 2019-2020 có 2 đề tài trong đó có 1 đề tài cấp cơ sở, 1 đề tài cấp ĐHQĐ, năm học 2020-2021 số lượng đề tài được nghiệm thu gồm 1 đề tài cấp cơ sở [H6.06.02.12], [H6.06.07.25].

Từ năm học 2016-2017 đến nay Khoa đã viết được 02 giáo trình từ 2016-2021, các giáo trình này đã được sử dụng để giảng dạy; Cán bộ trong Khoa cũng đã viết được 02 sách chuyên khảo, 1 giáo trình, 3 tài liệu tham khảo được sử dụng trong quá trình giảng dạy cho sinh viên [H6.06.07.26].

Số lượng bài báo công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế tăng theo từng năm kể từ năm 2016-2021, cụ thể: Năm học 2016-2017 không có bài báo quốc tế thì đến năm học 2020-2021 có 04 bài [H6.06.07.27].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường. Các ấn phẩm NCKH của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Bảng 6.7.1. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp 2016 – 2021.

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp ĐHQĐ	Cấp Bộ	Cấp Tỉnh/Thành phố	Tổng cộng
2016 - 2017	2	0	1	0	3
2017 - 2018	2	0	0	0	2
2018 - 2019	0	1	1	0	2
2019 - 2020	1	1	0	0	2
2020 - 2021	1	0	0	0	1
Tổng số	6	2	2	0	10

Bảng 6.7.2. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố 2015 - 2020

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế uy Tín (SCIE/SSCI/AHCI/ESCI/Scopus)	1,0 trở lên	0	0	0	0	8	8
2	Tạp chí khoa học/Kỹ yếu Hội thảo được tính điểm trong Hội đồng chức danh GSNN	1,0	2	3	2	2	10	19
3	Tạp chí khoa học/Kỹ yếu Hội thảo được tính điểm trong Hội đồng chức danh GSNN	0,5 – 0,75	6	6	2	1	11	26
4	Tạp chí khoa học/Kỹ yếu Hội thảo được tính điểm trong Hội đồng chức danh GSNN	0,25	1	0	0	0	0	1

Kết quả hoạt động NCKH của cán bộ, GV được Khoa và Nhà trường tổng hợp, đánh giá và báo cáo toàn trường là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thiện nhiệm vụ, căn cứ để đánh giá xếp loại thi đua của GV **[H6.06.07.28], [H6.06.07.29]**.

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH phục vụ công tác đào tạo và phát triển CTĐT, nhà trường cũng đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV và các bên liên quan **[H6.06.07.30]**. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn để cải thiện chất lượng NCKH cũng như phục vụ công tác đào tạo. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH tiếp theo. Kết quả cho thấy có sự thay đổi về số lượng, chất lượng của các hoạt động NCKH của GV sau mỗi lần đối sánh, thể hiện rõ nhất là công bố quốc tế được cải thiện cả về số lượng và chất lượng. Ngoài ra, đề tài NCKH của SV do GV hướng dẫn cũng được cải thiện về chất lượng qua các năm, nhiều đề tài đạt giải cao trong các cuộc thi NCKH dành cho SV **[H6.06.07.31] [H6.06.07.32], [H6.06.07.33], [H6.06.07.34]**

2. Điểm mạnh

Cán bộ, GV của Khoa luôn chú trọng đến công tác NCKH với sự đa dạng các loại hình: đề tài NCKH các cấp, xuất bản sách, giáo trình, tham gia các Hội nghị, hội thảo

trong và ngoài nước, công bố các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí quốc tế có uy tín.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa thực hiện đối sánh về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH với các đơn vị ngoài trường cùng ngành đào tạo;

- Kinh phí chi cho hoạt động NCKH cho các Khoa chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiến hành đối sánh về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH với các đơn vị ngoài trường cùng ngành đào tạo để có thể định hướng được hoạt động NCKH của Khoa/ngành/GV.	P. KH&HTQT Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
		Cần có kế hoạch, chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH cho đội ngũ GV các Khoa.	P. KH-TC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường cần đa dạng hơn hoạt động NCKH khác nhau để GV tham và gia phù hợp với hoàn cảnh của từng nhóm GV;	P. KH&HTQT P. KHTC Khoa GDTH	Hàng năm
		Phát huy cơ chế khen thưởng để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.	P. KH&HTQT Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Trong những năm qua, căn cứ tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược, kế hoạch của Nhà trường, Khoa đã xây dựng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm thực hiện tốt nhất CTĐT. Một mặt, đội ngũ GV, nhân viên của Khoa hàng năm được bổ sung và nâng cao trình độ. Mặt khác, đội ngũ GV, nhân viên của Khoa không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ công tác đào tạo, CDR của CTĐT cũng như phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, GV vẫn còn hạn chế. Do đó, trong tương lai, việc nâng cao trình độ ngoại ngữ là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa với những giải pháp cụ thể và đồng bộ để phục vụ tốt hơn việc thực hiện và phát triển CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6: 7/7 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường ĐHSP - ĐHDN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, các bộ phận hỗ trợ SV khá, đội ngũ nhân viên hành chính của khoa. Đội ngũ nhân viên của Khoa GD Tiểu học được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, văn phòng khoa, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường và trong Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.01], [H7.07.01.02].

Trên cơ sở các văn bản của Nhà trường, Khoa đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Khoa, mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên văn phòng khoa [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Bên cạnh đó, Khoa cũng phân tích, dự báo đội ngũ nhân viên, xây dựng đề án vị trí việc làm và trình Nhà trường để ra quyết định phân công hỗ trợ hoặc tuyển dụng nhân sự mới [H7.07.01.06]. Chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên của nhà trường công khai, minh bạch thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển. Nhà trường luôn có những hoạt động cụ thể để chuẩn bị (thông báo tuyển dụng, bồi dưỡng, ...) trước nguồn lực nhân viên sẽ thiếu trong tương lai. Đây là cơ sở để quy hoạch đội ngũ nhân viên hàng năm. [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10], [H7.07.01.11], [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14], [H7.07.01.15].

Nhà trường đã có chính sách thu hút, tuyển dụng phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, tổ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, được thể hiện trong các văn bản: Quy định/quy trình tuyển dụng của Nhà trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP - ĐHĐN, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP - ĐHĐN **[H7.07.01.16], [H7.07.01.17], [H7.07.01.18], [H7.07.01.19]**. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức từ ngạch kỹ sư sang ngạch GV giảng dạy thực hành dựa trên các văn bản của ĐHĐN, chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành, đào tạo sau đại học và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ **[H7.07.01.20], [H7.07.01.21]**. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tuyển dụng và sử dụng theo quy chế tổ chức của Nhà trường. Đa số nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, đồng thời cũng góp phần quan trọng trong việc đạt được mục tiêu của từng năm học của Nhà trường **[H7.07.01.22]**.

Hiện tại, Khoa GDTH có 01 nhân viên hỗ trợ cho hoạt động đào tạo của Khoa **[H7.07.01.23]**. Các nhân viên hỗ trợ thực hiện chức năng nhiệm vụ được phân công theo quy định chuẩn nghề nghiệp và mô tả công việc với từng chức danh cụ thể đóng vai trò giáo vụ khoa, thư ký khoa; các nhân viên này hỗ trợ các mặt liên quan đến học vụ, xử lý các tác vụ liên quan đến công tác hành chính, soạn thảo văn bản, quản lý công văn, xây dựng lịch làm việc của Khoa **[H7.07.01.05]**. Các nhân viên hỗ trợ của khoa hoạt động kết hợp đồng bộ trên nguyên tắc cá nhân phụ trách, tập thể chịu trách nhiệm và được mô tả cụ thể trong các bản mô tả công việc của từng cá nhân và được các cấp lãnh đạo phê duyệt cụ thể, nghiêm túc. Theo định kỳ, các Khoa và các Phòng/Tổ gửi lên Trường kế hoạch nhân sự về đội ngũ cán bộ hỗ trợ dựa theo phân tích nhu cầu quy mô đào tạo và định hướng phát triển Nhà trường. Hồ sơ, lý lịch các nhân viên hỗ trợ của Khoa được lưu trữ cẩn thận và đúng quy định tại Phòng Tổ chức Hành chính của Trường **[H7.07.01.24]**.

Thực hiện quy chế đào tạo theo quy định, Khoa thường xuyên phân công GV thuộc CTĐT GD Tiểu học tham gia công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập. Văn bản phân công được công bố công khai và lưu tại văn phòng khoa **[H7.07.01.25]**. Các GV được phân công năng lực chuyên môn tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, là kênh thông tin kết nối giữa người học và CTĐT, có khả năng tư vấn tốt, kịp thời hỗ trợ người học, có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch giảng dạy chung của Khoa GDTH và của của Trường. Ngoài ra, đội ngũ cố vấn học tập phụ trách lớp SV hoặc nhóm SV có năng lực chuyên môn và khả năng tư vấn tốt, kịp thời hỗ trợ, giúp NH hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo

quy định của Nhà nước. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa.

Cùng với việc phân công GV tham gia công tác chủ nhiệm, cố vấn học tập, CTĐT GD Tiểu học trong từng năm học, từng thời điểm cũng phân công các GV tham gia làm các công tác kiêm nhiệm: Công tác khảo thí, ĐBCL, NCKH, thực hành - thực tập, ...[H7.07.01.26]. Đội ngũ kiêm nhiệm và nhân viên hỗ trợ được tập huấn về chuyên môn nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả phục vụ Khoa, Trường một cách tốt nhất. Khoa, Trường thường xuyên tổ chức các khoá tập huấn để hỗ trợ đội ngũ này thực hiện nhiệm vụ như tập huấn kỹ năng soạn thảo, lưu trữ văn bản; hướng dẫn khởi nghiệp; công tác chủ nhiệm/cố vấn học tập, ... [H7.07.01.27], [H7.07.01.28], [H7.07.01.29].

Cùng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ tại Khoa, các GV giảng dạy tại Khoa GD Tiểu học và người học còn được hỗ trợ tài liệu, thông tin qua đội ngũ chuyên viên, nhân viên kỹ thuật của các phòng chức năng, tổ trực thuộc [H7.07.01.30]. Đội ngũ cán bộ thư viện của trường có đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ tin học, đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu của GV và SV. Đội ngũ cán bộ phụ trách hệ thống CNTT của Trường gồm 6 người được đào tạo chuyên môn về CNTT trong đó có 1 cán bộ có trình độ tiến sĩ về Hệ thống thông tin [H7.07.01.31]. Số lượng thư viện viên và cán bộ CNTT đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đã được quy hoạch ngắn hạn và dài hạn một cách có hệ thống từ cấp ĐHĐN đến Trường ĐHSP cũng như cấp phòng và khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu cả về chất lượng và số lượng.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên có liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của Khoa. Đội ngũ nhân viên nhận được đánh giá phản hồi tốt về mức độ phục vụ từ các bên liên quan, tỉ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỉ lệ rất cao trên 85% [H7.07.01.32], [H7.07.01.33]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ và lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của Khoa, các buổi họp khoa. Trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của chương trình, khoa luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 100% nhân viên hỗ trợ của Khoa đều được đánh giá là hoàn thành tốt công việc được phân công.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa được tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT;

- Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học, từ cấp đơn vị đến cấp trường. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ NV chưa thật sự toàn diện, bài bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhân viên một cách bài bản	P. TCHC	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, tuyển dụng, bổ sung nhân sự	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm
		Tổ chức hoặc cử đội ngũ nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực.	P. TCHC Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Đề thu hút được đông đảo các cán bộ, nhân viên có năng lực, hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã có kế hoạch tuyển dụng, ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc đối với cán bộ hỗ trợ của trường được quy định bởi Bộ Nội vụ VN, Bộ GD&ĐT và ĐHĐN [H7.07.02.01], [H7.07.02.02]. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03]. Các thông tin về tuyển dụng đội ngũ CB hỗ trợ hàng năm đều có chỉnh sửa, được phổ biến đến toàn thể CB, GV, nhân viên, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng trước khi tuyển dụng [H7.07.02.04].

Các tiêu chí tuyển dụng và các tiêu chí khuyến khích được xây dựng để đánh giá không chỉ là bằng cấp của ứng cử viên, mà còn cả năng lực tiếng Anh, năng lực công nghệ thông tin, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm làm việc **[H7.07.02.05]**. Ngoài ra, Nhà trường cụ thể hóa các tiêu chí này cho từng vị trí việc làm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ riêng của Trường **[H7.07.02.06]**. Các nhân viên hỗ trợ của Trường (trong đó có hỗ trợ cho CTĐT ngành GDTH) đều đáp ứng tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt và hồ sơ rõ ràng; hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ và có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí công việc. Hồ sơ tuyển dụng của các ứng viên được gửi đến bộ phận tổ chức cán bộ của Phòng TCHC và Trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng để xem xét hồ sơ và tổ chức thi tuyển dụng **[H7.07.02.07]**.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân viên cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt **[H7.07.02.08]** **[H7.07.02.07]**. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của Trường. Khoa GD Tiểu học thực hiện việc tiếp nhận, điều chuyển nhân viên hỗ trợ theo các quyết định của Phòng TCHC, bảo đảm tuân thủ các quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ viên chức theo các đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Sau khi được tuyển chọn, các ứng viên trải qua thời gian tập sự tại vị trí tuyển dụng dưới sự giám sát của người hướng dẫn để đánh giá khả năng và sự phù hợp với công việc được giao. Kết quả tập sự sẽ là căn cứ để bổ nhiệm họ vào vị trí chính thức. Ngoài ra, trong quá trình công tác một số cán bộ được xem để luân chuyển, chuyển ngạch phù hợp với nhu cầu và năng lực được đánh giá hàng năm của họ **[H7.07.02.09]**, **[H7.07.02.10]**, **[H7.07.02.11]**, **[H7.07.02.12]**, **[H7.07.02.13]**.

Hàng năm, để xây dựng những tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được rõ ràng, hiệu quả, Nhà trường căn cứ trên yêu cầu công việc, phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan (GV và SV) về từng vị trí việc làm để đưa ra bộ tiêu chuẩn phù hợp. Trong công tác tuyển dụng, Nhà trường luôn nghiêm túc tuyển theo đúng quy trình và được công khai minh bạch, thông báo đến tất cả các ứng viên. Sau khi Phòng TCHC tổng hợp chỉ tiêu tuyển dụng từ các đơn vị, được Hiệu trưởng duyệt, Nhà trường sẽ công khai đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường.

Bên cạnh đó, các quy định đối với công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, điều chuyển cán bộ cũng được Nhà trường xây dựng thành các tiêu chí cụ thể và phổ biến đến toàn thể cán bộ, GV trong toàn trường thông qua website, sổ tay cán bộ GV hay thông qua các buổi sinh hoạt.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhà trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình;

Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường và của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ chưa được tiến hành bài bản. Kết quả khảo sát chưa làm rõ mức độ đáp ứng và chưa có giải pháp khắc phục một cách cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch và tiến hành triển khai một cách bài bản hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ hỗ trợ.	Phòng TCHC Khoa GD Tiểu học	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Có thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên	Phòng TCHC Khoa GD Tiểu học	Hàng năm
		Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho các nhân viên được tuyển dụng.	Phòng TCHC Khoa GD Tiểu học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo của Nhà trường liên quan đến nhiều yếu tố, trong đó một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng là đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định của Nhà trường, có tiêu chí rõ ràng, có công cụ đánh giá năng lực của nhân viên. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ... [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Nhà trường xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) một cách rõ ràng, công khai **[H7.07.03.04]**. Bộ công cụ đánh giá này được xây dựng căn cứ vào quy định, hướng dẫn của ĐHĐN.

Đội ngũ nhân viên của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ gián tiếp trực thuộc các bộ phận, phòng, tổ và trung tâm của Trường. Khoa GDTH có cán bộ hỗ trợ trực tiếp, gồm cán bộ phụ trách công tác sinh viên, thư ký, giáo vụ Khoa làm việc trực tiếp tại Khoa. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Cử nhân trở lên. Chương trình còn có đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: cố vấn học tập, cán bộ trợ lý NCKH, cán bộ trợ lý Giáo vụ **[H7.07.03.05]**. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư, thủ thư, NCKH, ... **[H7.07.03.06]**, **[H7.07.03.07]**. Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính. Các GV kiêm nhiệm làm việc theo lịch công tác tuần.

Nhà trường và Khoa xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ...) một cách rõ ràng, công khai.

Khoa GDTH đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hàng năm, đã xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đội ngũ nhân viên được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, những mặt mạnh, những mặt chưa đạt theo quy trình đánh giá cán bộ GV:

- Làm báo cáo tự đánh giá nhiệm vụ được giao
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến
- Khoa thông qua phân loại xét thi đua
- Họp khoa thông qua kết quả và trình Nhà trường, hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá.
- Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường ra quyết định phân loại, xét danh hiệu thi đua.
- Các cá nhân phản hồi về kết quả thi đua (nếu có)
- Nhà trường chuẩn y danh sách phân loại thi đua, khen thưởng

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng năm thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí về quy định của chương trình, khoa, Nhà trường **[H7.07.03.08]**.

Khoa GDTH đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hằng năm, đã xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá cho thấy nhân viên của Khoa từ năm 2016 đến nay đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều nhân viên của khoa được nhận giấy khen của Hiệu trưởng, của Giám đốc ĐHĐN, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở **[H7.07.03.09]**.

Việc đánh giá hàng năm của Nhà trường và các cuộc khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV **[H7.07.03.10]**. Kết quả đánh giá nhân viên của toàn trường cho thấy, trên 85% nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, nhiều nhân viên được khen thưởng cấp Trường và ĐHĐN **[H7.07.03.09]**.

Các dịch vụ được cung cấp bởi đội ngũ cán bộ hỗ trợ đối với SV đã được cải tiến liên tục đặc biệt là khi Trường ĐHSP thực hiện tiến hành khảo sát hàng năm về SV và GV đối với các hoạt động của họ. Hoạt động của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được công nhận bởi Nhà trường thông qua đánh giá hàng năm. Từ đó, Nhà trường có khen thưởng kịp thời cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ **[H7.07.03.11]**.

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới cho các cán bộ hỗ trợ **[H7.07.03.12]**. Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận, khen thưởng của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp và thành tích của đội ngũ hỗ trợ.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm;

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV chưa được tiến hành định kỳ và bài bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành các văn bản liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản, đồng thời cần triển khai định kì hoạt động	Phòng TCHC	Từ năm học 2022-2023

		khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV.		
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ CBVC và người lao động nhằm tăng hiệu suất làm việc	Phòng TCHC Khoa GDTH	Hàng năm
		Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên	Phòng TCHC Khoa GDTH	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường ĐHSP-ĐHĐN quan tâm chú trọng. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được Khoa quan tâm thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý và nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn cũng được quy định rõ ràng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên **[H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]**.

Nhà trường có chính sách rõ ràng để khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo và phát triển **[H7.07.04.05], [H7.07.04.06]**. Ngân sách được phân bổ cho đào tạo nhân viên và giảng viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường **[H7.07.04.07]**. Hầu hết các nhân viên đều có cơ hội tham gia vào hoạt động đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu **[H7.07.04.08]**. Một số cán bộ hỗ trợ thậm chí có thể theo học các bậc học cao hơn trong chuyên môn của họ với sự hỗ trợ của Nhà trường **[H7.07.04.09]**.

Hàng năm, nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định một cách có hệ thống từ các khoa, phòng chức năng đến Nhà trường. Căn cứ trên nhu cầu của nhân viên hỗ trợ, Khoa xây dựng triển khai các kế hoạch thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy chế của Trường. Theo đó, nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên tập trung vào 5 nội dung chính: (1) *Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính*; (2) *Các kỹ năng mềm*; (3) *Năng lực tin học và ngoại ngữ*; (4) *Các kiến thức về chung về giáo dục và giáo dục học đại học*; và (5) *Đào tạo sau đại học*.

Trên cơ sở xác định những nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên, Nhà trường có chính sách để khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo và phát triển và có những hành động để đáp ứng các nhu cầu đó **[H7.07.04.10]**. Cụ thể, tất cả các cán bộ hành chính đều tham gia khóa đào tạo Quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên để có được những kiến thức chung về giáo dục và giáo dục học đại học; trường đã tổ chức các khóa tiếng Anh miễn phí cho cán bộ phục vụ và GV (tự nguyện đăng kí); Trường đã tổ chức khóa tập huấn về soạn thảo văn bản cho các cán bộ phục vụ các khoa, phòng; các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng. Đối với những chuyên môn đặc thù như thư viện hoặc quản lý hệ thống công nghệ thông tin; Nhà trường đã cử cán bộ của các đơn vị này tham gia nhiều các khóa tập huấn, hội thảo do ĐHĐN và các đơn vị khác tổ chức để nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ phục vụ **[H7.07.04.11]**. Trên cơ sở các kế hoạch này, Khoa, Nhà trường sắp xếp cán bộ tham gia hợp lý, phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc. Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn được phòng TCHC lên kế hoạch và thực hiện đến từng đơn vị.

Hàng năm, Khoa GD Tiểu học đã thực hiện việc xác định nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên **[H7.07.04.12]**. Khoa đã triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo kế hoạch của Nhà trường **[H7.07.04.13]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường và Khoa đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí;

Đội ngũ nhân viên của Khoa được bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NV tham gia các khóa bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần khuyến khích và có chế độ đãi ngộ thích hợp nhằm tích cực hóa hoạt động bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV đáp ứng yêu	Phòng TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023

		cầu phục vụ hoạt động dạy – học, NCKH và PVCĐ của Khoa/Nhà trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Phòng TCHC Khoa GDTH	Hàng năm

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc. Nhà trường, Khoa GDTH thực hiện đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận **[H7.07.05.01]**, **[H7.07.05.02]**. Khoa GD Tiểu học đã xây dựng bản mô tả vị trí công việc của GV và nhân viên để làm căn cứ mức độ hoàn thành công việc của GV và nhân viên. Mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH **[H7.07.05.03]**. Ngoài ra, Nhà trường quản lý hiệu quả công việc của cán bộ hỗ trợ dựa trên quản lý khối lượng giờ làm việc bằng hệ thống ghi nhận vân tay **[H7.07.05.04]**. Đó là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên. Lãnh đạo Khoa cũng dựa vào kết quả khảo sát sự hài lòng đối với đội ngũ hỗ trợ để đánh giá năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên.

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy trình: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị,

Ban Giám hiệu đánh giá và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có tính đến yếu tố trọng số); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên tạp chí uy tín. Nhà trường căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc **[H7.07.05.05], [H7.07.05.06], [H7.07.05.07], [H7.07.05.08]**. Ngoài ra, nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa, Nhà trường có văn bản quy định riêng về các chế độ dành cho nhân viên (ngạch chuyên viên). Theo đó, nếu làm việc ngoài giờ hành chính sẽ có những chính sách tiền thưởng hoặc trả thù lao thêm giờ, ... Việc theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua trưởng các đơn vị, bộ phận thanh tra theo các văn bản được quy định ở Khoa, Trường **[H7.07.05.09]**.

Khoa GDTH luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đặc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tất cả nhân viên của Khoa đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ và thời gian hoàn thành, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát và đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc **[H7.07.05.10]**. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo **[H7.07.05.11]**. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc hằng năm 85% nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đáp ứng được nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.05.12]**. Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng, những nhân viên có kết quả làm việc xuất sắc, đáp ứng các tiêu chuẩn đều được xét nâng bậc lương trước thời hạn **[H7.07.05.13]**. Nhiều nhân viên của Trường và Khoa tham gia NCKH như tham gia thực hiện đề tài các cấp, có nhiều công trình được công bố trong các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước **[H7.07.05.14]**.

Theo báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Nhà trường đã thể hiện đội ngũ này đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đây là động lực lớn góp phần khuyến khích đội ngũ này tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa tích cực tiếp thu ý kiến phản hồi của nhân viên về cơ chế làm việc, quy định khen thưởng. 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Vì vậy, 100% nhân viên hài lòng

về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa và Nhà trường.

Việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm, được hưởng lương tăng thêm cũng như được tăng lương trước thời hạn theo quy định của ĐHĐN và Trường ĐHSP là động lực để đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác đánh giá nhân viên được Nhà trường/ Khoa thực hiện công khai, minh bạch và dân chủ. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận;

Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công;

Khoa đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ nhân viên đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đạt thành tích khen thưởng cao còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần có cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện cho đội ngũ NV đạt được các mức khen thưởng theo qui định	Phòng TCHC Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận.	Khoa GDTH	Hàng năm
		Khoa xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc của nhân viên.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa được tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học, từ cấp đơn vị đến cấp trường. Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhà trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường và của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Nhà trường đề ra được xác định và đánh giá theo quy định. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ. Kinh phí dành cho chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ, nhân viên trong quá trình làm việc còn hạn chế. Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ. Những tồn tại này sẽ được Nhà trường và khoa khắc phục trong thời gian tới.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

CTĐT lấy người học làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CĐR của chương trình. Chính vì vậy người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Nhà trường, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học

tập của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện của người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển sinh được coi là khâu khởi đầu của chuỗi quá trình đào tạo. Trong đó, chính sách tuyển sinh đóng vai trò quan trọng, đưa thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành GD tiểu học được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT, chính sách tuyển sinh của ĐHĐN và kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, đồng thời, chính sách này được sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, chiến lược tuyển sinh nhằm công bố hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường công bố trên website của Nhà trường <https://ued.udn.vn/>, <https://www.facebook.com/ued.udn.vn>, quảng bá trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT Trường ĐHSP, tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐHĐN, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07], [H8.08.01.08] [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng Website riêng dành cho các thông tin về tuyển sinh tại địa chỉ <http://tuyensinh.ued.udn.vn> để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin.

Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành GD Tiểu học luôn được phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.12].

Hiện nay, Nhà trường có 2 hình thức tuyển sinh: tuyển thẳng và xét tuyển đầu vào. Phương thức tuyển thẳng được áp dụng với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi KHKT quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi các môn văn hóa cấp quốc gia; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi KHKT cấp quốc gia. Xét tuyển thẳng vào các ngành sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố. Xét tuyển thẳng vào các ngành ngoài sư phạm đối với các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa cấp tỉnh [H8.08.01.13]. Phương thức xét tuyển căn cứ theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia của thí sinh theo tổ hợp môn xét tuyển, và căn cứ vào điểm trung bình chung 3 môn học trong tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12, số lượng chỉ tiêu cho từng trường hợp xét tuyển, điều kiện xét tuyển được

ban hành hằng năm **[H8.08.01.14]**.

Bên cạnh triển khai hoạt động tuyển sinh theo kế hoạch của Nhà trường, khoa GDTH cũng có những hoạt động tuyển sinh cụ thể và rõ ràng dựa trên những thế mạnh của khoa về ngành GD tiểu học. Các thông tin tuyển sinh của khoa về ngành GDTH liên tục được cập nhật trên website <http://tuyensinh.ued.udn.vn>; <https://pri.ued.udn.vn/tuyen-sinh/>; <https://www.facebook.com/Khoa-Giao-duc-Tieu-hoc-Dai-hoc-Sur-Pham-Da-Nang-1517894318527821/> **[H8.08.01.15]**.

Khoa luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến qua điện thoại và livestream nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này luôn thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh **[H8.08.01.16]**. Ngoài ra, Nhà trường, khoa cũng thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh nhằm tăng cường các hoạt động đưa tin, truyền thông để tăng hiệu quả quảng bá tuyển sinh, tích cực giới thiệu về ngành GDTH đến với học sinh THPT trong ngày hội hướng nghiệp **[H8.08.01.17]** **[H8.08.01.18]**. Với chính sách tuyển sinh của Nhà trường và khoa từ khi mở ngành GDTH học đến nay, ngành GDTH trường ĐHSP được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm **[H8.08.01.19]**, **[H8.08.01.20]**.

2. Điểm mạnh

- Chính sách tuyển sinh của Trường đa dạng và được xác định một cách rõ ràng và công bố công khai và dễ tiếp cận;

- Nhà trường đã kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu sinh viên của nhà trường về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hằng năm đến các học sinh phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bên liên quan được lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh và việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực về ngành đào tạo còn hạn chế, mới chỉ tổ chức ở các Khoa trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	Cần có giải pháp để mở rộng	Phòng ĐT	Từ năm học

	tồn tại	phạm vi lấy ý kiến tới nhiều đối tượng và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành Giáo dục Tiểu học để có chính sách phù hợp	Khoa GDTH	2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để lấy ý kiến về xây dựng chính sách tuyển sinh và hợp tác với các trường THPT trong công tác hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh hiệu quả.	Phòng ĐT Khoa GDTH	Hàng năm
		Tăng cường các kênh quảng bá giới thiệu ngành GD tiểu học, sản phẩm, thành tựu và chất lượng đào tạo đến học sinh và phụ huynh	Phòng ĐT Khoa GDTH	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. *Mô tả hiện trạng*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Nhà trường xây dựng xác định căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan **[H8.08.02.01]**, **[H8.08.02.02]**. Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Trường ĐHSP-ĐHĐN được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh. Đối với tuyển sinh đại học, Nhà trường đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh **[H8.08.02.03]**. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của ĐHĐN và Trường ĐHSP **[H8.08.02.04]**.

Từ năm 2018, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, đây chính là cơ sở để đánh giá tính phù hợp của những tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, từ đó rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho những năm tiếp theo **[H8.08.02.05]**.

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường tuyển chọn thí sinh bằng phương thức xét tuyển, ngoài ra còn bổ sung phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 8.2.1. Phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH

ngành Khoa GDTH từ 2016-2021

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Chỉ tiêu	45	45	100	Chỉ tiêu theo KQ THPT: 32 Chỉ tiêu theo học bạ: 75	Chỉ tiêu theo KQ THPT: 298 Chỉ tiêu theo học bạ: 128
Phương pháp tuyển chọn	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng 3 môn theo tổ hợp ≥ 15	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng 3 môn theo tổ hợp ≥ 15	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng 3 môn theo tổ hợp ≥ 15	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia	Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia
				Tuyển sinh dựa vào kết quả học bạ	Tuyển sinh dựa vào KQ học bạ
Tổ hợp xét tuyển	Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh (D01)	Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh (D01)	Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh (D01)	Khoa mô tả tổ hợp xét tuyển theo ngành của đang đánh giá Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh (D01)	1. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh (D01) 2. Văn + Lịch sử + Địa lý (C00) 3. Toán + Vật lý + Hóa học (A00) 4. Toán + Hóa học + Sinh học (B00)
Điểm trúng tuyển	Kết quả thi THPT: 22.0	Kết quả thi THPT: 17.75	Kết quả thi THPT: 18.0	Kết quả thi THPT: 21.5 Điểm học bạ: 20	Kết quả thi THPT: 22.85 Điểm học bạ: 25.0

Tất cả các dữ liệu thông kê kết quả tuyển sinh được cập nhật ở website của ĐHĐN,

Trường ĐHSP [H8.08.02.06].

Hàng năm, Trường và Khoa đã có kế hoạch truyền thông về công tác tuyển sinh, phương thức xét tuyển vào Khoa, Trường [H8.08.02.07]. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh của Trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và nhập học theo thời gian ghi trên giấy báo.

Nhà trường đã ban hành các thông báo về kết quả tuyển sinh, quyết định trúng tuyển theo các đợt tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 hệ đại học chính quy [H8.08.02.08].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được sử dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý [H8.08.02.09]. Những thông tin về xu thế chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường [H8.08.02.10]. Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình và quy định và quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo [H8.08.02.11]. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học [H8.08.02.05].

2. Điểm mạnh

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được một số học sinh giỏi đến từ các trường chuyên, những học sinh đạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi;
- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều điểm mạnh khác nhau có thể theo đuổi ngành học;
- Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh đã đánh giá được điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

3. Tồn tại

Việc đánh giá các tiêu chí tuyển sinh của ngành GD tiểu học chưa được tiến hành thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả tuyển sinh, việc lựa chọn các tiêu chí tuyển sinh để thu hút người học đến với ngành GD tiểu học	Phòng Đào tạo Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, đặc biệt chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.	Phòng Đào tạo Khoa GDTH	Hàng năm
---	--------------------	---	-------------------------	----------

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT cũng như của ĐHĐN [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], đồng thời ban hành quy chế đào tạo riêng của trường ĐHSP về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, quy định đánh giá điểm rèn luyện [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05] [H8.08.03.06], [H8.08.03.07], [H8.08.03.08]. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên được quản lý bởi phòng Đào tạo, Công tác SV, Khảo thí & ĐBCLGD, giáo vụ Khoa và cố vấn học tập [H8.08.03.09], [H8.08.03.10]. Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCLGD quản lý các quy trình bằng hệ thống website <http://qlht.ued.udn.vn>, tiến hành đánh giá định kỳ để phân tích, tổng hợp kết quả học tập cho từng người học và kết quả học tập từng kỳ được gửi trực tiếp đến sinh viên thông qua hệ thống [H8.08.03.11]. Cố vấn học tập và các giảng viên trong bộ môn và khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập. Tháng 6 năm 2020, Trường đã ban hành quy định về Theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của SV bậc đại học hệ chính quy tại Trường ĐHSP – ĐHĐN để hệ thống hóa quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH, trong đó xác định mục đích, nội dung, yêu cầu, chu kỳ, quy trình và trách nhiệm các bên liên quan trong việc theo dõi sự tiến bộ của NH.

CTĐT ngành GD tiểu học được thực hiện theo hệ thống tín chỉ được đăng tải lên website <http://tuyensinh.ued.udn.vn>; <http://pri.ued.udn.vn/>; <https://www.facebook.com/Khoa-Giao-duc-Tieu-hoc-Dai-hoc-Su-Pham-Da-Nang-1517894318527821/> hàng năm để sinh viên lập kế hoạch học tập linh hoạt cho cá nhân

[H8.08.03.12]. Đối với sinh viên tốt nghiệp phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ (120 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn). Số lượng tín chỉ được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về chính trị, pháp luật được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kì đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, (như học phần Kỹ năng học tập – để hướng dẫn các em biết các học tập bậc Đại học) kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như định hướng cho sinh viên tham gia vào các nhóm NCKH ngay từ học kì đầu tiên. Các kì học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để đảm bảo hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ nhưng cũng linh hoạt nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể đăng kí học vượt hoặc học cải thiện [H8.08.03.13], [H8.08.03.14].

Kết quả học tập của từng môn học của người học được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên qua tài khoản cá nhân cũng như tính khối lượng tín chỉ và điểm trung bình tích lũy [H8.08.03.15]. Kết quả tích lũy là cơ sở để đưa ra chỉ tiêu cho từng sinh viên xét học bổng, cảnh báo học vụ, xét điều kiện khóa luận, tốt nghiệp [H8.08.03.04], [H8.08.03.16], [H8.08.03.17], [H8.08.03.18], [H8.08.03.19].

Định kỳ mỗi tháng, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để có vấn học tập của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên [H8.08.03.20]. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Cuối mỗi học kì, sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập [H8.08.03.21], [H8.08.03.22]. Qua đây, khoa, Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học. Đồng thời, hàng năm trường đều tổ chức Hội nghị giao ban công tác giáo viên chủ nhiệm và có vấn học tập nhằm rà soát, cải tiến việc hỗ trợ sinh viên được tốt hơn [H8.08.03.23].

Đối với những sinh viên đăng kí khóa luận tốt nghiệp, khoa tổ chức đăng kí đề tài, và phân công giảng viên hướng dẫn trước một học kì để sinh viên có thời gian bố trí thí nghiệm, làm nghiên cứu, xử lý số liệu và viết bài cũng như kịp thời điều chỉnh hướng nghiên cứu nếu trong quá trình làm khóa luận gặp khó khăn [H8.08.03.17]. Bên cạnh đó, đối với sinh viên không đăng kí làm khóa luận tốt nghiệp thì được thay thế bằng thực tập tốt nghiệp có quy trình đánh giá tương ứng để nâng cao năng lực nghiên cứu, báo cáo cho người học khi tốt nghiệp. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa, Trường và các cơ sở nhận sinh viên thực tập [H8.08.03.24].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ

học tập của người học kịp thời, chính xác;

- Cán bộ GV trong khoa hầu hết là những người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học;

- Trường đã có quy định về theo dõi sự tiến bộ của NH.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm vẫn còn một số SV không tích lũy đủ số tín chỉ theo tiến độ nên bị cảnh báo học vụ

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức phân tích nguyên nhân SV không hoàn thành CTĐT theo tiến độ hàng năm để có thể đưa ra những giải pháp khả thi nhằm giúp các SV bị cảnh báo học vụ xây dựng các kế hoạch học tập cá nhân hoặc giúp tháo gỡ các khó khăn riêng của từng cá nhân SV để SV có thể hoàn thành tiến độ học tập hàng năm và tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm thiểu những trường hợp bị buộc thôi học	Phòng Đào tạo Khoa GDTH	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao hiệu quả học tập và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa cần thiết phải có các hoạt động và dịch vụ tư vấn, hỗ trợ SV kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp. Ngoài ra, trong quá trình học tập,

những hoạt động tư vấn này còn giúp SV cải thiện hiệu quả học tập và khả năng có việc làm của NH, qua đó nâng cao hiệu quả chất lượng của CTĐT. Các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm CVHT và các trợ lý giáo vụ, trợ lý NCKH của Khoa **[H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]**. Nhà trường ban hành Quyết định cử Giáo viên chủ nhiệm – cố vấn học tập là các giảng viên chuyên môn của khoa để hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn sinh viên trong suốt quá trình học tập trong đó có quy định rõ nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập **[H8.08.04.04]**, hằng năm tổ chức hội nghị giao ban công tác giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập để tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh viên kịp thời và hiệu quả **[H8.08.04.05]**. Cố vấn học tập tư vấn đăng kí tín chỉ, việc rút hoặc học vượt tín chỉ, các hình thức đóng học phí trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H8.08.04.06]**.

Những sinh viên mới nhập học được tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để phổ biến các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định của Nhà trường để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học **[H8.08.04.07]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cấp sổ tay sinh viên để mỗi sinh viên tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học **[H8.08.04.08]**. Ngoài ra, Nhà trường còn phân công các khoa chủ quản trong vòng 1 tháng sau khi tân sinh viên nhập học cần tổ chức buổi đón tiếp sinh viên mới có sự tham gia đầy đủ cán bộ giảng viên trong khoa, đại diện Nhà trường và tất cả sinh viên của khoa **[H8.08.04.09]**.

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ rất nhiều từ chính sách học bổng từ ngân sách của Nhà trường và ngoài ngân sách, chương trình vay vốn tín dụng, quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ chi phí học tập đối với SV người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho sinh viên **[H8.08.04.10], [H8.08.04.11], [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16]**. Cuối mỗi học kì, Khoa và Nhà trường tổ chức đối thoại với sinh viên, tiếp thu ý kiến và lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người học để kịp thời điều chỉnh. Bên cạnh đó, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và QHĐN có nhiệm vụ hỗ trợ việc làm trong thời gian đi học cũng như sau khi tốt nghiệp của người học, đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H8.08.04.17], [H8.08.04.18; H8.08.04.19]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, Trường có đội ngũ CVHT là GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường **[H8.08.04.04]**. CVHT tư vấn đăng kí TC, việc rút hoặc học vượt TC, các hình thức đóng học phí trong quá trình đào tạo theo hệ thống TC **[H8.08.04.06]**. Hằng năm, Trường tổ chức hội nghị giao ban công tác giáo viên chủ

nhiệm và CVHT để tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hỗ trợ SV kịp thời và hiệu quả **[H8.08.04.20]**.

Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh và hỗ trợ kinh phí, Nhà trường đã hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động NCKH của SV như: ban hành quy định hoạt động NCKH của SV Trường ĐHSP - ĐHĐN, thông báo đăng kí đề tài sinh viên NCKH, thông báo báo cáo tiến độ thực hiện đề tài SVNCKH, công văn về việc triển khai thực hiện đề tài SVNCKH, kế hoạch tổ chức hội nghị SVNCKH và hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài cho SV **[H8.08.04.21], [H8.08.04.22], [H8.08.04.23]**.

Bên cạnh việc hỗ trợ học tập, các chính sách xã hội, tổ chức Đoàn thanh niên cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích cho người học và thu hút được đông đảo sinh viên tham gia như: Tổ chức chương trình huấn luyện kỹ năng mềm “Tạo động lực cho bản thân” cho hơn 500 sinh viên (đa phần là sinh viên năm thứ nhất); Triển khai rộng rãi nhiều chương trình, cuộc thi sáng tạo, khởi nghiệp các cấp: tham gia Ngày hội kết nối ý tưởng sáng tạo - Khởi nghiệp năm 2018 cụm Duyên hải Nam Trung Bộ; Tham gia Festival sáng tạo trẻ trong khuôn khổ Đại hội Hội Sinh viên thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2018 - 2023; Tham gia vòng chung kết cuộc thi “Danang Starup Runway 2019”. Tổ chức ngày hội Sinh viên khỏe lần thứ III năm 2019. Hoạt động đã thu hút đông đảo sinh viên đăng kí tham gia và trở thành ngày hội thực sự ý nghĩa góp phần hỗ trợ viên đạt danh hiệu sinh viên 5 tốt các cấp. Tổ chức sinh viên tham gia Hội chợ triển lãm sách của quận Liên Chiểu và các hoạt động văn hóa văn nghệ trong Hội chợ, tổ chức chương trình văn nghệ với chủ đề “Vút bay” tân sinh viên khóa tuyển sinh năm 2019 kết hợp trao 50 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và rất nhiều hoạt động ý nghĩa hỗ trợ phát triển kỹ năng và cải thiện việc học tập **[H8.08.04.24], [H8.08.04.25]**.

Song song với việc hỗ trợ theo chỉ đạo của Nhà trường, Khoa GD Tiểu học cũng đã tổ chức thêm nhiều các hoạt động đặc thù để phát triển kỹ năng cho sinh viên của khoa như Câu lạc bộ Chữ đẹp, Diễn đàn chia sẻ phương pháp học tập và tài liệu, Các seminar cập nhật kiến thức cho sinh viên về Chương trình giáo dục phổ thông mới, Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, các cuộc thi về nghiệp vụ sư phạm, thuyết trình sách dành cho thiếu nhi,... **[H8.08.04.26], [H8.08.04.27]**. Bên cạnh đó, Liên chi Đoàn Khoa cũng tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng như tổ chức chương trình tình nguyện " Góp nắng mùa xuân" tại các điểm trường thuộc Trường Tiểu học Lê Phong xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; tổ chức chương trình tình nguyện "Trao yêu thương - Nhận nụ cười" tại Trường Tiểu học Hòa Bắc, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng,... **[H8.08.04.28]**.

Cuối mỗi học kì, Khoa và Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với SV để tiếp thu ý kiến và lắng nghe tâm tư nguyện vọng của NH để kịp thời điều chỉnh các hoạt động tư vấn học tập **[H8.08.04.29]**. Theo đánh giá của SV, hơn 80% SV hài lòng với

các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH [H8.08.04.30].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của phiếu khảo sát được thiết kế chưa cung cấp được các thông tin thật sự hữu ích để cải tiến chất lượng các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần nghiên cứu để chuẩn hóa các câu hỏi trong phiếu khảo sát để có thể thu thập được các thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập, hỗ trợ việc làm.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi SV	Phòng KH&HTQT Đoàn TN Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường học tập có chất lượng và hiệu quả, Nhà trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học [H8.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp, Nhà trường luôn hợp đồng với đội vệ sinh luân phiên làm việc từ 7h-22h tất cả các ngày [H8.08.05.02]. Sơ đồ Trường ĐHSP được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, thí nghiệm, thể thao, giải trí, đặc biệt Nhà trường đã xây dựng hồ sen với diện tích 500m² và trồng nhiều cây xanh tạo cảnh quan tâm lý thoải mái cho người dạy và học [H8.08.05.03], [H8.08.05.04].

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong

đó có các Pano tại các khu giảng đường để mọi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H8.08.05.05].

Để khuyến khích sinh viên và nhân viên tham gia thể thao, Nhà trường đã xây dựng sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, phòng tập gym, nhà thi đấu thể thao và nhà sinh hoạt đa năng. Nhà trường có khu kí túc xá dành cho sinh viên ngoại tỉnh với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi và nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H8.08.05.06], [H8.08.05.07], [H8.08.05.08], [H8.08.05.09].

Khoa và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [H8.08.05.10].

Nhằm hỗ trợ tâm lý cho người học, Nhà trường thành lập phòng Tham vấn tâm lý, là nơi giúp cho sinh viên chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của mình để tìm cách giải quyết vấn đề của mình. Trong đợt Covid vừa rồi, Phòng Tham vấn tâm lý đã triển khai hoạt động trợ giúp tâm lý cho sinh viên và giảng viên giảm thiểu khủng hoảng và ảnh hưởng tâm lý vì Covid [H8.08.05.11]. Đầu năm học Hiệu trưởng trường ĐHSP đã có thư ngỏ gửi đến sinh viên và cán bộ giảng viên đề động viên khích lệ mọi người vượt qua những khó khăn do đại dịch COVID gây ra [H8.08.05.12].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường có phòng y tế tại dãy nhà B5 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kì và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên [H8.08.05.13]. Trường cũng đã có các thông báo, công văn nhằm phổ biến việc phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus corona gây ra [H8.08.05.14].

Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX... được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ [H8.08.05.15]. Ngoài ra, định kì Nhà trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kĩ năng đảm bảo an toàn về cháy nổ [H8.08.05.16]. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo băng tên khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy Thư viện và nội quy KTX [H8.08.05.17], [H8.08.05.18].

Trường và Khoa cũng đã tổ chức nhiều hoạt động để gắn kết người học với cộng đồng như tổ chức cho SV đi thực hành, thực tập tại cơ sở (thông qua các hoạt động tại cơ sở); tổ chức các chương trình thiện nguyện nhằm phát huy tinh thần tương thân tương

ái, vì cuộc sống cộng đồng của sinh viên, chia sẻ khó khăn với nhân dân, liên hệ gần bó thực tế, giáo dục tinh thần tập thể. Nhiều hoạt động tổ chức tại các trường tiểu học là cơ hội cho các bạn sinh viên và các em học sinh tiểu học có dịp giao lưu, chia sẻ, gắn kết với nhau **[H8.08.05.19]**.

Hàng kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên để đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với những điều kiện về cơ sở vật chất Nhà trường mang lại **[H8.08.05.20], [H8.08.05.21]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cảnh quan hài hòa, cơ sở vật chất hiện đại, có phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của phiếu khảo sát chưa cung cấp được các thông tin thật sự hữu ích để cải tiến chất lượng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần rà soát và hoàn thiện lại câu hỏi trong phiếu khảo sát để có thể thu thập được các thông tin thiết thực và hữu ích để có thể đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm cải tiến chất lượng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.	Phòng CSVC Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt được tâm lý người học để kịp thời chia sẻ, động viên	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, dựa vào nhu cầu của xã hội đối với ngành nghề và mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng viên. Tất cả thông tin đều được công bố công khai và cập nhật trên các phương tiện truyền thông như website, Facebook của Trường, Khoa và các thông tin này đều được nhắc lại nhiều lần ở các dịp tư vấn tuyển sinh trực tiếp và gián tiếp.

Trường và Khoa đã sử dụng các hình thức tuyển sinh đa dạng, như xét học bạ,

xét điểm tốt nghiệp qua kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển thẳng với học sinh đạt giải các cấp theo quy định của Bộ GD&ĐT; và hướng đến xét tuyển thông qua điểm kì thi đánh giá năng lực do ĐHQG, Thành phố HCM tổ chức.

Về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường đã dựa trên quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT; ngoài sự tham gia tích cực của các phòng ban, Nhà trường cũng đã thành lập đội ngũ cố vấn học tập/ kiêm giáo viên chủ nhiệm để đồng hành, tư vấn hỗ trợ cho sinh viên từ khi vào học đến lúc ra trường. Nhà Trường ban hành quy định về đánh giá học tập, rèn luyện; kết quả học tập được báo thông qua tài khoản cá nhân của mỗi người.

Nhà Trường đã thực sự quan tâm và tập trung đầu tư về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa (có nhiều câu lạc bộ) và các dịch vụ hỗ trợ khác như có các chính sách về học bổng; miễn/giảm học phí; và tư vấn hướng nghiệp để giúp người học phát triển khả năng của bản thân trong suốt quá trình học tập. Để giúp người học yên tâm học tập, Nhà trường đã tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất an toàn, hiện đại, tạo môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan đáp ứng nhu cầu người học.

Với một số điểm còn tồn tại, Trường và Khoa sẽ tích cực các phương án giảm thiểu và phát huy những điểm mạnh, ví dụ: trong thời gian tới sẽ tăng cường quảng bá về ngành; phối hợp chặt chẽ hơn trong việc đồng hành cùng SV, tìm giải pháp trong việc nâng cao ngoại ngữ, đáp ứng chuẩn đầu ra và tăng cường các giao lưu quốc tế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hiện nay, với nguồn lực và CSVC hiện có, Nhà trường và Khoa GDTH luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cho GV và NH nhằm đạt được mục tiêu và các nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành mà Khoa hiện đã và đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống CSVC đang được vận hành và sử dụng với các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đã được xây mới, đồng bộ và nâng cấp.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP - ĐHĐN tọa lạc tại khu vực trung tâm thành phố Đà Nẵng (số 459 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng). Tổng diện tích khuôn viên là 4.67 ha, trong đó diện tích nơi làm việc là 2118 m², diện tích dành cho giảng đường: 1952m², diện tích dành cho khu giải trí, thư giãn: 6000m². Toàn trường có

99 phòng học gồm phòng học với tổng diện tích là 19526m², trung bình tỷ lệ 3m²/1 sinh viên [H9.09.01.01]. Đối với khu vực các phòng chức năng, Trường có nhà A, A2 và B1 dành cho các phòng chức năng và các văn phòng khoa. Trường còn có 07 phòng chức năng, 04 Trung tâm, 01 Tổ với diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi cùng các dãy ghế cho GV và SV ngồi đợi khi đến làm việc. Các phòng chức năng và khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho CB làm việc cũng như đón tiếp SV [H9.09.01.02].

Các giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc được thiết kế phù hợp cùng với trang thiết bị kèm theo được đầu tư và nâng cấp như bàn ghế, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, quạt. Bên cạnh đó, một số lượng lớn phòng học được trang bị điều hòa để hỗ trợ các hoạt động dạy - học cũng như nghiên cứu. Trường trang bị đầy đủ máy scan và máy photocopy cho mỗi phòng chức năng và mỗi chuyên viên đều có máy tính được kết nối mạng internet và máy in rất thuận tiện cho các chuyên viên thực hiện công việc. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng và cán bộ phục vụ [H9.09.01.03]. Bên cạnh xây dựng các giảng đường, Nhà trường có khu tự học, nhà tập và thi đấu thể thao, 1 hồ sen rộng 4000 m², nhà sinh hoạt đa năng rộng 2000 m², sân tập thể dục rộng ha, phục vụ cho các môn học giáo dục thể chất, hoạt động ngoài trời, đào tạo các kỹ năng mềm, tham gia hoạt động xã hội như Câu lạc bộ Kỹ năng, Câu lạc bộ từ thiện Hand in Hand, Câu lạc bộ Môi trường [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Ngoài ra, để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên, Nhà trường có 3 hội trường dành cho hoạt động hội thảo và họp: tòa nhà A (tầng 3: 170 ghế ngồi), A5 (tầng 3:200 và tầng 5: 550 ghế ngồi) và A6 (2 phòng x 120 ghế ngồi) đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường [H9.09.01.06]. Trường hiện có 1043 máy tính đang sử dụng tốt [H9.09.01.01].

Khoa GD tiểu học được trang bị hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa đang sử dụng 12 giảng đường gồm các dãy nhà A1, A3, A4, A5, A6, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8 [H9.09.01.02]. Hầu hết các phòng học được trang bị điều hòa và đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu. Hệ thống phòng làm việc của Khoa GD tiểu học bao gồm 01 phòng làm việc với diện tích là 30m² và 02 phòng chức năng được bố trí ở dãy B1. Phòng làm việc của Khoa được trang bị 05 tủ đựng tài liệu, 03 máy tính, 01 tivi, 02 máy in, 1 máy photocopy, 04 bàn làm việc, 01 dãy bàn cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa [H9.09.01.07]. Với điều kiện trang thiết bị đã được cung cấp, Khoa đã vận hành để giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Nhà trường giao cho Phòng CSVC quản lý tài sản, TTB nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.08]. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của

Khoa cũng như đánh giá về tình hình CSVC&TTB và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất Nhà trường mua sắm mới CSVC&TTB [H9.09.01.9], [H9.09.01.10]. Phòng CSVC lập kế hoạch mua mới, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp, mua sắm mới CSVC nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp CSVC [H9.09.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSVC trường ĐHSP - ĐHĐN đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.12], [H9.09.01.13]. Nhà trường luôn công khai các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến CB và GV [H9.09.01.14]. Hàng năm, trên cơ sở của các đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Nhà trường có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị bảo đảm cho việc triển khai CTĐT và thực hiện rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu CTĐT của Khoa [H9.09.01.15].

Kết quả khảo sát trên GV về thực trạng CSVC & TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cho thấy, đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn. Ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học và trang thiết bị cho thấy, 100% CB, GV và 85,5% người học cho rằng CSVC của Nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu dạy và học. Từ kết quả khảo sát, Nhà trường tổ chức họp các đơn vị và có biện pháp khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm tích cực [H9.09.01.16].

2. Điểm mạnh

- Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc;

- Nhà trường đã đáp ứng đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu. Nhiều phòng học được trang bị điều hòa, diện tích phòng học rộng rãi, thoáng mát.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa bố trí phòng làm việc cho các bộ môn hoàn toàn độc lập theo qui định đảm bảo môi trường học thuật;

- Một số phòng thực hành chưa được trang bị máy điều hòa nhiệt độ; một số phòng học đang còn dùng bàn đơn (chưa đủ lớn).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cần bố trí phòng làm việc cho Trưởng bộ môn và GV một cách độc lập hơn, đồng thời	Phòng CSVC	Từ năm học 2022-2023

1	Khắc phục tồn tại	trang bị các thiết bị cần thiết tại phòng làm việc của GV theo qui định nhằm hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT .		
		Cần trang bị máy điều hòa nhiệt độ đầy đủ cho phòng thực hành; Nên lắp đặt bảng kéo 2 lớp cho tất cả các phòng học để tăng tính năng sử dụng hiệu quả.	Phòng CSVC	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và các dự án đầu tư về phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng.	Phòng CSVC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện được bố trí ở khu vực trung tâm trong khuôn viên Nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và sinh viên tiếp cận **[H9.09.02.01]**. Năm 2021, Thư viện được đổi tên thành Trung tâm học liệu và E-learning (TTHL & Elearning) **[H9.09.02.02]**. TTHL & E-learning có hệ thống các phòng chuyên môn như: phòng nghiệp vụ, phòng mượn, phòng đọc, phòng tin học. Các phòng này được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết gồm bàn ghế, máy tính với phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, photocopy, máy đọc mã vạch và các số lượng các đầu sách phục vụ nhu cầu bạn đọc **[H9.09.02.03]**. TTHL & E-learning đã xây dựng quy trình kiểm soát hoạt động thư viện nhằm thiết lập, thực hiện và duy trì kiểm soát các hoạt động của thư viện **[H9.09.02.04]**. Tổng số sách không ngừng được bổ sung mới qua các năm. Thống kê về các tài liệu học tập của thư viện Trường ĐHSP-ĐHĐN được trình bày ở Bảng 9.2.1:

Bảng 9.2.1. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSP-ĐHĐN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Sách giáo trình và tài liệu tham khảo	10.617 / 100.212 cuốn sách	20.230 / 113.815 cuốn sách	20.240 / 113.844 cuốn sách	20.364 / 115.697	26.038 / 122.098
Khóa luận tốt	2.294	2.721	3.052	3.325	3.574

ngiệp	(thêm 512)	(thêm 427)	(thêm 331)	(thêm 273)	(thêm 249)
Tài liệu tham khảo trong và ngoài nước		12.803 / 26.940	21.990 / 36.887	22.088 / 37.065	22.012 / 37.089

TTHL & E-learning có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định, thời gian phục vụ và nội quy của từng phòng chức năng tại các phòng này **[H9.09.02.05]** **[H9.09.02.06]**. Thư viện luôn tạo điều kiện về mặt thời gian cho sinh viên và giáo viên mượn và trả sách theo giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6 **[H9.09.02.07]**. Vào đầu mỗi năm học, có tổ chức một khóa đào tạo để cho SV năm thứ nhất biết cách sử dụng thư viện **[H9.09.02.08]**. TTHL & Elearning cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi HP thuộc CTĐT GDTH và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi HP thuộc CTĐT **[H9.09.02.09]**, **[H9.09.02.10]**. Bên cạnh đó, hằng năm, TTHL & Elearning cũng được bổ sung thêm một số lượng sách và giáo trình tham khảo chuyên sâu từ các Khoa.

Để phục vụ công tác đào tạo ngành GDTH, hàng năm Khoa GDTH đều lên kế hoạch đề xuất bổ sung mua mới tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên ngành. TTHL & Elearning xây dựng kế hoạch và tiến hành mua sắm tài liệu, giáo trình phục vụ cho hoạt động đào tạo các chuyên ngành, trong đó có CTĐT GDTH. Việc mua sắm tài liệu, giáo trình trên đề xuất của khoa góp phần nâng cao hiệu quả mua sắm tài liệu học tập, nâng cao chất lượng đào tạo ngành GD tiểu học **[H9.09.02.11]**. Từ năm 2016-2020, Nhà trường có đầu tư kinh phí bổ sung tài liệu cho thư viện tổng số là 630,615,787 triệu đồng.

Bên cạnh các hoạt động phục vụ truyền thống, Trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, phần mềm quản lý thư viện ALNET được dùng chung cho mạng lưới thư viện ĐHDN để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu một cách thuận tiện nhất **[H9.09.02.06]**. Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, NH và các bên liên quan; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi (<http://thuvien.ued.vn:8080/dspace>) **[H9.09.02.12]**. Các nguồn học liệu (bản cứng/bản mềm) mô tả trên được cập nhật định kỳ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.02.13]**. Có dữ liệu theo dõi về hoạt động của TTHL & Elearning, người đọc và các nguồn học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.02.14]**. SV chuyên ngành GDTH được thụ hưởng nguồn tư liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài từ TTHL & Elearning của Trường. Hằng năm, Khoa đều bổ sung những tài liệu mới cần thiết cho CB và SV **[H9.09.02.15]**.

Ngoài dạng tài liệu giấy, TTHL & E-learning còn có các nguồn tài nguyên điện tử khác (tiếng Việt và cơ sở dữ liệu ngoại văn). Hiện tại, nguồn tài nguyên điện tử trong thư viện là 39.916 file và số lượng file đang tăng nhanh, sinh viên có thể dễ dàng tra cứu nguồn tài liệu đã được số hóa theo đường link <http://thuvien.ued.vn:8080/dspace>. Trong chiến lược phát triển cơ sở vật chất, Nhà trường ưu tiên hàng đầu sẽ dành cho các tài liệu điện tử. Cổng thông tin điện tử cho phép người sử dụng tiếp cận các thông tin cơ bản về những tài liệu hiện có trong TTHL & E-learning. Người dùng có thể chọn lựa nhiều phương án tìm kiếm tài liệu theo yêu cầu của mình, có thể tìm theo tác giả, nhan đề, chủ đề. Ngoài ra, phần mềm quản lý thư viện cho phép SV và GV tự theo dõi, quản lý lịch sử sử dụng của mình thông qua tài khoản cá nhân [H9.09.02.16].

Đội ngũ nhân viên TTHL & E-learning gồm 5 người, đều có trình độ cử nhân chuyên ngành Thư viện. Đội ngũ này thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng vị trí công việc [H9.09.02.17].

Để theo dõi nhu cầu sử dụng thư viện của người học và khả năng đáp ứng của thư viện, cứ hai năm một lần, Nhà trường sẽ tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá sinh viên. Theo kết quả khảo sát từ năm 2016 - 2020 cho thấy 55% SV và 73% GV đồng ý rằng thư viện và các tài nguyên là đầy đủ và hữu ích cho việc học tập và nghiên cứu hoạt động. Kết quả khảo sát được thống kê, tổng hợp để đề xuất biện pháp khắc phục hạn chế nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc [H9.09.02.18].

2. Điểm mạnh

- TTHL & E-learning được đầu tư trang thiết bị hiện đại với nguồn học liệu phù hợp đáp ứng được yêu cầu học tập, giảng dạy của GV, SV của Khoa GDTH nói riêng và của Nhà trường nói chung;

- Các dữ liệu của thư viện được tin học hóa giúp người dùng có thể truy cập thông tin, tìm kiếm tài liệu một cách dễ dàng, nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

- Tài liệu học tập và tham khảo của Nhà trường/Khoa chưa hoàn toàn đầy đủ (mới đáp ứng được 80%) và chưa được cập nhật hoàn toàn;

- Việc triển khai đánh giá/ phản hồi của GV và các BLQ khác về mức độ phù hợp của Thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Cần thực hiện rà soát đề cương chi tiết học phần và cập nhật tài liệu học tập, tham khảo đảm bảo	TTHL & E-learning Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023

1	Khắc phục tồn tại	đủ nguồn học liệu cho NH.		
		Cần triển khai khảo sát các BLQ về mức độ đáp ứng của Thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 1 cách hệ thống	Phòng KT&ĐBCLGD TTHL & E-learning	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.	TTHL & E-learning	Hàng năm

5. *Đánh giá tiêu chí:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 9.3 Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Đối với các học phần thực hành, Khoa Giáo dục Tiểu học chủ yếu tập trung vào bồi dưỡng các kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm, thực tập giảng dạy cho sinh viên. Các hoạt động thực hành và nghiên cứu của sinh viên chủ yếu được thực hiện tại các giảng đường của trường ĐHSPT và về các trường Tiểu học trên địa bàn để thực tập giảng dạy. Tại trường ĐHSPT, các giảng viên Khoa GDTH đã sử dụng 12 giảng đường thuộc hệ thống cơ sở vật chất của trường với đầy đủ các thiết bị như máy chiếu, bảng, bàn ghế, loa máy, điều hòa, đăng ký với phòng quản lý CSVC để thực hành đáp ứng đầy đủ nội dung các bài thực hành trong CTĐT ngành GDTH. Các phòng học được bố trí tại các giảng đường A1, A3, A4, A5, A6, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, đều là khu vực thoáng mát, đảm bảo môi trường học tập và thực hành chuyên môn [H9.09.03.01]. Các phòng có diện tích phù hợp, đáp ứng số lượng sinh viên với từng học phần. Phòng cũng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về ánh sáng, nhiệt độ, được bài trí phù hợp [H9.09.03.02].

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị để đáp ứng nhu cầu giáo dục, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và CB phụ trách, đảm bảo việc sử dụng phòng học có hiệu quả [H9.09.03.03]. Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng, Trường thường duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.04][H9.09.03.05]. Khoa GDTH luôn nhận

được hỗ trợ từ Trường và Bộ GD&ĐT về việc mua và bảo trì thiết bị phòng học [H9.09.03.06]. Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thí nghiệm, phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH [H9.09.03.07]. Kết quả cho thấy trên đa số CB, GV và NH không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành giảng dạy.

2. Điểm mạnh

- Khoa GDTH được sử dụng hệ thống các giảng đường phù hợp với từng học phần, được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên, hỗ trợ đắc lực các hoạt động chuyên môn, giảng dạy và công tác nghiên cứu khoa học của Khoa;

- Các trang thiết bị trong các phòng học được phòng CSVC chỉ trì việc duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Điểm tồn tại

- Sơ đồ hướng dẫn thoát khẩn cấp của toàn tòa nhà còn ít; chưa có sơ đồ hướng dẫn thoát khẩn cấp tại các phòng học;

- Khoa GDTH chưa được bố trí phòng riêng biệt để giảng viên và sinh viên có môi trường làm việc chủ động trong hoạt động hỗ trợ, nghiên cứu, thực hành các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành GDTH

- Việc khảo sát sự hài lòng của GV, SV về mức độ phù hợp của điều kiện phòng học chưa thực xuyên và hiệu quả do phiếu hỏi chưa sử dụng câu hỏi mở.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần trang bị các điều kiện an toàn lao động, PCCC tại các phòng làm việc một cách đầy đủ hơn; cần có sơ đồ hướng dẫn thoát hiểm đầy đủ, rõ ràng; cần bổ sung các thiết bị để phục vụ cho các hướng chuyên sâu.	Phòng CSVC	Từ năm học 2022-2023
		Cần bố trí phòng riêng biệt do khoa Giáo dục Tiểu học quản lý, để Khoa chủ động hơn trong công tác giảng dạy, hỗ trợ sinh viên NCKH và thực hành.	Phòng CSVC	Hàng năm

		Cần cải tiến việc khảo sát sự hài lòng của GV, SV một cách hệ thống về mức độ phù hợp của điều kiện thực hành để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng.	Phòng CSVC Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả các phòng giảng dạy, thực hành theo từng học phần, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trường	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP-ĐHĐN có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường và Khoa. Nhà trường thành lập Tổ Công nghệ thông tin nhằm quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường và Khoa hoạt động liên tục **[H9.09.04.01]**.

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được phát triển đồng bộ với 11 phòng máy tính chuyên đề với 860 máy tính xách tay và máy tính bảng được kết nối với mạng internet cho phép GV và SV truy cập thông tin phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.04.02]**. Năm 2020, Nhà trường đã đề xuất dự án và được phê duyệt của Bộ GD&ĐT nhằm tăng cường năng lực cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo với tổng kinh phí lên đến 42 tỷ đồng **[H9.09.04.01]**. Nhà trường thường xuyên nâng cấp cho nhiều phần mềm trên hệ thống máy chủ như phần mềm windows server, moodle hệ thống mạng truyền thông, wifi từ 120mb lên đến 150mb đảm bảo chia sẻ thông tin dữ liệu hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu **[H9.09.04.03]**. Hệ thống tích hợp Office 365 được tập đoàn Microsoft hỗ trợ với nhiều tính năng thuận tiện cho đào tạo trực tuyến như team, email và office **[H9.09.04.04]**.

Nhà trường có 1043 máy vi tính được kết nối với internet. SV có thể sử dụng các phòng máy này cho mục đích tìm kiếm thông tin **[H9.09.04.02]**. Các máy tính được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Trường

cũng đã xây dựng một phòng đa phương tiện để phục vụ SV trong hoạt động học tập trực tuyến [H9.09.04.05].

Trong những năm gần đây, SV và GV cũng có thể chia sẻ tài liệu và kinh nghiệm dạy và học thông qua tài khoản cá nhân trên website <http://truonghocketnoi.edu.vn> của MOET và website học tập trực tuyến e-learning. Nhà trường đã nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống mạng truyền thông, wifi đảm bảo chia sẻ thông tin dữ liệu hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu [H9.09.04.06], [H9.09.04.07].

Bên cạnh đó, hệ thống website quản lý đào tạo (<http://qlht.ued.udn.vn>) và hỗ trợ nghiên cứu <http://jse.ued.udn.vn/vi> được Nhà trường nâng cấp thường xuyên thuận lợi cho GV và SV trong việc quản lý hoạt động giảng dạy, học tập và hoạt động nghiên cứu [H9.09.04.08]. Trong quá trình đổi mới các phương pháp giảng dạy, Nhà trường đã chủ trương xây dựng hệ thống học trực tuyến. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường đã áp dụng hệ thống Elearning triển khai các học phần chung và học phần đại cương cho nhiều khoa trong đó có ngành GD tiểu học. Nhà trường cũng thường xuyên mở các lớp E-learning giúp nâng cao chất lượng trong giảng dạy và NCKH [H9.09.04.09].

Nhà trường đã trang bị cho Khoa GD Tiểu học 03 máy tính để bàn, 02 máy in, 01 máy photocopy phục vụ hoạt động hành chính, văn phòng, 03 máy tính xách tay cho Lãnh đạo khoa, trong đó có công việc phụ trách trang web Khoa dùng để đăng bài, hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động giảng dạy của Khoa [H9.09.04.10].

Để đảm bảo cho hoạt động của Trường hiệu quả và thông suốt, các đơn vị chuyên trách đều có phần mềm quản lý công việc phù hợp. Nhà trường đã đầu tư các phần mềm liên quan đến quản lý đào tạo [H9.09.04.03].

Dạy học trực tuyến, đặc biệt, hệ thống phần mềm Dạy học trực tuyến Microsoft 365 đã góp phần phục vụ đắc lực hoạt động dạy học trực tuyến trong mùa dịch Covid, nhờ đó, trong suốt cả mùa dịch, hoạt động học vẫn diễn ra bình thường, đúng tiến độ [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Trong khuôn viên Trường có hệ thống wifi miễn phí. Tỷ lệ máy tính dùng cho công tác quản lý và các phòng chức năng đạt 100%. Tất cả cán bộ, GV đều có email công vụ; website trường và các khoa, đơn vị được cập nhật thông tin đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công tác và giảng dạy. Ngoài hệ thống website của Trường, Khoa GD tiểu học đã xây dựng website riêng: <https://pri.ued.udn.vn/>. Công việc này được bàn giao cho 1 thư ký phụ trách trang web chịu trách nhiệm về mặt nội dung và hình ảnh, thường xuyên cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ công tác đào tạo, quản lý sinh viên của khoa, NCKH [H9.09.04.13]. Ngoài ra, Khoa sử dụng email: pri.ued.udn@gmail.com để liên hệ với sinh viên, GV và trang mạng xã hội facebook <https://www.facebook.com/Khoa-Giao-duc-Tieu-hoc-Dai-hoc-Sur-Pham-Da-Nang-1517894318527821/> để cập nhật thông tin cần thiết, hữu ích cho sinh viên

[H9.09.04.14].

Hàng năm, Nhà trường giao cho Tổ CNTT lên kế hoạch đầu tư, nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống máy tính cá nhân, hệ thống wifi và các phần mềm nhằm hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu và nâng cấp đường truyền cáp quang với các công ty bên ngoài giúp đảm bảo an toàn dữ liệu, nâng cao tốc độ đường truyền và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin [H9.09.04.07]. Để nâng cao chất lượng sử dụng hệ thống CNTT, Trường có sổ Nhật ký theo dõi và kiểm tra thiết bị phục vụ giảng dạy từng ngày, từng tháng [H9.09.04.15].

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan cho thấy, trên 80% CB, GV và trên 75% SV hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H9.09.04.16],

2. Điểm mạnh

- Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chuyên đề, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp để phục vụ hoạt động giảng dạy và quản lý đào tạo;

- Đội ngũ cán bộ nhân viên chủ động, sáng tạo trong việc sử dụng các công cụ trực tuyến hữu dụng như Facebook, Zalo, Teams... để ứng dụng tối đa các tính năng ưu việt của các công cụ này vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu;

- Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và tạp chí khoa học thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phần mềm quản lý tương tác giữa GV và SV trong dạy – học trực tuyến, hệ thống sản xuất bài giảng trực tuyến còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần phát triển phần mềm hỗ trợ giảng dạy trực tuyến hiệu quả hơn: quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học; trang bị hệ thống sản xuất học liệu E-learning.	Tổ CNTT&TT	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn luyện nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy, đặc biệt là năng lực xây dựng bài giảng trực tuyến.	Tổ CNTT&TT Khoa GDTH	Hàng năm
		Xây dựng kế hoạch sử dụng và	Tổ CNTT&TT	Hàng năm

		đánh giá hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin	Khoa GDTH	
--	--	--	-----------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư chất lượng dạy - học, Trường ĐHSP - ĐHĐN cũng rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho SV, trong đó có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật. Trường có các chính sách về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật dựa trên TCVN 4319:2012, Thông tư hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường [H9.09.05.01]. Nhà trường đã có các quy định, nội quy về an ninh, an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên trường, giảng đường, phòng thực hành,... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện. Khoa được Nhà trường bố trí các phòng làm việc, sinh hoạt tại tầng 2, nhà B1 đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, an ninh, an toàn. Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, tạo thuận lợi cho CB, GV và NH trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác [H9.09.05.02].

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho NH [H9.09.05.03]. Để có cảnh quan sạch sẽ và đảm bảo các phòng học, phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học, Nhà trường đã hợp đồng với công ty vệ sinh làm việc hàng ngày [H9.09.05.04]. Bên cạnh đó, trong khuôn viên Nhà trường có một hồ sen với diện tích 500 m² tạo cho cảnh quang Trường thoáng đãng hơn [H9.09.05.05].

Trường ĐHSP có một phòng y tế tại nhà A4 với một CB y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho SV và CB, NV, GV và phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và NH [H9.09.05.06]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các SV năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho SV; thành lập ban tổ chức khám sức khỏe đầu khóa cho sinh viên, thống kê số lượng, hợp đồng khám sức khỏe cũng như đăng ký bảo hiểm y tế và tai nạn cho SV [H9.09.05.07] [H9.09.05.08], [H9.09.05.09], [H9.09.05.10].

Để khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ, Trường ĐHSP đã xây dựng các sân bóng đá, bóng chuyền, và bóng rổ ngoài trời cũng như một nhà đa năng với đầy đủ các sân chơi thể thao và nhà tập thể hình [H9.09.05.11].

Hàng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch **[H9.09.05.12]**. Công tác vệ sinh môi trường phòng ngừa dịch bệnh luôn được Nhà trường chú trọng và đảm bảo **[H9.09.05.13]**, **[H9.09.05.14]**, **[H9.09.05.15]**, **[H9.09.05.16]**. Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định phục vụ cho người khuyết tật (lối đi, công trình vệ sinh, quy định). Các lớp HP có SV khuyết tật luôn được ưu tiên bố trí ở các giảng đường tầng 1, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc di chuyển **[H9.09.05.17]**.

Để đảm bảo an toàn trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường quyết định thành lập ban chỉ huy PCCC **[H9.09.05.18]**. Trường cũng đã phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và SV về kiến thức, pháp luật PCCC thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục ngay những sơ hở, thiếu sót về PCCC tại cơ sở, trực tiếp triển khai các hoạt động liên quan đến vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khuôn viên đơn vị **[H9.09.05.19]**, **[H9.09.05.20]**. Ngoài ra, Trường còn thành lập đội PCCC phản ứng nhanh tại chỗ thường xuyên thực hành thực tập phương án chữa cháy và các kế hoạch ứng phó khẩn cấp khi có các sự cố bất ngờ xảy ra **[H9.09.05.21]**, **[H9.09.05.22]**, **[H9.09.05.23]**, **[H9.09.05.24]**. Trong tất cả các phòng làm việc, phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm ở các giảng đường đều có các bình chữa cháy và quy định cũng như đường dây nóng treo trong phòng **[H9.09.05.25]**. Trong những năm qua, không có sự cố mất an toàn về người và tài sản do cháy nổ **[H9.09.05.26]**. Nhà ăn, căng tin của Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng phục vụ thường xuyên cho CB, GV và NH **[H9.09.05.27]**, **[H9.09.05.28]**.

Để đảm bảo an ninh trường học, Trường ĐHSP đã thuê đội bảo vệ từ công ty bảo vệ. Đội ngũ cán bộ Tổ bảo vệ trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Nhà trường **[H9.09.05.29]**, **[H9.09.05.30]**. Ngoài ra, Trường còn ký quy chế phối hợp giữa cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn phường Hòa Khánh Nam với đội tự quản sinh viên ký túc xá trường ĐHSP về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong ký túc xá trường ĐHSP **[H9.09.05.31]**. Ngoài ra, Trường còn có một lực lượng xung kích được thành lập từ các cán bộ viên chức. Mỗi năm lực lượng này được tập huấn một lần để luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu khi có sự cố mất an ninh bất ngờ xảy ra. Hiện nay, Trường cũng đã xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp khi các sự cố bất ngờ xảy ra **[H9.09.05.23]**. Đồng thời, Nhà trường còn có các quy định cụ thể về nội quy Trường học, nội quy giảng đường để đảm bảo sự an toàn môi trường học đường **[H9.09.05.32]**. Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan được thực hiện hàng năm cho thấy trên 90% SV và hầu như tất cả GV đồng ý rằng điều kiện môi trường và an ninh là tốt **[H9.09.05.33]**.

2. Điểm mạnh

- Công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV được thực hiện tốt và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật;

- Cảnh quan, môi trường của Trường phù hợp với môi trường sư phạm.

3. Điểm tồn tại

- Việc tập huấn an toàn vệ sinh lao động định kỳ cho CB hành chính và CB kỹ thuật làm việc thường xuyên trong văn phòng, phòng thực hành còn ít;

- Sự tiếp cận của SV khuyết tật đến các dịch vụ của Nhà trường còn hạn chế (dãy nhà A6, B3 không có thang máy hỗ trợ cho người khuyết tật, các dãy khác có lối đi cho xe lăn nhưng độ dốc quá cao)

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần kiểm tra, rà soát yêu cầu y tế đối với trường học và trang bị đầy đủ hơn đảm bảo chăm sóc sức khỏe của CB và SV.	Phòng TCHC	Từ năm học 2022 - 2023
		Cần bổ sung các sơ đồ hướng dẫn thoát hiểm, tập huấn PCCC định kỳ cho CB hành chính và CB kỹ thuật làm việc thường xuyên trong văn phòng, phòng thực hành.	Phòng CSVC Phòng TCHC	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng diện tích phủ xanh trong khuôn viên Nhà trường	Phòng CSVC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Tình trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị của Khoa GD Tiểu học nói riêng, Trường ĐHSP nói chung về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu học tập của SV và GV. Đặc biệt, nhà trường đã ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy, quản lý dữ liệu, thư viện số nhằm tối ưu hóa hoạt động cho người học và người dạy.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số điểm tồn tại như hệ thống wifi ở một số vị trí còn yếu, một số phòng còn chưa được trang bị điều hòa nhiệt độ, các bộ môn còn chưa được bố trí phòng làm việc riêng, tài liệu học tập và tham khảo chưa được cập nhật hoàn toàn,...

Nhà trường và Khoa đã có kế hoạch để khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh như: xây dựng kế hoạch đầu tư thêm phòng làm việc, phòng học và các phòng

chức năng cùng các trang thiết bị cần thiết, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn và cập nhật bổ sung thêm mới nhiều nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên, thường xuyên rà soát yêu cầu y tế đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và sinh viên,...

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong giáo dục là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo đạt được mục tiêu và CDR CTĐT cũng như đáp ứng đối với sự thay đổi của nhu cầu và sự phát triển xã hội. Hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục phải đồng hành và xuyên suốt trong quá trình xây dựng, triển khai và phát triển CTĐT. Do đó, nội dung nâng cao chất lượng sẽ tập trung chủ yếu vào việc thu thập thông tin, ý kiến phản hồi các bên liên quan về các yếu tố cấu thành chất lượng như: năng lực NH, môi trường và cơ hội học tập, nguồn lực của cơ sở giáo dục; từ đó làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH gắn liền với CDR và nâng cao chất lượng. Xác định nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm và yếu tố sống còn của một cơ sở giáo dục đại học, Trường ĐHSPT - ĐHQĐ cùng với Khoa GDTH đã thực hiện nhiều hoạt động nâng cao chất lượng CTĐT GDTH như: khảo sát ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, SV, cựu SV, chuyên gia, NTD) trong quá trình rà soát và phát triển CTDH GDTH; đảm bảo chất lượng trong kiểm tra và đánh giá; áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học; cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

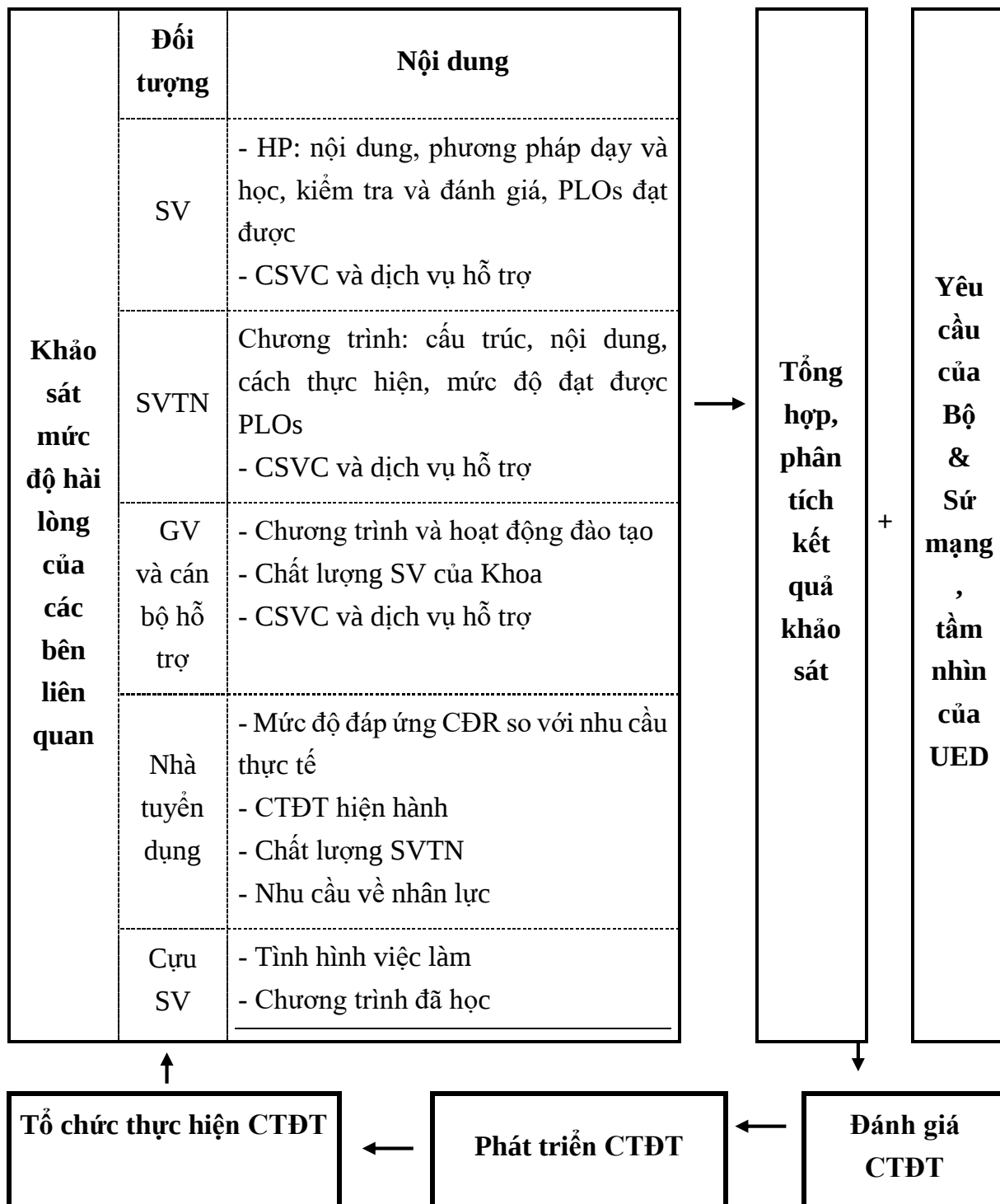
Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng CDR CTĐT và nhu cầu xã hội. Do đó hoạt động thu thập, phân tích thông tin phản hồi là một phần nội dung quan trọng của công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động này được Trường ĐHSPT - ĐHQĐ tổ chức thông qua sự phối hợp của các đơn vị khác nhau trong Nhà trường như mô tả trong *Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường ĐHSPT – ĐHQĐ giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn*

2030; trong đó, Phòng KT& ĐBCLGD của Nhà trường được xác định là đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với việc tổ chức thực hiện hoạt động này [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thực hiện cùng với quy trình thiết kế và phát triển chương trình (Hình 10.1.1) theo quy định của BGD&ĐT và Trường ĐHSP-ĐHĐN [H10.10.01.03].

Hình 10.1.1. Vai trò của việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quy trình đảm bảo chất lượng CTĐT.



Với mục tiêu đào tạo ra các SV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục và hội nhập giáo dục trên thế giới, CTDH ngành GDTH được

thiết kế dựa trên sự tham khảo các trường trong và ngoài nước để có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và sự phát triển của Việt Nam. CTDH ngành GDTH cũng được điều chỉnh theo hướng coi trọng đào tạo năng lực và tạo sự thuận tiện cho người học. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR, CTDH đều được thực hiện theo quy trình và có sự so sánh giữa CTDH trong nước và quốc tế, và được thực hiện theo quy trình, quy định của Nhà trường trong đó có bước khảo sát ý kiến của các bên liên quan **[H10.10.01.04]** **[H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07]**.

Nhà trường và Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã sử dụng quy trình khảo sát các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ cho việc xây dựng và phát triển CTDH. Các hình thức thu thập thông tin thường được sử dụng là lấy ý kiến trực tiếp thông qua Hội nghị đào tạo, phiếu khảo sát, qua google form, qua hình thức phỏng vấn... Hoạt động khảo sát được tổ chức định kỳ hàng năm.

Khoa GDTH sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị liên quan làm căn cứ để thiết kế CTDH. Để có các thông tin phản hồi, Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan. Điều đó đã được thể hiện ở Thông tư hướng dẫn của BGD&ĐT; văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của ĐHĐN; biên bản họp đào tạo cấp Khoa giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, biên bản lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH **[H10.10.01.08], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]**. Các đợt khảo sát nhà tuyển dụng, quản lý giáo dục và giáo viên thường tập trung vào các khía cạnh sau: sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng cử nhân GDTH tốt nghiệp CTDH về kiến thức, kỹ năng, thái độ; đánh giá về sự phù hợp của CĐR và CTDH, nhu cầu của các bên liên quan về nguồn nhân lực cho lĩnh vực GDTH **[H10.10.01.12], [H10.10.01.13]**.

Sau khi có được ý kiến của các bên liên quan thông qua phiếu hỏi, phỏng vấn, tọa đàm trực tiếp tại Hội nghị, Hội thảo, Seminar có thể tổng hợp lại thành 2 cách xử lý thông tin theo phương pháp định tính và định lượng. Đối với các ý kiến thu thập từ phỏng vấn, đối thoại được ghi trong biên bản từ Hội thảo, Hội nghị, Seminar được tổng hợp thành nhóm các ý kiến giống nhau; Đối với các ý kiến được khảo sát thông qua phiếu được tính toán dựa trên phần mềm thống kê toán học để đảm bảo độ chính xác và tin cậy của các thông tin. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được áp dụng vào điều chỉnh CTĐT. Bên cạnh đó, mỗi năm học, CTDH đều lấy ý kiến đánh giá của GV, SV cuối khóa về CTDH, những ý kiến này là cơ sở để xây dựng, cải tiến, điều chỉnh CTDH **[H10.10.01.14], [H10.10.01.15]**.

Hàng năm, Trường và Khoa GDTH đã tổ chức thu thập dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp, việc làm của SV. Đến nay, Trường và Khoa đã có cơ sở dữ liệu về địa chỉ liên lạc và tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Các dữ liệu nói trên được lưu thành văn bản tại Phòng KT&ĐBCLGD **[H10.10.01.16]**, **[H10.10.01.17]**. Qua những thông tin này, Khoa đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm giúp người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp.

Thực hiện theo đúng chủ trương cải tiến chất lượng đào tạo, giảng dạy, năm 2021, Trường tiếp tục điều chỉnh CTDH ngành GDTH sau 2 năm đào tạo. Trong quá trình cập nhật điều chỉnh CTDH, Khoa GDTH mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, cán bộ quản lý, cựu SV và SV năm cuối đang học tập, tham gia đóng góp ý kiến để làm căn cứ điều chỉnh CTDH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Qua các góp ý của các bên liên quan cho thấy, hầu hết các ý kiến cho rằng CTDH ngành GDTH là hợp lý, tên các học phần, số tín chỉ của các học phần là phù hợp, tuy nhiên trong CTDH cần tăng thêm các tín chỉ thực hành cho sinh viên. Dựa trên kết quả điều tra, Khoa GDTH đã thiết kế và phát triển CTDH ngành GDTH cho khóa đại học hệ chính quy 2021 với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130/155 tín chỉ nhằm tăng cường các kỹ năng làm việc của SV ngành GDTH **[H10.10.01.18]**.

Để có được kết quả như trên, Nhà trường và Khoa đã xây dựng các quy định, mẫu phiếu điều tra khảo sát cụ thể và kế hoạch lấy ý kiến khảo sát, phản hồi của các bên liên quan kịp thời và đều đặn, nhằm phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh CTDH của khoa **[H10.10.01.19]**. Khoa GDTH và Phòng Khảo thí & ĐBCLGD tiếp nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan qua điều tra bằng bảng hỏi, hội thảo, điều tra bằng bảng hỏi qua internet.

2. Điểm mạnh

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả cho việc thiết kế CTĐT;

- Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành đúng đối tượng, hình thức đa dạng. Kết quả khảo sát các bên liên quan đã được sử dụng hiệu quả để cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Chưa tách riêng các ý kiến của SV, SV sắp tốt nghiệp về CTĐT của ngành GDTH qua các buổi đối thoại cũng như qua các đợt khảo sát bằng phiếu hỏi để có cơ sở cải tiến cụ thể hơn;

- Chưa mời được chuyên gia về thiết kế CTĐT và đo lường CDR để thẩm định

từng CĐR mới được ban hành, nhất là về kỹ năng mềm và thái độ.

4. Kế hoạch hành động

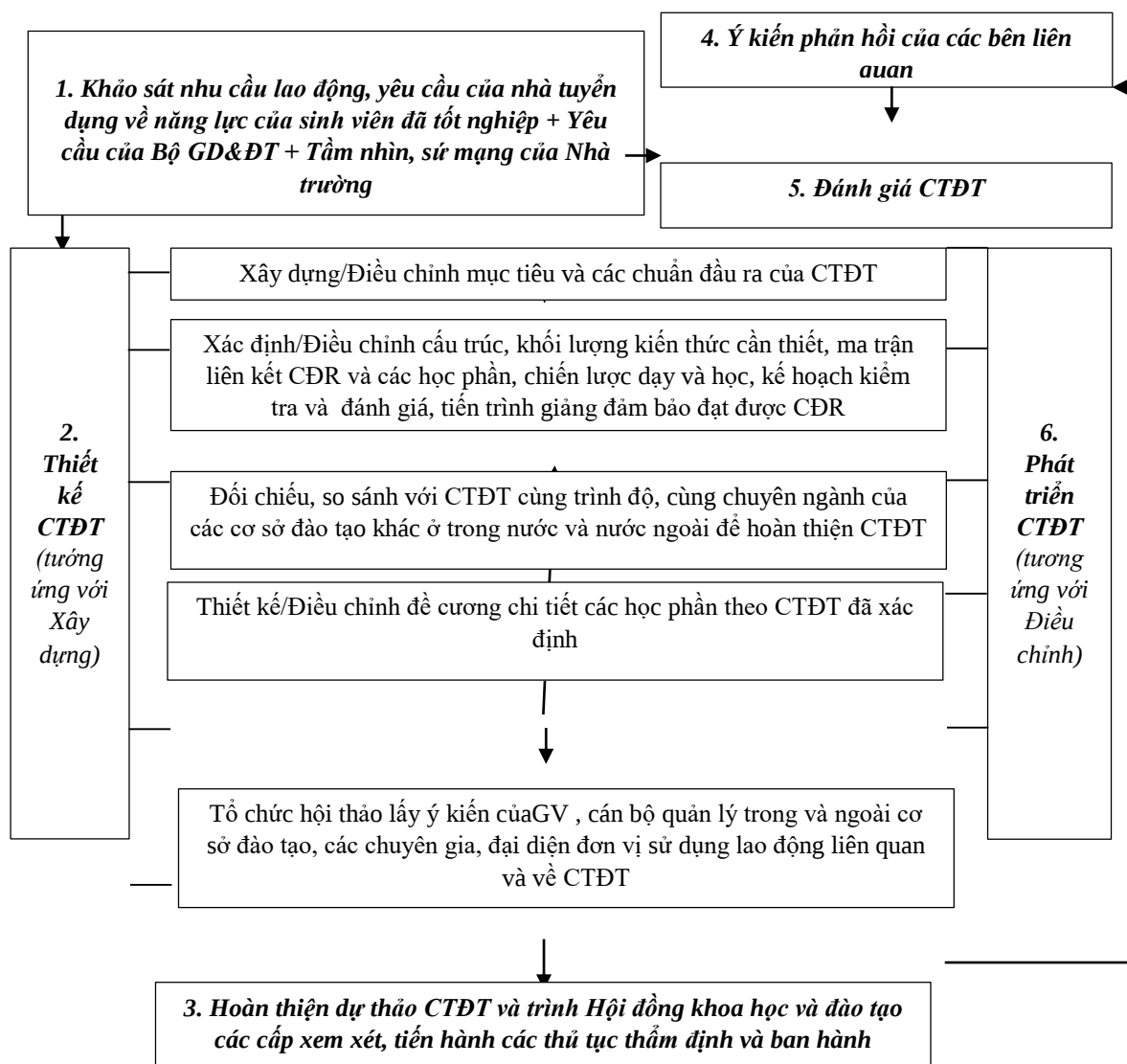
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tách riêng các ý kiến của SV, SV tốt nghiệp về CTĐT của ngành qua các buổi đối thoại cũng như qua các đợt khảo sát bằng phiếu hỏi để có cơ sở cải tiến cụ thể hơn.	Khoa GDTH Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2022-2023
		Mời chuyên gia về thiết kế CTĐT và đo lường CĐR để thẩm định từng CĐR mới được ban hành, nhất là về kỹ năng mềm và thái độ.	Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan, phát huy các phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy.	Khoa GDTH Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm
		Cải tiến và thực hiện đa dạng hóa các phương thức và nội dung thông tin thu thập.	Khoa GDTH Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được thực hiện và cập nhật theo các quy định của BGD&ĐT và theo hoạt động thực tiễn của Nhà trường **[H10.10.02.01]**, **[H10.10.02.02]**. Mặc dù các quy định về quy trình có sự thay đổi theo từng giai đoạn, tuy nhiên về cơ bản quy trình thiết kế và phát triển chương trình CTĐT GDTH bao gồm các bước cơ bản như mô tả ở Hình 10.2.1:



Hình 10.2.1. Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT đảm bảo chất lượng

Nhà trường và Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTDH theo quy định của BGD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.03], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTDH. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH theo hướng dẫn. CTDH ngành GDTH. Khoa đã tiến hành phát triển CTDH phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể theo quy định của Nhà trường. CTDH bao gồm các thành tố: mục tiêu, CĐR, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế và được thiết kế theo hướng phát

triển năng lực người học, giúp người học hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp, đảm bảo mọi SV ra trường đều có việc làm và được xây dựng theo quy định tại các văn bản của Nhà trường. Bộ môn/chương trình và Hội đồng Khoa tổ chức họp và thông qua CTDH **[H10.10.02.08]**.

CTDH được định kỳ điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Căn cứ vào việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập dựa trên văn bản hướng dẫn quy trình, căn cứ vào kết quả xử lý phiếu khảo sát dữ liệu lấy ý kiến của các bên liên quan; Khoa GDTH đã rà soát, cải tiến lại những nội dung chương trình, điều đó đã được thể hiện ở CTDH được điều chỉnh 2021 như việc tăng thêm số lượng tín chỉ thực hành trong môn học, tăng tính chuyên sâu và liên mạch của của chương trình môn học, cập nhật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng CTGDPT 2018... **[H10.10.02.09] [H10.10.02.10]**.

Việc điều chỉnh, cập nhật CTDH có sự đối chiếu từ các CTDH ngành GDTH của Trường Đại học SP Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Teikyo Nhật bản và một số trường đại học tiên tiến khác **[H10.10.02.11]**.

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa GDTH đều thành lập nhóm chuyên gia về chuyên đổi CTDH bao gồm đại diện các nhà tuyển dụng SV tốt nghiệp; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực; sinh viên và cựu sinh viên **[H10.10.02.12]**. Theo hướng dẫn của Nhà trường, nhóm chuyên gia đề xuất chương trình, sau đó Tổ Bộ môn, Hội đồng Khoa đã thảo luận để thống nhất **[H10.10.02.13]**, **[H10.10.02.14]**. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, chuyên gia, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định **[H10.10.02.15]**, **[H10.10.02.16]**. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH Khoa GDTH sau điều chỉnh năm 2017, 2019 **[H10.10.02.17]**, **[H10.10.02.18]**.

CTDH ngành GDTH hằng năm được định kỳ rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển. Hoạt động này là bắt buộc tại CTDH GDTH. Định kỳ sau mỗi năm học, CTDH GDTH sẽ gửi phiếu khảo sát cho các bên liên quan đánh giá sự phù hợp của CT, những phương pháp tiếp cận dạy và học có góp phần hỗ trợ người học hoàn thành CTDH.

Năm 2018, các quy định của BGD&ĐT và các quy trình đã áp dụng trước đó đối với việc phát triển các CTDH đã được Nhà trường triển khai và hướng dẫn khá chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi cho các Khoa/Phòng chức năng thực hiện có hiệu quả; ví dụ điển hình là việc bổ sung những biểu mẫu đồng nhất, rõ ràng và phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định do BGD&ĐT ban hành. Đối với mỗi quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành mới, Nhà trường luôn lấy ý kiến các Khoa/ Phòng chức năng trước khi ban hành chính thức **[H10.10.02.19]**. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, trong giai

đoạn 2017 - 2021, Khoa đã thực hiện rà soát CTĐT hằng năm và phát triển CTDH GDTH với chu kỳ 2 năm/lần, cụ thể CTDH các khóa 2017, 2019 và 2021 với quy trình như trình bày ở Hình 10.2.2 [H10.10.02.20]. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT theo nhu cầu xã hội và đưa ra các giải pháp giúp NH đạt được CĐR, cụ thể thay đổi tổng số TC tích lũy chung, tỷ lệ các HP thực hành/lý thuyết và các khối kiến thức, nội dung các HP và kế hoạch đào tạo (Bảng 10.2.2) [H10.10.02.21].

Stt	Nội dung	Cập nhật CTDH qua các năm		
		2017	2019	2021
1	Số TC tối thiểu tích lũy	135 (125BB+10TC)	130 (120BB+10TC)	130 (115BB+15TC)
2	Đào tạo năng lực ngoại ngữ	B1	B1	B1
3	Định hướng điều chỉnh CTDH	Chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực	Dạy học theo tiếp cận năng lực; Đáp ứng CTGDPT 2018;	Đáp ứng CTGDPT 2018; CĐR; KLTT tự chọn bắt buộc;
4	Tỷ lệ các HP được điều chỉnh (%)	20,3%	59,1%	100%
5	Đề cương chi tiết học phần	53 học phần bắt buộc	49 học phần bắt buộc XD theo tiếp cận CDIO	45 học phần bắt buộc; Xây dựng mới các đề cương học phần

Bảng 10.2.2. Bảng đối sánh những nội dung chính trong CTDH qua các năm.

2. Điểm mạnh

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTDH đã được ban hành với các nội dung hướng dẫn cụ thể và phù hợp với các quy định của BGD&ĐT và có cải tiến phù hợp với tình hình của Trường ĐHSP - ĐHĐN;

- Quá trình triển khai quy trình để rà soát CTDH được tiến hành thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Chưa cụ thể hóa và hướng dẫn chi tiết các bước tổ chức thu thập và sử dụng ý kiến của các BLQ về CTĐT, các nhóm chuyên trách thống kê nhu cầu ngành học, thu thập, phân tích đối sánh CTĐT để cải tiến CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần cụ thể hóa và hướng dẫn chi tiết các bước tổ chức thu thập và sử dụng ý kiến các BLQ về CTĐT, các nhóm chuyên trách thống kê nhu cầu ngành học, cách thức phân tích đối sánh CTĐT để cải tiến CTĐT	Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tốt hoạt động thiết kế và phát triển CTDH	Khoa GDTH	Hàng năm
		Cập nhật và cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTDH phù hợp cho từng bối cảnh khác nhau	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng ĐT Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Dạy học và kiểm tra đánh giá là những bước thực thi các nội dung của CTDH, qua đó giúp đạt được CDR HP cũng như CDR CTĐT. Trường ĐHS - ĐHĐN đã áp dụng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với các quy định của BGD&ĐT trong quá trình thực hiện CTĐT [H10.10.03.01]. Nhà trường đã xây dựng một hệ thống giám sát chặt chẽ tiến trình này nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với những gì đã thiết kế và công bố [H10.10.03.02]. Cụ thể, khối lượng cũng như tiến trình dạy học được cập nhật liên tục trên tài khoản cá nhân của hệ thống quản lý đào tạo (<https://qlht.ued.udn.vn>). Qua đó, mỗi GV tự kiểm soát và điều chỉnh kịp thời tiến trình giảng dạy của mình sao cho phù hợp với kế hoạch đã thiết kế. Đồng thời, đây cũng là công cụ để Bộ phận Thanh tra Pháp chế theo dõi, giám sát GV đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng và tiến độ giảng dạy theo kế hoạch [H10.10.03.03], [H10.10.03.04]. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của GV là sổ đầu bài [H10.10.03.05]. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các HP. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng HP với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Để tổ chức đảm bảo chất lượng dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo tính tương thích với CDR môn học và CTĐT, Khoa dựa vào Quy chế đào tạo của BGD&ĐT, ĐHQĐ và Trường ĐHQG ban hành năm 2015 **[H10.10.03.06]**. Về hoạt động kiểm tra đánh giá NH, tất cả các ma trận và đáp án của đề thi (bao gồm cả đề thi giữa kỳ và kiểm tra cuối kỳ) đều được GV xây dựng theo nội dung cấu trúc trong ĐCCT và được phê duyệt bởi Bộ môn hoặc trưởng khoa **[H10.10.03.07]**. Đây là cơ sở để giám sát liệu các hoạt động kiểm tra đánh giá có thực sự gắn liền với mục đích đo mức độ đạt được CDR HP như đã thiết kế và công bố hay không. Bên cạnh đó, việc tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá còn được tổ chức, giám sát bởi Phòng KT & ĐBCLGD nhằm đảm bảo thực hiện kiểm tra đánh giá theo đúng kế hoạch **[H10.10.03.08]**.

Để tiến tới cải tiến hoạt động đánh giá người học theo năng lực tích lũy, các học phần đều đã xây dựng dựa trên CDR học phần/đề cương chi tiết học phần, công bố công khai tới SV trên trang web của Khoa. Mục đích của việc thiết kế là để chuẩn hóa hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giảng dạy; đồng thời giúp người học chủ động lập kế hoạch học tập có chiến lược và phương pháp, đáp ứng CDR của học phần. Tất cả đề cương môn học đều được rà soát, điều chỉnh hằng năm nhằm cập nhật những thông tin về nội dung môn học, trọng số đánh giá, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu tham khảo hay cách thức đánh giá quá trình hoặc hình thức kiểm tra kết thúc học phần. Mỗi đề cương chi tiết có chỉnh sửa đều được thông qua nhóm GV dạy, thành lập hội đồng phản biện và làm tờ trình đề xuất điều chỉnh gửi khoa, Phòng Đào tạo trình duyệt thông qua đề cương môn học mới. Và mọi chỉnh sửa về đề cương đều dựa trên ý kiến đóng góp các chuyên gia, hội đồng phản biện điều chỉnh chương trình **[H10.10.03.09]**.

Hàng năm, Khoa GTH tổ chức định kỳ họp rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên cấp Tổ bộ môn và Khoa, tham gia xét học vụ theo sự chỉ đạo của Nhà trường và phòng Đào tạo **[H10.10.03.10]**.

Ngoài ra, SV cũng được tham gia vào việc giám sát quá trình dạy học và hoạt động kiểm tra đánh giá của GV bằng cách phản hồi ý kiến dưới nhiều hình thức khác nhau (trau đổi trực tiếp với GV phụ trách, GV CN, trả lời phiếu khảo sát, góp ý qua buổi đối thoại giữa Khoa với SV) và phúc tra bài thi khi phát hiện có sự không phù hợp giữa hoạt động thực tế với kế hoạch dạy và học, kế hoạch kiểm tra đánh giá, rubric và đáp án đã

được công khai **[H10.10.03.11]**. Kết quả thu được cho thấy, chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao **[H10.10.03.12]**, **[H10.10.03.13]**. Với hệ thống giám sát chặt chẽ, có sự tham gia của nhiều thành phần và được rà soát hằng kỳ mà tiến trình dạy học cũng như hoạt động kiểm tra đánh giá của Khoa diễn ra một cách đồng bộ và nhận được phản hồi tích cực từ SV.

Công tác cố vấn học tập được Khoa chú trọng thực hiện đặc biệt quan tâm đến việc theo dõi tình hình kết quả học tập của SV từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập sao cho phù hợp **[H10.10.03.14]**.

2. Điểm mạnh

- Hệ thống quy trình rà soát quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá đa dạng và có đầy đủ các chức năng cần thiết để giám sát có hiệu quả hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá người học;

- Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được Nhà trường và Khoa chú trọng quan tâm, thực hiện thường xuyên theo các quy định của Nhà trường và của Khoa, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành GTH;

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHSP - ĐHĐN, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học, nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa phân tích, tiếp thu ý kiến của SV về hoạt động của GV trong các buổi họp bộ môn để cải tiến việc dạy và học cũng như chưa tiến hành dự giờ định kì để đánh giá hoạt động dạy và học giúp SV đạt CĐR của môn học, kể cả các CĐR về kỹ năng mềm và trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nên thể hiện rõ việc phân tích, tiếp thu ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV trong các buổi họp bộ môn để cải tiến việc dạy và học cũng như tiến hành dự giờ để đánh giá hoạt động dạy và học giúp SV đạt CĐR của môn học đối với các môn học mới, GV mới hoặc khi có thay đổi lớn trong các đề	Phòng Đào tạo Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023

		cương môn học, có áp dụng phương pháp dạy học mới. Nên phát triển các hoạt động giám sát dạy học mang tính chuyên môn hơn chỉ là mang tính hành chính, cải tiến cách dạy lồng ghép kỹ năng làm việc nhóm bài bản hơn		
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự phối hợp đồng bộ và đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá của GV trong Khoa	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

NCKH được xác định là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường ĐHSP – ĐHĐN nói chung và CTĐT GDTH của Khoa GDTH nói riêng. Điều này được thể hiện rõ thông qua các quy định và chính sách khuyến khích liên quan đến hoạt động NCKH của GV cũng như SV [H10.10.04.01].

NCKH được xem là một trong những thế mạnh của Khoa GDTH, với rất nhiều thành tựu đạt được trong thời gian qua, trong đó có nhiều thành tựu nghiên cứu về [H10.10.04.02]. Các kết quả NCKH được Khoa GDTH sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Trong các tiêu chí đánh giá cải tiến việc dạy học, thì ứng dụng NCKH vào hoạt động dạy học là một trong những tiêu chí quan trọng được đưa vào đề cương môn học, đề cương bài giảng. Hàng năm, Trường cũng như Khoa GDTH khuyến khích các GV và SV tham gia NCKH trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả đó phục vụ cho việc dạy và học [H10.10.04.03], [H10.10.04.04]. Một số đề tài đã được ứng dụng trong giảng dạy của GV và học tập của SV trong giai đoạn từ năm 2017 – 2021 [H10.10.04.05].

Bảng 10.4.1. Bảng thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy và học tập của GV và SV trong giai đoạn từ năm 2017 – 2021

TT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Lĩnh vực ứng dụng
1	Nghiên cứu sâu mô hình đào tạo cử nhân sư phạm tiểu học và đề xuất mô hình mới phù hợp với đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	2017	Đào tạo GV tiểu học

2	Nghiên cứu sự ngắt quãng trong nhận thức của HS đầu cấp tiểu học khi học toán	2016-2018	Dạy học toán tiểu học
3	Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông năm 2018	2018	BD TX GV cấp tiểu học
4	Một số biện pháp giáo dục học sinh tiểu học bằng kỹ luật tích cực	2019	GD học sinh
5	Thiết kế chủ đề STEM vào dạy học ở trường tiểu học	2019	Dạy học tích hợp
6	Thiết kế và tổ chức hoạt động nhận thức trong môn Toán cho HS lớp 1 đáp ứng CTGDPT 2018	2020	Dạy học toán tiểu học
7	Thiết kế chủ đề Giáo dục STEM: “Sử dụng năng lượng tự nhiên để tiết kiệm điện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong dạy học ở tiểu học”	2021	Dạy học tích hợp

Khoa GDTH là một trong những khoa có nhiều hoạt động NCKH. Trong khuôn khổ nhiệm vụ ETEP để phát triển năng lực GV sư phạm. Khoa GDTH đã có nhiều NCKH đóng góp hiệu quả cho sự phát triển CTĐT, phát triển cộng đồng. Tháng 4 năm 2017, trong Hội thảo phát triển CTĐT trong 8 Trường SP trọng điểm quốc gia, tổ chức tại Trường ĐHSP Đà Nẵng, Khoa GDTH đã đề xuất phát triển 6 CTĐT giáo viên cấp Tiểu học đáp ứng CTGDPT 2018: GDTH; GDTH-Tin học và Công nghệ; GDTH- Thể chất & Đoàn đội; GDTH-Tiếng Anh; GDTH-GD Hoà nhập; SP Tiếng Anh Tiểu học **[H10.10.04.06]**.

Để bồi dưỡng giáo viên cấp Tiểu học đáp ứng CTGDPT 2018 và Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GD phổ thông, Bộ đã giao nhiệm vụ cho Trường ĐHSP – ĐHĐN xây dựng CTBDTX GV cấp Tiểu học, Cục Nhà Giáo đã cử một số GV của Khoa GDTH làm Trưởng ban, phó trưởng ban, thư kí Ban XD CTBDTX GV tiểu học **[H10.10.04.07]**. CTBDTX GV tiểu học đã được Hội đồng thẩm định Cục Nhà giáo nghiệm thu và ban hành Theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT **[H10.10.04.08]**. Trong CTBDTX này, 7 trường sư phạm trọng điểm đã đề xuất 9 mô đun cốt lõi cần tập huấn cho GV cốt cán cấp tiểu học để đáp ứng CTGDPT 2018. Các đề xuất này đã được BQL ETEP Trung ương và Cục Nhà giáo chấp thuận. Hiện nay, các mô đun 1 đến mô đun 9 đang được triển khai Tập huấn cho Tổ trưởng chuyên môn, GV phổ thông cốt cán và đại trà cấp tiểu học **[H10.10.04.09]**. Như vậy, có thể nói các kết quả NCKH của Khoa GDTH đã góp phần ứng dụng, triển khai vào các hoạt động dạy học, giáo dục các trường tiểu học khu vực miền Trung và Tây Nguyên rất hiệu quả. Dựa trên các kết quả NCKH, Khoa GDTH Trường ĐHSP – ĐHĐN cũng như 7 trường SP trọng điểm đã triển khai xây dựng

tài liệu BD và triển khai bồi dưỡng PVCD GV phổ thông cấp Tiểu học rất hiệu quả, góp phần thực hiện thành công CTGDPT 2018.

Song hành với nhiệm vụ XD CTBDTX GV tiểu học, Khoa cũng được Trường phân công thực hiện 2 Đề tài cấp Trường trong khuôn khổ nhiệm vụ ETEP, năm 2017. Đề tài thứ nhất: *Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông năm 2018*. Mã số T2017-ETEP-03-02; Đề tài thứ 2: *Nghiên cứu đánh giá tổng thể chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học và đề xuất các chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo chuẩn mới*. Mã số: T2017-ETEP-03-01 **[H10.10.04.10]**. Các kết quả nghiên cứu đã phục vụ thiết thực cho việc phát triển CTĐT ngành GDTH của Khoa, giúp Khoa cập nhật những vấn đề thời sự, đáp ứng CTGDPT 2018, xây dựng được đề án mở mã ngành mới đào tạo nhân lực cho ngành GDTH.

Khoa luôn xem NCKH là nhiệm vụ hàng đầu trong phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên. Vì vậy, trong những năm gần đây số lượng công bố khoa học, đề tài, giáo trình xuất bản đã tăng khá nhanh.

Bảng 10.4.2. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ
các cấp của Khoa từ năm 2017 đến tháng 8/2021

Năm học	Tổng cộng	Cấp cơ sở	Cấp ĐHĐN	Cấp Bộ	Cấp Nhà nước	Địa phương
2016 - 2017	3	2	0	1	0	0
2017 - 2018	1	1	0	0	0	0
2018 - 2019	0	0	0	0	0	0
2019 - 2020	1	0	0	1	0	0
2020 - 2021	7	3	2	2	0	0

Số lượng các công bố trên các Tạp chí Khoa học chuyên ngành, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và nước ngoài của GV trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Đối với GV, NCKH là nhiệm vụ được quy định và Nhà trường có các hình thức hỗ trợ động viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời. Ngoài ra, NCKH cũng là tiêu chí quan trọng quyết định kết quả thi đua của GV **[H10.10.04.03]**. Nhờ vậy, mà kết quả NCKH của GV trong Khoa tăng trong những năm gần đây. Tính từ năm 2016 đến nay, CTĐT ngành GDTH của Trường ĐHSP-ĐHĐN đã thực hiện được đề tài các cấp (trong đó có 4 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp ĐHĐN, 6 đề tài cấp trường, biên soạn được 6 giáo trình, 04 tài liệu tham khảo, 02 sách chuyên khảo, 57 bài đăng tạp chí chuyên ngành, 4 bài hội thảo và tạp chí quốc tế (trong đó có 4 bài thuộc SCIE, SSCI, AHCI, ESCI). Các tài liệu này được giới thiệu trực tiếp trong CTĐT. Sản

phẩm NCKH của GV Khoa GDTH như đề tài NCKH, các bài báo được công bố không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng [H10.10.04.11].

Bảng 10.4.3. Số lượng ấn phẩm nghiên cứu của GV của Khoa

Năm học	Hình thức xuất bản						Tổng số
	Tạp chí WoS thuộc (SCIE, SSCI, AHCI, ESCI)	Tạp chí Scopus	Tạp chí quốc tế khác (có ISSN)	Tạp chí trong nước (có ISSN)	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (có ISBN)	Kỷ yếu Hội thảo trong nước (có ISBN)	
2016 - 2017	0	0	1	9	0	6	16
2017 - 2018	0	0	0	8	0	2	10
2018 – 2019	0	0	0	1	0	2	3
2019 - 2020	0	0	0	4	0	1	5
2020 - 2021	4	0	0	16	4	3	23

NCKH của GV được đưa vào nội dung in ấn xuất bản thành các tài liệu học tập, giáo trình học tập cho SV. Cụ thể như, Sách chuyên khảo Đào tạo nâng cao năng lực sư luận thống kê cho học sinh phổ thông; Dạy học yếu tố thống kê theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học; Cơ sở toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học [H10.10.04.12].

Các nghiên cứu của GV đã góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy, từ đó việc dạy và học đạt hiệu quả hơn, chất lượng bài giảng được cập nhật theo xu hướng mới giúp nâng cao chất lượng học tập của người học.

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa thường xuyên tổ chức các Seminar và Hội nghị khoa học cấp Khoa nhằm định hướng nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu của GV đến cho đồng nghiệp và sinh viên, từ đó có những ứng dụng hiệu quả vào hoạt động dạy học, cũng như cải tiến, bổ trợ cho chất lượng nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu CĐR môn học và CTĐT.

Hầu hết SV học CTĐT cử nhân GDTH được tham gia NCKH thông qua hình thức làm tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.08]. Trong những năm gần đây, NCKH của sinh viên của ngành GDTH bắt đầu tăng dần về số lượng và chất lượng, đã đạt được nhiều giải thưởng từ hoạt động NCKH sinh viên cấp trường [H10.10.04.09]. Trường và Khoa tổ chức hội nghị SV NCKH hàng năm [H10.10.04.13].

Khoá tuyển sinh 2013 đăng kí 32 đề tài SV NCKH; Khoá tuyển sinh 2014, đăng kí 23 đề tài; Để nâng cao chất lượng NCKH của SV, từ khoá tuyển sinh 2015, Trường phân bổ số lượng đề tài cho các khoa căn cứ theo số lượng SV. Do đó, khoá tuyển sinh 2015 trở về sau chỉ có 10 đề tài SV NCKH cho Khoa GDTH.

Bảng 10.4.4. Bảng thống kê các đề tài và các công bố SVNCKH tiêu biểu
trong giai đoạn từ năm 2017 – 2020

TT	Tên đề tài SVNCKH và bài báo khoa học được công bố	Năm bảo vệ	Ghi chú
1	Thiết kế chủ đề STEM vào dạy học ở trường tiểu học	2019	K16
2	Nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên trong môn Toán ở trường tiểu học	2019	
3	Ứng dụng phần mềm ISPRING trong thiết kế các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2019	
4	Một số biện pháp giáo dục học sinh tiểu học bằng kỹ luật tích cực	2019	
5	Nâng cao năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 5	2019	
6	Nâng cao năng lực đọc thành tiếng cho học sinh lớp 1	2019	
7	Thực trạng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm trong môn Tự nhiên và Xã hội	2019	
8	Một số biện pháp phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên trong dạy học môn Khoa học lớp 4,5	2019	
9	Xây dựng nội dung giáo dục địa phương trong dạy học phân môn Tập đọc ở lớp 5	2019	
10	Thực trạng văn hóa đọc của học sinh lớp 5 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	2019	
11	Vận dụng mô hình dạy học 5E để thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học toán lớp 1 đáp ứng chương trình GDPT năm 2018.	2020	K17
12	Thiết kế chủ đề STEM kết hợp với phần mềm SCRATCH vào dạy học ở tiểu học.	2020	
13	Xây dựng môi trường tương tác trong dạy học Toán lớp 4 thông qua phần mềm ACTIVINSPIRE	2020	
14	Thiết kế và tổ chức hoạt động nhận thức trong môn toán cho học sinh lớp 1 đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.	2020	
15	Hình thành kỹ năng tự thoát hiểm cho học sinh tiểu học.	2020	
16	Vận dụng mô hình dạy học STEM trong môn Khoa học cho học sinh tiểu học	2020	

17	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua bài giảng E-learning trong phân môn Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5.	2020	
18	Phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh trong dạy học Tập đọc ở tiểu học	2020	
19	Nâng cao năng lực học kể chuyện cho học sinh lớp 3.	2020	
20	Phát triển kỹ năng hội thoại cho học sinh lớp 2 thông qua phân môn Tập làm văn.	2020	
21	Thiết kế chủ đề Giáo dục STEM: “Sử dụng năng lượng tự nhiên để tiết kiệm điện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho học sinh tiểu học	2021	K18
22	Phát triển năng lực nhận thức của học sinh thông qua dạy học tìm tòi khám phá môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.	2021	
23	Thiết kế, mô phỏng mô hình xe thông minh và bài giảng điều khiển bằng Smartphon hỗ trợ dạy và học ở tiểu học	2021	
24	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong môn khoa học ở tiểu học theo CTGDPT 2018	2021	
25	Nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt lớp 3	2021	
26	Nâng cao năng lực dạy học tập đọc môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình GDPT 2018	2021	
27	Thiết kế hoạt động DH toán thông qua trò chơi học tập cho HS lớp 1 đáp ứng CTGDPT 2018	2021	
28	Phát triển năng lực đọc sáng tạo cho học sinh lớp 5 thông qua phân môn Tập đọc.	2021	
29	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học khai thác các bài toán thực tế.	2021	
30	Vận dụng công nghệ thông tin thiết kế một số hoạt động dạy học Toán lớp 1 theo CTGDPT năm 2018	2021	

Nhìn chung, các chủ đề nghiên cứu của SV đều xuất phát từ nhu cầu học tập và thực tiễn ngành học của SV, trong đó nhiều đề tài có tính ứng dụng thực tiễn theo định hướng chuyên ngành **[H10.10.04.14]**. Qua đó, SV không những có cơ hội áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn mà còn phát triển kỹ năng nghề và một số kỹ năng cần thiết cho học tập suốt đời như: tư duy độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, viết báo cáo khoa học, thuyết trình, giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ, làm việc nhóm cũng như thái độ trách nhiệm, trung thực, đương đầu với khó khăn.

2. Điểm mạnh

- Các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV;

- Khoa tổ chức nhiều Hội nghị, Hội thảo các cấp tạo cơ hội tham gia trao đổi kinh nghiệm, học tập chuyên môn học thuật ở GV và SV với các chuyên gia quốc tế và trong nước.

3. Điểm tồn tại

Chưa có bộ phận chuyên trách xem xét việc tận dụng tối đa các cơ hội hợp tác với doanh nghiệp để tăng cường kinh phí hỗ trợ và thương mại hóa sản phẩm, nhằm thúc đẩy nghiên cứu hiệu quả và đồng bộ hơn trong GV và SV, đặc biệt là các đề tài được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần có bộ phận chuyên trách xem xét việc tận dụng tối đa các cơ hội hợp tác với doanh nghiệp để tăng cường kinh phí hỗ trợ và thương mại hóa sản phẩm, nhằm thúc đẩy nghiên cứu hiệu quả và đồng bộ hơn trong GV và SV.	Phòng KH&HTQT Khoa GDTH	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy hoạt động của nhóm nghiên cứu giảng dạy và khuyến khích SV tham gia NCKH.	Phòng KH&HTQT Khoa GDTH	Hàng năm
		Phát huy các chính sách khuyến khích GV và SV NCKH; Phát triển chủ đề NCKH, từ đó mở rộng quy mô áp dụng các kết quả NCKH vào quá trình dạy và học.	Phòng KH&HTQT Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ. Trong những năm gần đây, dựa trên tiêu chuẩn ISO, Nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích như trang bị thêm nhiều tư liệu từ điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học tập online **[H10.10.05.01], [H10.10.05.02]**. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của CSVC tại Trường, biên bản đối thoại SV hàng năm cho thấy mức độ hài lòng của SV được nâng lên; có nhiều các góp ý về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, ví dụ cải thiện sân bóng sinh viên, nhà vệ sinh, các bậc lên xuống cho người khuyết tật tại các toà nhà, dịch vụ wifi miễn phí trong trường, đầu tư xây dựng phòng tham vấn tâm lý, trang bị thêm nhiều tư liệu điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học tập online... **[H10.10.05.03], [H10.10.05.04]**.

Nhà trường luôn nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy dựa trên kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ thực hành thí nghiệm, đầu tư máy móc phục vụ thực hành giảng dạy hay không gian tự học. Tất cả kế hoạch đều thực hiện theo quy trình hợp lý vận dụng linh hoạt theo từng thời điểm và luôn hỗ trợ kịp thời cho hoạt động dạy và học của GV và SV. Nhà trường thực hiện duy trì cơ sở vật chất bằng việc kiểm tra và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc trước khi mỗi học kỳ bắt đầu **[H10.10.05.05], [H10.10.05.06]**. Tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.07]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường có kế hoạch đầu tư hàng năm bằng nguồn kinh phí chủ động của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ **[H10.10.05.08]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các CB phụ trách đề nghị Phòng CSVC kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời **[H10.10.05.09]**.

Tại Thư viện, tài liệu học tập luôn được đánh giá và bổ sung **[H10.10.05.10]**. Hàng năm, thư viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu dựa trên cơ sở đề xuất của các Khoa chuyên môn, đặc biệt là các tài liệu đã được số hoá, từ đó xây dựng nguồn dữ liệu đa dạng cho người học **[H10.10.05.11]**.

Năm 2020, Nhà trường cải tạo, nâng cấp Thư viện hiện tại sang Thư viện số, hiện đại trên cơ sở nguồn kinh phí của Trường và của Chương trình ETEP **[H10.10.05.12]**. Sau khi nâng cấp, Thư viện sẽ là điểm đến hấp dẫn và hiệu quả đối với sinh viên và GV của Trường.

Ngoài ra, Trường còn khu tự học với không gian thoáng mát tạo thuận lợi cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu **[H10.10.05.13]**.

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm đặc biệt. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế cũng được thống kê hàng năm lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng **[H10.10.05.14]**.

Về phía Khoa GDTH, các hoạt động phối hợp cùng với Nhà trường để nâng cao chất lượng CSVC và dịch vụ hỗ trợ cũng đã được triển khai có hiệu quả. Khoa đã xây dựng phòng đọc sách chuyên đề và tự học với hàng trăm KLTH, luận văn thạc sĩ, và các đề tài NCKH, cũng như trang bị internet để người học và GV có thể tham khảo bất cứ lúc nào có nhu cầu **[H10.10.05.15]**.

Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường cũng có kế hoạch và đã tiến hành khảo sát CB, GV và SV về mức độ đáp ứng của CSVC và các dịch vụ hỗ trợ **[H10.10.05.16]**. Căn cứ trên các kết quả trên, Nhà trường tiến hành phân tích hiện trạng và khả năng đáp ứng nhu cầu của CSVC và dịch vụ hỗ trợ đối với các hoạt động đào tạo **[H10.10.05.17]**. Từ đó, Nhà trường vạch ra các giải pháp và tiến hành cải tiến trong khả năng hiện có, đồng thời đề xuất lên các cấp cao hơn (ĐHĐN, Bộ Giáo dục và Đào tạo) để được hỗ trợ tài chính **[H10.10.05.18]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã chú trọng đến việc lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm và các dịch vụ hỗ trợ khác;
- Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phòng rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho SV Khoa GDTH. Chưa định kì thực hiện khảo sát ý kiến CB, GV về môi trường làm việc bằng phiếu khảo sát định kì gồm nhiều nội dung hơn ngoài CSVC, bao gồm các câu hỏi mở và tăng cường thêm nhiều kênh khảo sát trực tiếp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần cải tiến các trang thiết bị, CSVC; bố trí phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV của Khoa; nên có lộ trình định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến của CB GV về môi trường làm việc.	Phòng CSVC Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2022 -2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.	Phòng CSVC Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục khai thác các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.	Phòng CSVC Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cấu trúc một cách hệ thống và phân quyền phù hợp theo quy định chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận, Phòng KT&ĐBCLGD, Trường ĐHSP-ĐHĐN là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan **[H10.10.06.01], [H10.10.06.02]**. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, Khảo sát sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về khóa học 2019. Các thông tin phản hồi sẽ được xử lý và gửi báo cáo cho Nhà trường, khoa đào tạo **[H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.01], [H10.10.06.01]**. Những quy trình, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan được xây dựng một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống.

Nhà trường ban hành những quy trình, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống. Trường đã xây dựng công cụ thu thập thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng của ĐT, NCKH... được thiết kế khoa học; có phần mềm nhập liệu, xử lý và phân tích kết quả khảo sát **[H10.10.06.07]**. Với cơ chế thu thập thông tin phản

hỏi như: khảo sát, bảng hỏi, đối thoại,... thường được sử dụng để thu thập ý kiến phản hồi và các góp ý từ SV về hoạt động giảng dạy được tổng hợp và làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc phát triển đội ngũ GV cũng như cải tiến phương pháp giảng dạy, hay các hoạt động hỗ trợ giảng dạy.

Hình thức thu thập thông tin phản hồi chủ yếu là phiếu hỏi nhằm thu thập ý kiến phản hồi và các góp ý của SV về hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng dạy học **[H10.10.06.08]**.

Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được rà soát, đánh giá hàng năm hoặc định kì, qua đó Nhà trường và các Bộ phận tham mưu liên quan có cơ sở để đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Trong giai đoạn 2012-2017, mặc dù Nhà trường và Khoa đã có nhiều nỗ lực trong việc đầu tư nhân lực, vật lực cho việc xây dựng và triển khai các quy trình, công cụ khảo sát ý kiến của các bên liên quan để thu thập thông tin phục vụ cải tiến và phát triển CTĐT định kì, ví dụ như xây dựng quy trình khảo sát theo hệ thống ISO 9001:2008; tuy nhiên, việc triển khai quy trình vẫn chưa đạt hiệu quả, Từ năm 2018, qua kết việc đánh giá hiệu quả khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Nhà trường đã đầu tư và cải tiến công cụ khảo sát bằng cách ứng dụng CNTT vào việc khảo sát qua hệ thống tích hợp đào tạo <https://qlht.ued.udn.vn> và đa dạng các kênh khảo sát **[H10.10.06.09]**. Nội dung khảo sát được cụ thể hóa dưới dạng các câu hỏi và kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng các bảng số liệu thuận tiện cho việc trích xuất và phân tích dữ liệu.

Bảng 10.6.1. Các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

SV	Cựu SV	GV	Nhà tuyển dụng/Chuyên gia
- Phiếu khảo sát (KT&ĐBCLGD) - Hệ thống phản hồi online (KT & ĐBCLGD) - Đối thoại SV (Khoa) - Hợp lớp (GV CN) - Hộp thư góp ý (Khoa/Trường)	- Khảo sát online (KT&ĐBCLGD) - Gặp mặt tại các lễ kỷ niệm thành lập Khoa (Khoa)	- Phiếu khảo sát (KT&ĐBCLGD) - Tiếp CB viên chức (BGH) - Hội nghị CBVC (KĐ&ĐBCLGD)	- Phiếu khảo sát (Khoa) - Phỏng vấn trực tiếp (Khoa)

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành cử nhân GDTH, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình **[H10.10.06.10]**. Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin

chuẩn xác nhất. Định kỳ hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTH thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng hướng dẫn của trường ĐHSP - ĐHĐN. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐHĐN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.11]**.

Việc thu thập thông tin phản hồi từ cơ sở giáo dục là nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT **[H10.10.06.12]**. Các kết quả này được thu nhận và được tổng hợp từ các doanh nghiệp có sử dụng nhân lực của CTĐT cử nhân GDTH và các trường tiểu học có sử dụng nhân sự là cựu SV của CTĐT. Việc khảo sát được thực hiện linh hoạt bằng nhiều phương thức như phỏng vấn thông qua các phiên giao dịch việc làm hay phỏng vấn trực tiếp nhà tuyển dụng. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT cử nhân GDTH. **[H10.10.06.13]**. Thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa GDTH có những điều chỉnh, cải tiến trong việc rà soát CĐR các CTĐT, đổi mới PPDH, kiểm tra, đánh giá. Cụ thể đã điều chỉnh tăng thời lượng thực hành trong các môn học, tăng các giờ hoạt động trải nghiệm thực tế tại các cơ sở kiến tập – thực tập **[H10.10.06.14]**.

Khoa GDTH cũng đã xây dựng mạng lưới các cơ sở thực hành-thực tập ngành GDTH và lấy ý kiến về chất lượng của CTĐT thông qua việc kiến tập, thực tập của SV **[H10.10.06.15], [H10.10.06.16]**.

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện định kỳ, có tính hệ thống;
- Cơ chế phản hồi được đánh giá, phân tích, tổng hợp, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội;
- Quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi có sự thay đổi và điều chỉnh theo từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

- Chưa định kỳ rà soát Phiếu khảo sát học phần để điều chỉnh các câu hỏi bám sát CĐR của CTĐT hoặc bổ sung các CĐR đặc thù của môn học;
- Chưa đánh giá lại hiệu quả của việc bắt buộc thực hiện khảo sát trước khi xem điểm, do tâm lý áp lực xem điểm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	-------------------------	---------------------

1	Khắc phục tồn tại	Nên định kỳ rà soát Phiếu khảo sát học phần để điều chỉnh các câu hỏi bám sát CĐR của CTĐT hoặc bổ sung các CĐR đặc thù của môn học.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
		Nên đánh giá lại hiệu quả của việc bắt buộc thực hiện khảo sát trước khi xem điểm, do tâm lý áp lực xem điểm.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan tiếp tục được thiết lập một cách hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	Khoa GDTH	Hàng năm
		Xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Để đảm bảo chất lượng của CTĐT, Khoa GDTH cũng đã đảm bảo được việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ phát triển chương trình; luôn có những đánh giá, cải tiến trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. Bên cạnh đó còn có những hạn chế trong công tác đảm bảo chất lượng như: Hệ thống khảo sát online cho các đối tượng bên ngoài trường còn chưa linh hoạt; Đối với các môn đặc thù mời thỉnh giảng, GV thỉnh giảng còn gặp hạn chế trong thiết kế và phát triển CTDH; Việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của GV mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa định kỳ tổ chức các seminar về quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học tại Tổ bộ môn; Số lượng bài báo có chỉ số quốc tế nằm trong danh mục ISI và SCOPUS còn chưa nhiều; Trang thiết bị hỗ trợ dạy và học tại một số phòng học đã cũ gây hạn chế cho hoạt động giảng dạy.

Những điểm mạnh và điểm tồn tại trên là cơ sở để Khoa GDTH tiếp tục quan tâm để cải tiến nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của chương trình học, nhu cầu xã hội.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đối với mỗi CTĐT, kết quả đầu ra chính là công cụ để đánh giá chất lượng đào tạo của CTĐT của ngành học. Hệ thống giám sát kết quả đầu ra được xây dựng một cách chi tiết, rõ ràng và công khai cho các bên liên quan về quy trình để làm căn cứ thực hiện. Kết quả đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa bằng tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, hoạt động NCKH của SV và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT, chất lượng đào tạo, CSVC và hệ thống phục vụ học tập cũng như nghiên cứu. Những dữ liệu thu được chính là nguồn thông tin cần thiết nhằm điều chỉnh và phát triển CTĐT theo hướng nâng cao chất lượng và cải tiến chương trình.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả quá trình học tập của SV là một trong những chỉ số quan trọng nhằm đánh giá được hiệu quả và chất lượng đào tạo. Để giám sát quá trình học tập của người học, Khoa GDTH kết hợp với Phòng Đào tạo, Phòng CTSV thống kê và giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên. Nhà trường xây dựng hệ thống quản lý đào tạo thông qua các phần mềm/website quản lý đào tạo, quản lý hệ thống và ban hành quy trình nghỉ học tạm thời, thôi học, học lại của sinh viên, Quy trình quản lý xét KQHT để thu thập cơ sở dữ liệu về sinh viên đang theo học CTĐT [H11.11.0101], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04]. Hằng năm, Trường thống kê số lượng sinh viên nghỉ học, tổng sinh viên toàn khóa, sinh viên tốt nghiệp để xác định tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp theo từng khóa học và làm căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình học tập của sinh viên [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Từ các số liệu này, đặc biệt là tỉ lệ SVTN, thôi học và cảnh cáo học vụ hằng năm, Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn và giảm tỉ lệ thôi học [H11.11.01.09]. Khoa thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên thông qua hệ thống GVCN, cố vấn học tập, trợ lý Khoa và cán bộ Phòng Đào tạo. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng 11.1.1 và bảng 11.1.2 [H11.11.01.07], [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.1. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học

Khóa	Tổng số SV	Sinh viên tốt nghiệp		Sinh viên tốt nghiệp				Thời gian tốt nghiệp	Số lượng SV	Số lượng SV thôi học	
		Số	Tỉ lệ							Năm thôi học	Tổng

	toàn khóa	lượng SV	(%)	3,5 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm	trung bình	chưa tốt nghiệp	1	2	3	4	
2013 - 2017	101	100	99,01	22	77	1	0	3 năm 9 tháng	0	0	1	0	0	1
2014 - 2018	68	68	100	48	16	2	2	3 năm 8 tháng	0	0	0	0	0	0
2015 - 2019	60	60	100	57	3	0	0	3 năm 6 tháng	0	0	0	0	0	0
2016 - 2020	59	58	98,31	53	1	3	1	3 năm 6 tháng	0	0	1	0	0	1
2017 - 2021	43	43	100	38	3	2	0	3 năm 9 tháng	0	0	0	0	0	0
2018 - 2022		Sinh viên còn học chưa tốt nghiệp							0	1	0	0	0	1

* Số liệu tính đến thời điểm tháng 7/2021.

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ sinh viên thôi học và lí do sinh viên thôi học

Lí do thôi học	Số lượng buộc thôi học				
	2013 - 2017	2014 - 2018	2015 - 2019	2016 - 2020	2017 - 2021
Không đăng ký HP	0,99	0	0	0	0
Đăng ký nhưng không học	0	0	0	1,69	0
Cảnh báo học vụ	0	0	0	0	0
Tổng	0,99	0	0	1,69	0

Theo kết quả thống kê bảng 11.1.1, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ khá cao và mang tính chất ổn định. Bảng 11.1.1 cho thấy tỷ lệ sinh viên các khóa ngành GDTH tốt nghiệp đúng thời hạn (từ 3,5 đến 4 năm ra trường) chiếm 96,07%. Số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định chiếm tỷ lệ thấp và giảm dần ở các khóa. Nguyên nhân sinh viên tốt nghiệp chậm phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện CĐR ngoại ngữ - chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh B1, khung Châu Âu), một số sinh viên không tích lũy đủ số tín chỉ **[H11.11.01.06]**.

Bảng 11.1.2 cho thấy tỷ lệ SV thôi học của ngành GDTH hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ chiếm 0-1,69 % (so với tổng số SV của khóa học) **[H11.11.01.08]**.

Có được kết quả này là nhờ Nhà trường đã áp dụng hệ thống đào tạo TC linh hoạt, tăng cường các lớp học kỳ 3 (học kỳ hè) nhằm tạo điều kiện cho SV học vượt, học cải thiện và học lại ngay trong hè thay vì phải chờ hai học kỳ chính thức của năm học **[H11.11.01.10]**. Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp

[H11.11.01.11].

Nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, bên cạnh việc thống kê đối chiếu tỷ lệ SV tốt nghiệp và SV thôi học của các khóa đào tạo thuộc khoa, khoa GDTH cũng đã tiến hành đối sánh với các ngành khác trong trường như ngành GDCT. Kết quả đối sánh được thể hiện qua bảng 11.1.3

Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp của các ngành khác trong Trường DHSP – ĐHĐN

Trình độ	Tên ngành đào tạo	Năm 2013-2017			Năm 2014-2018			Năm 2015-2019			Năm 2016-2020			Năm 2017-2021		
		Tỷ lệ tốt nghiệp		Tỷ lệ Thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp		Tỷ lệ Thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp		Tỷ lệ Thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp		Tỷ lệ Thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp		Tỷ lệ Thôi học
		Đúng hạn	Quá hạn		Đúng hạn	Quá hạn		Đúng hạn	Quá hạn		Đúng hạn	Quá hạn		Đúng hạn	Quá hạn	
Đại học	GDTH	98,02	0,99	0,99	94,12	5,88	0	100	0	0	91,53	6,78	1,69	95,35	4,65	0
	GDCT															
	GCCT															

Khoa GDTH luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua hệ thống Cố vấn học tập, Bộ môn, Trợ lý giáo vụ và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi SV gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng **[H11.11.01.09]**, **[H11.11.01.12]**. Ban chủ nhiệm Khoa có các buổi tổ chức Đối thoại sinh viên hàng kỳ **[H11.11.01.13]**. Nhìn chung, SV thôi học tại khoa có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn, SV có những định hướng học tập khác. Những SVTN trẻ là do thiếu chứng chỉ chưa đạt CĐR ngoại ngữ, tin học **[H11.11.01.06]**. Để khắc phục nguyên nhân tốt nghiệp trễ do SV chưa đạt được CĐR ngoại ngữ, Trường DHSP - ĐHĐN đã tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh tăng cường theo nguyện vọng của SV với tần suất 3 lần mỗi năm để chuẩn bị cho kỳ thi sát hạch CĐR ngoại ngữ **[H11.11.01.14]**.

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý học tập của sinh viên **[H11.11.01.15]**. Mỗi SV có một tài khoản riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo do Nhà trường hoặc phòng CTSV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập. Sau mỗi học kỳ Nhà trường đều thực hiện rà soát tình hình học tập của SV và lập danh sách SV thôi học.

Khoa GDTH đã tổ chức đa dạng hoạt động chào đón tân SV và định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm rõ CĐR của CTĐT, quy chế đào tạo CTĐT, cơ hội việc làm **[H11.11.01.16]**. Từ đó SV nắm được tổng thể chương trình đang theo học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Để giảm thiểu tỉ lệ thôi học của SV, Khoa đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ các tình hình học tập, tư

tương; liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, đoàn, hội SV thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để sinh viên nâng cao kết quả học tập, rèn luyện [H11.11.01.17].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học cùng nguyên nhân và tỉ lệ SVTN;

- CVHT duy trì cơ chế sinh hoạt lớp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với Nhà trường;

- SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần quan tâm hơn đến công tác thống kê, đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành Giáo dục Tiểu học với SV các ngành đào tạo khác của Trường với SV cùng ngành của các trường đại học trong nước. Cần khai thác hiệu quả số liệu thống kê tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp trong tổ chức đào tạo như điều chỉnh kế hoạch đào tạo, đổi mới PPDG, hun đúc lòng yêu ngành yêu nghề và đam mê học tập trong SV...	Phòng ĐT Khoa GDTH	Từ năm học 2022 - 2023

2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án điều chỉnh giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp của người học.	Phòng ĐT Phòng CTSV Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý học tập và hệ thống CVHT	Khoa GDTH Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Để tốt nghiệp, SV phải có điểm trung bình chung tích lũy từ đầu khóa học không dưới 2,0 và tích lũy đủ 135 TC (áp dụng từ khóa tuyển sinh 2016) hoặc 130 TC (áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019) **[H11.11.02.01]**. Nhà trường có bộ phận để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học hoặc nhiều khóa học trong cùng CTĐT. Thời gian tốt nghiệp trung bình, kết quả học tập trong từng học kỳ được Phòng Đào tạo, Phòng CTSV và cố vấn học tập của Khoa GDTH giám sát **[H11.11.02.02]**. Cố vấn học tập đôn đốc, tư vấn để sinh viên cải thiện KQHT và tốt nghiệp đúng thời hạn **[H11.11.02.03]**. Bên cạnh đó, để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT **[H11.11.01.04]**. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H11.11.02.04]**.

Thời gian học tại Nhà trường của SV được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2006, Khoa GDTH bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính qui theo tín chỉ **[H11.11.02.01]**. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3,5 năm **[H11.11.02.05]**. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có hơn 99 % SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng GDTH **[H11.11.02.06]**.

Bảng 11.2.1. Thống kê thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành GDTH

Khóa	Tổng số SV	Số lượng SV	Số lượng SV thôi	Sinh viên tốt nghiệp			
				3,5 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm

	toàn khóa	năm cuối	học	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %
2013 - 2017	101	100	1	22	21,78	77	76,24	1	0,99	0	0
2014 - 2018	68	68	0	48	70,59	16	23,53	2	2,94	2	2,94
2015 - 2019	60	60	0	57	95	3	5	0	0	0	0
2016 - 2020	59	58	1	53	89,93	1	1,70	3	5,08	1	1,70
2017 - 2021	43	43	0	38	88,37	3	6,98	2	4,65	0	0

Qua bảng số liệu cho thấy, đa số SV của Khoa GDTH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.07]**.

Bảng 11.2.2. Thời gian đào tạo các chương trình trong Trường

Trình độ đào tạo	Khối ngành đào tạo	Thời gian đào tạo thiết kế	Thời gian học tập tối đa
Đại học chính quy	Khối Sư phạm	3.5 - 4 năm	6 năm
	Khối Cử nhân	4 năm	6 năm

Hàng năm, Nhà trường và Khoa GDTH đều tổ chức tổng kết/đánh giá KQHT, rèn luyện của SV để kịp thời đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp cũng như phát huy những điểm mạnh trong đào tạo **[H11.11.02.08]**. Vào đầu mỗi năm học, các lớp đều tổ chức đại hội lớp - chi đoàn - chi hội. Thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm học, các ý kiến tham luận, các cố vấn học tập đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH **[H11.11.02.09]**. Căn cứ tình hình học tập của từng SV, CVHT và giáo vụ Khoa tư vấn đăng ký TC phù hợp và định hướng kế hoạch cho từng SV, đặc biệt là những SV bị cảnh báo học vụ **[H11.11.02.10]**. Bên cạnh hai học kỳ chính, SV có học kỳ hè để học cải thiện, học lại hoặc học vượt và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo có những cảnh báo học vụ sớm giúp SV tự xây dựng kế hoạch học tập riêng cho từng cá nhân **[H11.11.02.11]**. Bên cạnh đó, tỷ lệ SVTN trễ hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại. Một số nguyên nhân khiến SVTN không đúng hạn có thể kể đến như: SV chưa tích lũy đủ CDR về tin học hay ngoại ngữ và một số SV còn có hoàn cảnh khó khăn **[H11.11.02.12]**. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SVTN trễ hạn, Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các HP, nâng cao tỉ lệ SV thi đạt và tỉ lệ SV đạt điểm khá, giỏi. Sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành đánh giá tình hình tốt nghiệp của NH, trong đó có đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ở các CTĐT. Việc

đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của NH toàn trường và NH ở các ngành đào tạo khác nhau cũng được xác lập để làm căn cứ đề xuất các điều chỉnh nhằm mục đích cải tiến chất lượng đào tạo, đảm bảo NH tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.13]**.

Ngoài những giải pháp đã được đưa ra, Nhà trường và Khoa còn cải tiến: 1) điều chỉnh kế hoạch học tập để phù hợp cho người học; 2) bổ sung các ngoại ngữ có bậc tương đương làm chuẩn đầu ra. Các biện pháp này hằng năm đều được tổng kết, đánh giá hiệu quả **[H11.11.02.14]**.

Kết quả cho thấy, cũng đã có những biến chuyển và giúp người học linh hoạt, chủ động hơn cho việc tốt nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn bộ phận sinh viên chưa tốt nghiệp đúng thời hạn. Tại Hội nghị cố vấn học tập, cuộc họp xét học vụ đã được bàn luận và đánh giá và có các biện pháp mạnh cho việc cải tiến chất lượng học tập của sinh viên **[H11.11.02.15]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của SV;

- Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV đảm bảo tiến độ học tập;

- Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý giáo vụ, Cố vấn học tập để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chấm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các CTĐT hệ đại học chính qui.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. - Định kì hàng năm, Phòng ĐT thống kê, tính toán cung cấp kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV giữa các ngành đào tạo trong Trường để	Phòng Đào tạo	Từ năm học 2022-2023

		gửi đến các đơn vị đào tạo làm căn cứ để xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng.		
2	Phát huy điểm mạnh	Phân tích dữ liệu khi xử lý học vụ làm căn cứ để có biện pháp hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả	Phòng ĐT Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập cùng với các CVHT có định hướng và hỗ trợ SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập	Phòng ĐT Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ SV có việc làm là một yếu tố quan trọng để đo và đánh giá chất lượng của CTĐT. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT.

Hàng năm, Nhà trường khảo sát SV sau tốt nghiệp để đánh giá tình hình việc làm, thu nhập trung bình của SV sau tốt nghiệp cùng với đánh giá của SVTN về CTĐT, sự phù hợp của nội dung CTĐT với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc mà SV đang đảm nhận. Việc khảo sát tình hình việc làm của SV được tiến hành vào các thời điểm 12 tháng sau tốt nghiệp khảo sát được thực hiện bởi Phòng KT&ĐBCLGD [H11.11.03.01], [H11.11.03.02]. Đây chính là cơ sở để phục vụ cho công tác điều chỉnh CĐR, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT HP, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả HP.

Tỷ lệ người học thuộc ngành GDTH có việc làm sau tốt nghiệp qua các năm được xác lập làm căn cứ để đánh giá về chất lượng SVTN, sự phù hợp của CTĐT với yêu cầu các vị trí công việc mà SV đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.02].

Qua số liệu khảo sát, sinh viên tốt nghiệp ngành GDTH được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, một số sinh viên mới ra trường còn thiếu các kỹ năng mềm, một số ít hạn chế khả năng ngoại ngữ, một số sinh viên sau khi thực tập tốt nghiệp đã được các nhà tuyển dụng nơi các em đến thực tập nhận vào làm việc [H11.11.03.03]. Đây chính là cơ sở để phục vụ cho công tác điều chỉnh CĐR, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm

tra đánh giá kết quả học phần. Kết quả này đã giúp Khoa có cơ sở để rà soát và cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp qua các năm được xác lập làm căn cứ để đánh giá về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với yêu cầu các vị trí công việc mà sinh viên đảm nhận sau khi tốt nghiệp ở nhiều môi trường làm việc khác nhau. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với những kiến thức mà sinh viên được đào tạo từ trong Nhà trường.

Bên cạnh đó, Trường thành lập Ban Liên lạc cựu sinh viên nhằm tạo điều kiện cho SV cơ hội giao lưu, học hỏi và trao đổi chuyên môn với các anh chị đã đi trước nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm cho bản thân **[H11.11.03.04]**.

Tỷ lệ SV ra trường có việc làm ngành GD tiểu học của Trường ĐHSP được đối sánh với các CSGD Đại học khác làm cơ sở đánh giá hiệu quả đào tạo. Kết quả cho thấy tỷ lệ SVTN ngành GDTH của trường ĐHSP tương đương với các CSGD khác **[H11.11.03.05]**.

2. Điểm mạnh

- Đa phần SVTN có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng;

- Khoa và Trường đã tiến hành khảo sát đối với SV sau khi tốt nghiệp về tình trạng việc làm, từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo;

- Khoa đã có các mối quan hệ với các đơn vị, trung tâm, doanh nghiệp (chủ yếu tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên) trong hợp tác đào tạo, gửi SV thực tập và tuyển dụng trực tiếp với SV năm cuối. Đây chính là cầu nối giúp nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh với SV các ngành đào tạo khác trong Trường mới chỉ dừng lại ở tỉ lệ SV có việc làm, chưa đối sánh tỉ lệ làm việc đúng ngành đào tạo, chưa đối sánh tỉ lệ tự tạo việc làm, chưa thường xuyên khảo sát và đối sánh thu nhập bình quân.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục khảo sát sự hài lòng của các BLQ như nhà sử dụng lao động, GV, cựu SV về chất lượng SV theo từng khóa tốt nghiệp; - Khoa cần xây dựng giải pháp hữu hiệu hơn để nâng cao tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành và	Khoa GDTH Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2021-2022

		có việc làm với mức thu nhập bình quân cao.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường liên kết với các cơ sở tuyển dụng để tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp	Khoa GDTH	Hàng năm
		Xây dựng khung năng lực (CDR) phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay	Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của các kênh khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp hằng năm.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho người học; có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, có quy định về NCKH sinh viên cũng như nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học. Trường đã có những quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, động viên, khuyến khích SV tham gia và có thành tích cao trong hoạt động NCKH. **[H11.11.04.01]**. Hoạt động NCKH của SV được hướng dẫn chi tiết trong các văn bản qui định do Bộ GD&ĐT và Nhà trường ban hành **[H11.11.04.02]**. Hoạt động này được tổ chức và quản lý bởi phòng Khoa học & HTQT kết hợp với CB chuyên trách của Khoa **[H11.11.04.03]**.

Để trang bị kỹ năng NCKH cho SV, từ những học kỳ đầu trong CTĐT, người học đã được tham gia học phần về phương pháp luận NCKH, các học phần chuyên ngành cũng góp phần thúc đẩy SV NCKH bằng các áp dụng các phương pháp đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận, đồ án với yêu cầu thực hiện một hay một phần của nghiên cứu giúp người hình thành và rèn luyện kỹ năng NCKH **[H11.11.04.04]**. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, SV của Khoa được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong Khoa. Ngoài ra, chương trình còn phân công cho 01 GV trực tiếp phụ trách công tác này, có nhiệm vụ quản lý, theo dõi hồ sơ NCKH của sinh viên cũng như quản lý, hỗ trợ quá trình nghiên cứu của người học **[H11.11.04.05]**.

Hàng năm, SV ngành GD tiểu học có cơ hội tham gia vào hoạt động NCKH dưới hình thức các đề tài tham gia hội nghị NCKH SV các cấp, khóa luận tốt nghiệp. Số

lượng đề tài SV NCKH hàng năm đều từ 10 đề tài trở lên, mỗi nhóm SV NCKH gồm từ 2 – 3 SV. SV Khoa GD tiểu học tích cực tham gia NCKH, gồm 126 em đã tham gia từ năm 2016 – 2021, các em được tham gia NCKH theo các hướng đề tài về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục nhằm phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy sau này. Thông qua các Hội nghị SV NCKH cấp Khoa hàng năm đã chọn ra một đề tài xuất sắc nhất để tham gia Hội nghị SVNCKH cấp Trường, Giải thưởng khoa học Eureka, Giải thưởng KOVA [H11.11.04.06]. Bắt đầu từ năm hai với sự hỗ trợ của GV, SV đã có thể tham gia NCKH. Ngoài ra, SV năm cuối đủ điều kiện sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp [H11.11.04.07].

Theo định kỳ hằng năm, Khoa tổ chức các Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học để sinh viên báo cáo kết quả các công trình nghiên cứu [H11.11.04.08]. Thông qua đó, Khoa tìm ra những SV nghiên cứu khoa học xuất sắc tham gia hội nghị khoa học cấp Trường và cấp quốc gia. Trong 5 năm qua, Khoa có 126 SV tham gia NCKH và đã đạt được một số thành tựu về NCKH tiêu biểu năm học 2017-2018, một đề tài NCKH của sinh viên đạt giải cấp trường và một đề tài NCKH của sinh viên đạt giải cấp thành phố, năm 2018-2019, một đề tài NCKH của sinh viên đạt giải cấp thành phố và một đề tài đạt giải thưởng KOVA [H11.11.04.09].

Bảng 11.4.1. Thống kê hoạt động NCKH của SV
ngành Giáo dục Tiểu học từ 2016 đến 2021

Năm học	SV thực hiện KLTN		Hội nghị SV NCKH				THAM GIA CÁC GIẢI THƯỞNG NCKH KHÁC	Bài báo	
	Số SV	Tỉ lệ %	Cấp khoa	Cấp trường	Cấp thành phố	Cấp quốc gia		Trong nước	Quốc tế
2016-2017	31	31	11	1	0	0	0	0	0
2017-2018	27	39,71	15	1	0	0	0	0	0
2018-2019	17	28,33	10	1	0	0	1 (Giải thưởng KOVA)	0	0
2019-2020	18	31,03	10	1	0	0	0	0	0
2020-2021	8	18,61	10	1	0	0	0	0	0

Kết quả hoạt động nghiên cứu của SV hàng năm là một trong những cơ sở để Khoa đánh giá các danh hiệu của sinh viên nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia hoạt động NCKH.

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV, Khoa đã sử dụng phòng chuyên đề để lưu trữ các khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sỹ và một số tài liệu tham khảo. Khoa cũng tăng cường liên kết với một số trường đại học ở nước ngoài: Đại học Shokei Gakuin - Nhật Bản 6/7/2018 với bản cam kết khuyến khích các hoạt động: trao đổi sinh viên; trao đổi GV và nhà nghiên cứu; hợp tác trong nghiên cứu và giáo dục;

trao đổi thông tin, các ấn phẩm và tài liệu phục vụ cho mục đích học thuật.... Bản ghi nhớ có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký kết. Vào 12/02/2020, trong khuôn khổ hợp tác giữa trường ĐHSP - ĐH ĐN với trường Odisee University College, Vương quốc Bỉ, trường ĐH SP- ĐHĐN tiếp nhận 2 SV từ trường Odisee University College đến học tập tại trường ĐHSP và thực tập, trao đổi chuyên môn tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng [H11.11.04.10].

Khoa cũng thành lập các nhóm nghiên cứu – giảng dạy để định hướng, hỗ trợ cho SV NCKH [H11.11.04.11]. Nhờ đó, những năm gần đây, một số kết quả nghiên cứu của SV đã gặt hái được những thành tích trong các cuộc thi NCKH [H11.11.04.12]. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức Hội nghị NCKH SV nhằm chia sẻ những kết quả nghiên cứu đến với rộng rãi SV [H11.11.01.13].

2. Điểm mạnh

- Các giảng viên trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động thực hành nghề nghiệp, có văn bản hướng dẫn, qui định SV NCKH... Do đó, đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV nghiên cứu, thực hành;

- Các đề tài NCKH của SV có tính ứng dụng thực tiễn cao và phù hợp với thực tiễn;

- Khoa luôn khuyến khích sinh viên, liên chi đoàn đã tổ chức các diễn đàn chia sẻ các buổi NCKH, tọa đàm với cựu sinh viên chia sẻ kinh nghiệm làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập sư phạm.

3. Điểm tồn tại

- Qui định về kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV tương đối thấp nên khó khuyến khích SV tham gia NCKH;

- Mặc dù đã có những ký kết hợp tác quốc tế, nhưng việc triển khai hoạt động hợp tác còn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi theo hướng tăng kinh phí chi hỗ trợ SV thực hiện các đề tài NCKH; - Đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV và xem đây là điều kiện quan trọng để phát triển hoạt động NCKH của SV cả về số lượng và chất lượng.	Phòng KHTC Phòng KH & HTQT	Từ năm học 2022-2023

2	Phát huy điểm mạnh	Có các chính sách và chế tài cho SVNCKH ở cấp Khoa	Khoa GDTH	Hàng năm
		Xây dựng các nhóm học tập, NC và phổ biến rộng vào các CLB sinh viên	Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các CLB, các nhóm nghiên cứu.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo quan trọng cho chất lượng đào tạo. Vì thế, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến CTĐT, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng. Với mục tiêu xây dựng và điều chỉnh CTDH theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động, Nhà trường đã xây dựng Quy trình ISO về lấy ý kiến khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được ban hành thực hiện **[H11.11.05.01]**. Để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD và giao nhiệm vụ thực hiện cho bộ phận này **[H11.11.05.02]**. Nhà trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến của các bên liên quan, nội dung lấy ý kiến phản hồi đối với từng đối tượng được khảo sát **[H11.11.05.01]**.

Trước khi tốt nghiệp sinh viên được lấy ý kiến đánh giá về khoá học gồm: mục tiêu, công tác tổ chức quản lý đào tạo; CTĐT; NCKH; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực hóa người học; kết quả đầu ra (kiến thức, kỹ năng, năng lực...); Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo; sự hài lòng của người học **[H11.11.05.01]** **[H11.11.05.03]**. Mục đích của đánh giá chất lượng đào tạo của Trường nhằm cung cấp thông tin hữu ích về thực trạng người học tốt nghiệp ra trường đáp ứng như thế nào so với mục tiêu đào tạo, so với CĐR. Đồng thời thu thập những ý kiến nhận xét, góp ý cho CTĐT để Nhà trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động **[H11.11.05.04]**, **[H11.11.05.05]**, **[H11.11.05.06]**.

Hàng năm, khoa tổ chức hội nghị viên chức và thực hiện đánh giá mức độ hài lòng đối với các hoạt động của Khoa và nhà trường **[H11.11.05.07]**. Nhà trường tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức toàn trường lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; góp ý cho các hoạt động của Nhà

trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo [H11.11.05.08] [H11.11.05.09]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCLGD còn lấy phiếu khảo sát của sinh viên về mức độ hài lòng đối với giảng viên sau khi kết thúc học phần. Sau khi khảo sát, Phòng KT&ĐBCLGD xử lý số liệu, trích xuất kết quả sinh viên đánh giá giảng viên và gửi báo cáo về cho Ban Giám hiệu Nhà trường [H11.11.05.10]. Tất cả các kết quả thu được từ việc lấy ý kiến phản hồi đều được Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp, viết báo cáo gửi về cho Ban Giám hiệu nhà trường và gửi phản hồi cho khoa, từ đó Nhà trường cũng như Khoa có cơ chế giám sát và sử dụng các thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan đến CTĐT. Khoa GDTH triển khai lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng cũng như cựu sinh viên. Cựu sinh viên của Khoa đánh giá khá cao chất lượng đào tạo và năng lực chuyên môn của sinh viên ngành GDTH hầu hết các ý kiến cho rằng mục tiêu của CTĐT được phát biểu rõ ràng, hài lòng với công tác phục vụ đào tạo và sự hữu ích của CTĐT. Khoa đã sử dụng kênh thông tin này thành một trong các tiêu chí để cải tiến CTĐT cho từng năm. Các ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh CTĐT cử nhân sư phạm GDTH cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của sinh viên ngành GDTH, đa số các nhà sử dụng lao động hài lòng, đánh giá cao CTĐT phù hợp với CĐR và nhu cầu sử dụng lao động hiện nay [H11.11.05.11].

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Trường được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của Trường đáp ứng nhu cầu của người học. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDTH được các bên liên quan đánh giá cao. CTĐT có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho sinh viên có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ mà sinh viên được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động hiện nay theo các đánh giá của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Một số khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên. Nhà trường chưa tổng kết đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp khảo sát cũng như kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Định kì tổ chức tổng kết đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của kết quả khảo sát sự hài lòng của các BLQ. - Sau mỗi năm học cần tổng kết đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải tiến chất lượng đã thực hiện.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Từ năm học 2021-2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chương trình ĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan.	Khoa GDTH	Hàng năm
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra của CTĐT cho thấy đã có những cải tiến, những điểm mạnh – đó là đảm bảo CĐR, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng, tỉ lệ sinh viên có việc làm đảm bảo. Bên cạnh những điểm mạnh, ở tiêu chuẩn này còn có những điểm tồn tại như kĩ năng mềm, khả năng ngoại ngữ của sinh viên cần cải thiện hơn nữa, việc lấy ý kiến các đơn vị tuyển dụng bao quát hơn các lĩnh vực công việc của sinh viên, lấy ý kiến phản hồi của SV nhiều hơn trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực NCKH... Đây là cơ sở cho Khoa tiếp tục có những cải tiến trong thời gian đến để kết quả đầu ra đáp ứng hơn nữa với CĐR của CTĐT và các đơn vị tuyển dụng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11: 4/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau quá trình tự đánh giá nội bộ CTĐT cử nhân ngành GDTH theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Khoa GDTH và Trường ĐHSP - ĐHĐN rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT GDTH

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT

- Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với MT GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học và sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN;

- CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, gắn liền với MT CTĐT và thường xuyên được cập nhật dựa vào nhu cầu xã hội, việc làm; qua đó, giúp người học có cơ hội việc

làm đa dạng và đặc biệt là có tinh thần khởi nghiệp.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

- Bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ, cụ thể và hệ thống hóa (thông qua các ma trận) các thông tin cần thiết để các bên liên quan dễ dàng hiểu rõ về CTĐT; bản mô tả CTĐT cũng đã được cập nhật thường xuyên, kịp thời thông qua quá trình rà soát và phát triển CTĐT của Nhà trường;

- Đề cương các HP trong CTĐT gắn liền với CĐR CTĐT, cũng như được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và rõ ràng để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa;

- Bản mô tả CTĐT GDTH và ĐCHP đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, và các đối tượng liên quan có thể dễ dàng tiếp cận được.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

- CTDH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của CTĐT, đặc biệt trong đó tổng số tín chỉ thực hành chiếm 40% giúp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp;

- Các HP trong các khối kiến thức đều có sự gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR; mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng và được cụ thể hóa đến từng PI;

- CTDH được cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần đảm bảo cho SV có khả năng tiếp nhận những kiến thức mới và cần thiết nhằm giúp SV đạt được CĐR.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Mục tiêu của CTĐT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới SV, GV, cộng đồng và xã hội;

- Các hoạt động dạy và học thực hiện theo đúng triết lý giáo dục của Nhà trường, của Khoa giúp sinh viên đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong NCKH, phát triển nghề nghiệp;

- Các hoạt động dạy và học đã đáp ứng tốt CĐR;

- Các hoạt động dạy và học thông qua thực hành, trải nghiệm đã được sử dụng tích cực, góp phần nâng cao khả năng đạt được CĐR CTĐT;

- Các hoạt động dạy và học có hình thức đa dạng tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Hình thức và nội dung đánh giá KQHT của người học được thể hiện rõ trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CĐR của học phần và CTĐT; Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng.

- Các quy định về đánh giá KQHT của người học được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin;
- Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật, thay đổi các phương pháp KTĐG để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CDR của học phần đối với người học;
- Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CDR CTĐT; việc đánh giá KQHT bằng rubric giúp đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của người học;
- Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn; Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá; các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT; Trường và Khoa đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

- Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ cao, sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đội ngũ GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt;
- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV; tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành;
- Nhà trường và Khoa thực hiện công khai minh bạch các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển GV theo quy định; các ứng viên sau khi tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách phát luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo;
- Hầu hết GV có năng lực ngoại ngữ và NCKH tốt, đạt nhiều thành tựu trong NCKH; Nhà trường và Khoa có nhiều chính sách và cơ chế khuyến khích các GV nâng cao trình độ và năng lực;
- Các loại hình và số lượng nghiên cứu của GV phong phú, có chất lượng, được giám sát kiểm tra; số lượng, chất lượng được nâng cao; số lượng đề tài các cấp, số lượng công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín liên tục tăng lên.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

- Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH; Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên;

- Các nhân viên được tuyển dụng có đủ trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao;

- Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm; các nhân viên của khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Khoa, Trường tổ chức các khóa tập huấn và cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; các khóa tập huấn do Trường tổ chức phù hợp với yêu cầu công việc và hài lòng của người tham dự;

- Khoa Giáo dục Tiểu học đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Chính sách tuyển sinh của Trường/ Khoa đa dạng và được xác định một cách rõ ràng và công bố công khai và dễ tiếp cận; Nhà trường đã kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hằng năm đến các học sinh phổ thông;

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được một số học sinh giỏi đến từ các trường chuyên, những học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi; việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều điểm mạnh khác nhau có thể theo đuổi ngành học; hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh đã đánh giá được điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

- Nhà trường có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác;

- Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học;

- Trường Đại học Sư phạm có cảnh quan hài hòa, cơ sở vật chất hiện đại, có khu học liệu tốt cho sinh viên học tập và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, quạt. Giảng đường rộng rãi, thoáng mát; phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc;

- Trường Đại học Sư phạm có hệ thống thư viện điện tử và thư viện số, người dùng có thể truy cập thông tin một cách dễ dàng và nhanh chóng; ngoài ra, Khoa GDTH có phòng tư liệu riêng với số lượng đầu sách trong phòng tư liệu có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo, phòng tư liệu của Khoa có được bố trí ngay khu nhà A5 nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và sinh viên;

- Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chuyên đề, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và tạp chí khoa học thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu;

- Triển khai và thực hiện tốt các tiêu chuẩn/quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Công tác phòng chống cháy nổ trong Trường được thực hiện tốt.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Thông tin phản hồi từ các bên liên quan luôn được Nhà trường và Khoa xác định là yếu tố quan trọng của đảm bảo chất lượng đào tạo;

- Hệ thống quy trình và các phương thức, hình thức và nội dung thông tin thu thập được cải tiến theo hướng tích cực và đa dạng hóa;

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTDH đã được ban hành với các nội dung hướng dẫn cụ thể và phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT;

- Quá trình triển khai quy trình để rà soát CTDH được tiến hành thường xuyên.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, có việc làm sau khi tốt nghiệp của SV được xác lập và giám sát, đây là cơ sở để cải tiến và đổi mới CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức triển khai bài bản, có sự giám sát chặt chẽ, rất đa dạng về loại hình, thu hút đông đảo sinh viên tham gia nghiên cứu. Qua ý kiến phản hồi của người học, cựu người học, Khoa đã tiến hành đổi mới CTĐT phù hợp với đổi mới giáo dục.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT GDTH

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT

Việc lấy ý kiến về mục tiêu, CDR của CTĐT ở các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các trường tiểu học.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan còn thiếu bài bản, chưa chuyên nghiệp.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Số ý kiến đóng góp cho CTDH của các nhà tuyển dụng còn hạn chế, còn ít học phần hỗ trợ cho tinh thần khởi nghiệp, chưa có học phần được tổ chức dạy và học theo dự án.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số đối tượng như nhà tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường. Mặc dù đã được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động dạy và học, song một số phòng học

hoặc bàn ghế được bố trí chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học theo nhóm. Vẫn còn một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ khả năng tư duy phản biện, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo cho SV

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá các CDR liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa các học phần của CTĐT GDTH. Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nguồn kinh phí cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV còn hạn chế. Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn chưa nhiều. Khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên vẫn còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Tỷ lệ giảng viên có trình độ cao vẫn còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Trường chưa có những phòng chuyên biệt, hiện đại dành riêng cho hoạt động bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

- Từ năm tuyển sinh 2020, Trường ĐHSP đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển thông qua điểm kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TPHCM tổ chức nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

- Trong những năm gần đây, do tình hình Covid nên hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên với các trường trên thế giới bị ảnh hưởng.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Vẫn còn một số tồn tại về cơ sở vật chất và trang thiết bị, Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Một số hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan còn chậm so với kế hoạch và hệ thống khảo sát đôi khi còn bị trục trặc kỹ thuật.

- Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Một bộ phận sinh viên chưa chủ động lập và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến chậm tiến độ tốt nghiệp. Khoa chưa thu thập được nhiều phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH hàng năm.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

- Nhà trường sẽ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV, người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội trong việc bổ sung, điều chỉnh CTDH. Khoa sẽ bổ sung, chỉnh sửa đề

nâng cao tính tích hợp, cập nhật của CTĐT và tiến tới xây dựng, chỉnh sửa CTĐT đáp ứng các yêu cầu liên thông với CTĐT của khu vực và quốc tế;

- Nhà trường sẽ xây dựng quy trình, công cụ lấy ý kiến nhận xét về các nội dung của mục tiêu đào tạo. Lấy ý kiến của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, sinh viên và cựu sinh viên, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với mục tiêu đào tạo. Định kỳ tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về phương pháp dạy học mới cho GV và SV;

- Tiến hành xây dựng kế hoạch và triển khai cải tạo các công trình đã xuống cấp, bổ sung nguồn học liệu cho thư viện;

- Khoa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về CTĐT, cập nhật những nội dung mới, yêu cầu của các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn. Tăng cường công tác truyền thông giới thiệu việc làm cho sinh viên. Khoa tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, nhân viên để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động dạy và học. Khoa tiến hành khảo nhu cầu của thị trường lao động một cách bài bản, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,

Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHSP –ĐHĐN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

Mã CTĐT: 7140202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,0	3	100%
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2					X					
Tiêu chí 1.3					X					
Tiêu chuẩn 2								5,0	3	100%
Tiêu chí 2.1					X					
Tiêu chí 2.2					X					
Tiêu chí 2.3					X					
Tiêu chuẩn 3								5,0	3	100%
Tiêu chí 3.1					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 3.2					X					
Tiêu chí 3.3					X					
Tiêu chuẩn 4								5,0	3	100%
Tiêu chí 4.1					X					
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
Tiêu chuẩn 5								5,0	5	100%
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2					X					
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
Tiêu chuẩn 6								5,0	7	100%
Tiêu chí 6.1					X					
Tiêu chí 6.2					X					
Tiêu chí 6.3					X					
Tiêu chí 6.4					X					
Tiêu chí 6.5					X					
Tiêu chí 6.6					X					
Tiêu chí 6.7					X					
Tiêu chuẩn 7								5,0	5	100%
Tiêu chí 7.1					X					
Tiêu chí 7.2					X					
Tiêu chí 7.3					X					
Tiêu chí 7.4					X					
Tiêu chí 7.5					X					
Tiêu chuẩn 8								5,0	5	100%
Tiêu chí 8.1					X					
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3					X					
Tiêu chí 8.4					X					
Tiêu chí 8.5					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 9								5,0	5	100%
Tiêu chí 9.1					X					
Tiêu chí 9.2					X					
Tiêu chí 9.3					X					
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
Tiêu chuẩn 10								5,0	6	100%
Tiêu chí 10.1					X					
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					
Tiêu chí 10.4					X					
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X					
Tiêu chuẩn 11								5,0	5	100%
Tiêu chí 11.1					X					
Tiêu chí 11.2					X					
Tiêu chí 11.3					X					
Tiêu chí 11.4					X					
Tiêu chí 11.5					X					
Đánh giá chung CTĐT								5,0	50	100%

Phụ lục 6b. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,
Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHSP –ĐHĐN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

Mã CTĐT: 7140202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1			3	100
Tiêu chí 1.1	X			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 1.2	X			
Tiêu chí 1.3	X			
Tiêu chuẩn 2			3	100
Tiêu chí 2.1	X			
Tiêu chí 2.2	X			
Tiêu chí 2.3	X			
Tiêu chuẩn 3			3	100
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chuẩn 4			3	100
Tiêu chí 4.1	X			
Tiêu chí 4.2	X			
Tiêu chí 4.3	X			
Tiêu chuẩn 5			5	100
Tiêu chí 5.1	X			
Tiêu chí 5.2	X			
Tiêu chí 5.3	X			
Tiêu chí 5.4	X			
Tiêu chí 5.5	X			
Tiêu chuẩn 6			6	100
Tiêu chí 6.1	X			
Tiêu chí 6.2	X			
Tiêu chí 6.3	X			
Tiêu chí 6.4	X			
Tiêu chí 6.5	X			
Tiêu chí 6.6	X			
Tiêu chí 6.7	X			
Tiêu chuẩn 7			5	100
Tiêu chí 7.1	X			
Tiêu chí 7.2	X			
Tiêu chí 7.3	X			
Tiêu chí 7.4	X			
Tiêu chí 7.5	X			
Tiêu chuẩn 8			5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 8.1	X			
Tiêu chí 8.2	X			
Tiêu chí 8.3	X			
Tiêu chí 8.4	X			
Tiêu chí 8.5	X			
Tiêu chuẩn 9			5	100
Tiêu chí 9.1	X			
Tiêu chí 9.2	X			
Tiêu chí 9.3	X			
Tiêu chí 9.4	X			
Tiêu chí 9.5	X			
Tiêu chuẩn 10			6	100
Tiêu chí 10.1	X			
Tiêu chí 10.2	X			
Tiêu chí 10.3	X			
Tiêu chí 10.4	X			
Tiêu chí 10.5	X			
Tiêu chí 10.6	X			
Tiêu chuẩn 11			5	100
Tiêu chí 11.1	X			
Tiêu chí 11.2	X			
Tiêu chí 11.3	X			
Tiêu chí 11.4	X			
Tiêu chí 11.5	X			
Đánh giá chung CTĐT			50	100

Ghi chú:

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Đà Nẵng, ngày..... tháng 10 năm 2021.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7): Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT với các nội dung sau:

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sư phạm - ĐHQN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

Mã CTĐT: 7140202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,0	3	100%
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2					X					
Tiêu chí 1.3					X					
Tiêu chuẩn 2								5,0	3	100%
Tiêu chí 2.1					X					
Tiêu chí 2.2					X					
Tiêu chí 2.3					X					
Tiêu chuẩn 3								5,0	3	100%
Tiêu chí 3.1					X					
Tiêu chí 3.2					X					
Tiêu chí 3.3					X					
Tiêu chuẩn 4								5,0	3	100%
Tiêu chí 4.1					X					
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
Tiêu chuẩn 5								5,0	5	100%
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2					X					
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6								5,0	7	100%
Tiêu chí 6.1					X					
Tiêu chí 6.2					X					
Tiêu chí 6.3					X					
Tiêu chí 6.4					X					
Tiêu chí 6.5					X					
Tiêu chí 6.6					X					
Tiêu chí 6.7					X					
Tiêu chuẩn 7								5,0	5	100%
Tiêu chí 7.1					X					
Tiêu chí 7.2					X					
Tiêu chí 7.3					X					
Tiêu chí 7.4					X					
Tiêu chí 7.5					X					
Tiêu chuẩn 8								5,0	5	100%
Tiêu chí 8.1					X					
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3					X					
Tiêu chí 8.4					X					
Tiêu chí 8.5					X					
Tiêu chuẩn 9								5,0	5	100%
Tiêu chí 9.1					X					
Tiêu chí 9.2					X					
Tiêu chí 9.3					X					
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
Tiêu chuẩn 10								5,0	6	100%
Tiêu chí 10.1					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					
Tiêu chí 10.4					X					
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X					
Tiêu chuẩn 11								5,0	5	100%
Tiêu chí 11.1					X					
Tiêu chí 11.2					X					
Tiêu chí 11.3					X					
Tiêu chí 11.4					X					
Tiêu chí 11.5					X					
Đánh giá chung CTĐT								5,0	50	100%

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Phụ lục 6b. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,
Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHSP –ĐHĐN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

Mã CTĐT: 7140202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>			3	100
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 2</i>			3	100
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 3</i>			3	100
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 4</i>			3	100
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 5</i>			5	100
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>			7	100
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 7</i>			5	100
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			

<i>Tiêu chuẩn 8</i>			5	100
Tiêu chí 8.1	Đ			
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 9</i>			5	100
Tiêu chí 9.1	Đ			
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 10</i>			6	100
Tiêu chí 10.1	Đ			
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 11</i>			5	100
Tiêu chí 11.1	Đ			
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTĐT			50	100,00

Ghi chú:

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

....., ngày..... tháng..... năm 20...
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9 /2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: The University of Danang - University of Science and Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHSP-ĐHĐN

Tiếng Anh: UDN-UED

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Hoà Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0236)3841323; Số fax: (0236)3842953

E-mail: ued@ued.udn.vn;

Website: https://ued.udn.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1994

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1995

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1999

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Giáo dục Tiểu học

Tiếng Anh: Primary Education

13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: GDTH

Tiếng Anh: PE

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7140202

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 459, Tôn Đức Thắng, phường
Hoà Khánh Nam quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

18. Số điện thoại liên hệ: 0236384132 -136; Email:

khoagiaoductieuhocdn@gmail.com; khoagdth@ued.udn.vn

Website: Pri.ued.udn.vn

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2002

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa GDTH, Trường ĐHSP - ĐHĐN được thành lập theo Quyết định số 176/QĐ/TC ngày 16 tháng 5 năm 1996 của Giám đốc ĐHĐN.

Khoa có chức năng đào tạo sau đại học, đại học ngành GDTH hệ chính quy và phi chính quy; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp và bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên cấp Tiểu học. Hiện nay Khoa đang quản lý, đào tạo 2 chuyên ngành, Giáo dục Tiểu học và Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Từ khi thành lập đến nay, khoa đã đào tạo được 19 khóa Đại học với tổng số trên 2000 sinh viên chính quy ngành GDTH; hơn 150 học viên cao học chuyên ngành GDH (GD Tiểu học); hàng ngàn học viên hệ vừa làm vừa học và Bồi dưỡng cho hàng chục ngàn giáo viên tiểu học theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Bồi dưỡng mô đun 1, mô đun 2, mô đun 3, mô đun 4,... đáp ứng CTGDPT 2018 cho hàng ngàn Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán, GV đại trà cấp Tiểu học của TP. Đà Nẵng và 5 tỉnh Tây Nguyên.

Hiện nay, Khoa GDTH có nhiệm vụ quản lý, đào tạo 2 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Giáo dục học (GD Tiểu học), định hướng ứng dụng; Lí luận và PPDH bộ môn Toán, định hướng ứng dụng; 02 ngành đào tạo trình độ cử nhân sư phạm: Giáo dục Tiểu học; Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học.

Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các hệ VLVH: Văn bằng 2 Đại học Tiểu học; Văn bằng 2 SP Tin học và Công nghệ Tiểu học; Trung cấp lên Đại học; Cao đẳng lên đại học; Xây dựng và phát triển các CTĐT trong phạm vi mã ngành thuộc Khoa quản lý.

Khoa GDTH, Trường - ĐHĐN hiện có đội ngũ giảng viên được đào tạo từ các cơ sở giáo dục có uy tín ở Việt Nam như ĐHSP Hà Nội, Đại học Khoa học Huế, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn; đội ngũ giảng viên trong Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo chuyên ngành. Hiện nay đội ngũ giảng viên của Khoa đang tích cực học tập, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và hàng năm tiếp tục được bổ sung thêm các giảng viên mới.

Ngoài ra, Khoa cũng thường xuyên xây dựng các mối quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân, hợp tác chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng, với các trường phổ thông TH trên địa bàn thành phố nhằm tạo mối liên kết trong đào tạo,

bồi dưỡng giáo viên và NCKH; thực hiện các dự án, tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên phổ thông trong khuôn khổ dự án ETEP.

Khoa đã tổ chức triển khai nhiều đề tài NCKH các cấp (cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp Đại học Đà Nẵng, cấp Trường). Khoa cũng đã đầu tư và đẩy mạnh việc viết giáo trình, đề cương bài giảng, bài báo cho các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham luận tại các Hội thảo quốc tế và Quốc gia. Ngoài ra, Khoa còn tập trung bồi dưỡng năng lực NCKH cho GV. Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu giảng dạy và chuẩn bị cho việc hình thành nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường hoạt động NCKH sinh viên.

Trong những năm qua Khoa không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, duy trì và thúc đẩy các mối quan hệ, hợp tác với các trường Đại học trên thế giới.

Mục tiêu của Khoa

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Tầm nhìn của Khoa

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo SDH, ĐH, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Sứ mạng của Khoa

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo SDH, ĐH, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Về đào tạo

- 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Giáo dục học (GD Tiểu học), định hướng ứng dụng; Lí luận và PPDH bộ môn Toán, định hướng ứng dụng.

- 02 ngành đào tạo trình độ cử nhân sư phạm: Giáo dục Tiểu học; Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học.

Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các hệ VLVH: Văn bằng 2 Đại học Tiểu học; Văn bằng 2 SP Tin học và Công nghệ Tiểu học; Trung cấp lên Đại học; Cao đẳng lên đại học; Xây dựng và phát triển các CTĐT trong phạm vi mã ngành thuộc Khoa quản lý.

Về nhân sự

* Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa GDTH hiện có 28 CBVC trong đó 1 PGS, 12TS và 18 ThS (hiện có 8 ThS đang học NCS) là cán bộ cơ hữu; trong đó có 1 Giảng viên cao cấp, 08 giảng viên chính, 27 giảng viên, 01 chuyên viên. Nhiều giảng viên có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ theo chuẩn Châu Âu (B1 và B2), IELTS, cử nhân tiếng Anh, chứng chỉ tin học văn phòng, quản lý hành chính nhà nước và giáo dục...đáp ứng tốt đào tạo chuyên ngành. Ngoài ra với tinh thần sử dụng nguồn lực chung của ĐHĐN, tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên NCKH và Khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

* Cơ cấu tổ chức của Khoa:

- Ban Chủ nhiệm khoa:

+ Trưởng Khoa: TS. Hoàng Nam Hải

+ Phó Trưởng khoa: ThS. Võ Thị Bảy

+ Phó Trưởng khoa: ThS. Trần Thị Kim Cúc

- Các Bộ môn:

+ Bộ môn Toán và PPGD: Trưởng Bộ môn: TS. Hoàng Nam Hải

+ Bộ môn Tiếng Việt và PPGD: P. Trưởng Bộ môn phụ trách: ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga

+ Bộ môn Tự nhiên - Xã hội và PPGD: P. Trưởng Bộ môn phụ trách: ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên

+ Bộ môn Công nghệ và PPGD: Trưởng Bộ môn: TS. Nguyễn Công Thùy Trâm

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914009921	ltrang@ued.udn.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Xuân Bách	1963	PGS.TS, Phó HT	0913419226	txbach@ued.udn.vn

3	Phó Hiệu trưởng	Bùi Bích Hạng	1978	TS, Phó HT	0914089560	bbhanh@ued.udn.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Hoàng Nam Hải	1962	TS, Trưởng Khoa	0983171461	hnhai@ued.udn.vn
2	Phó trưởng khoa	Võ Thị Bảy	1985	Ths, Phó trưởng khoa	0935177887	<u>vtbay@ued.udn.vn</u>
3	Phó trưởng khoa	Trần Thị Kim Cúc	1981	Ths, Phó trưởng khoa	0989072969	<u>ttkcuc@ued.udn.vn</u>
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Đảng ủy	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy	0914009921	ltrang@ued.udn.vn
2	Công đoàn	Huỳnh Bọng	1966	ThS. Chủ tịch CĐ	0913473168	hbong@ued.udn.vn
3	Đoàn TN CS HCM	Nguyễn Viết Hải Hiệp	1990	Bí thư Đoàn TN CS HCM	0935080081	nvhhiiep@ued.udn.vn
4	Hội Sinh viên	Lê Sao Mai	1986	ThS. Chủ tịch hội SV	0905499803	lsmai@ued.udn.vn
5	Hội Cựu chiến binh	Bùi Việt Phú	1959	TS. Chủ tịch CBB	0913439245	bvphu@ued.udn.vn
III. Các phòng, ban						
1	Phòng Tổ chức hành chính	Nguyễn Duy Phương	1985	TS, Trưởng phòng	0942017977	ndphuong@ued.udn.vn

2	Phòng Đào tạo	Phan Đức Tuấn	1976	TS, Trưởng phòng	0916804202	pdtuan@ued.udn.vn
3	Phòng Công tác Sinh viên	Nguyễn Vinh San	1985	ThS, Trưởng phòng	0935292264	nvsan@ued.udn.vn
4	Phòng Khoa học và HTQT	Nguyễn Quý Tuấn	1984	TS, Trưởng phòng	0988857870	nqtuan@ued.udn.vn
5	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trịnh Thế Anh	1983	ThS, Trưởng phòng	0983556083	ttanh@ued.udn.vn
6	Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Khánh	1980	ThS, Trưởng phòng	0982201344	nvkhanh@ued.udn.vn
7	Phòng Kế hoạch Tài chính	Dương Thị Yến	1984	ThS, Trưởng phòng	0905526633	dtyen@ued.udn.vn
8	TT Học liệu và eLearning	Trịnh Khắc Đức	1972	CN, Giám đốc	0919503962	tkduc@ued.udn.vn
9	Tổ CNTT	Đặng Hùng Vĩ	1980	TS, Tổ trưởng	0905294998	dhvi@ued.udn.vn

IV. Các bộ môn

1	Tổ trưởng chuyên môn	Hoàng Ham Hải	1962	TS, TBM	0983171461	hnhai@ued.udn.vn
2	Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Thị Thúy Nga	1975	Ths, Phó TBM phụ trách	0917980266	nttnga_th@ued.udn.vn
3	Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Phan Lâm Quyên	1980	Ths, Phó TBM phụ trách	0983809927	nplquyen@ued.udn.vn

4	Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Công Thùy Trâm	1977	TS, TBM	0983201104	ncttram@ued.udn.vn
---	----------------------	-----------------------	------	---------	------------	--------------------

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 02

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02 trình độ đại học, 02 trình độ thạc sĩ, 0 trình độ tiến sĩ

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ Trong đó:	09	18	27
I.1	Đội ngũ trong biên chế	09	18	27
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	09	18	27

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	01	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	12	0	02	0	0
5	Thạc sĩ	15	15	0	04	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	15	15	0	04	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 27 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	12	10	0	02	0	0	21,2
5	Thạc sĩ	1	15	11	0	04	0	0	12,2
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		27	21	0	06	0	0	33,4

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	01	0	01	0	0	0	01	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	12	46,15	08	05	0	03	06	03	0
5	Thạc sĩ	15	55,6	05	04	02	06	01	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	27	100	09	18	0	16	07	04	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,07 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 46,15% .

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 55,6%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	25	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	75	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào/	Điểm trung bình của sinh viên được	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
---------	-------------------------	------------------------	------------------	---------------------	---------------------	------------------------------------	-------------------------------------

	CTĐT (người)			(người)	thang điểm	tuyển	(người)
2016-2017		54		54	22		0
2017-2018		40		40	17.75		0
2018-2019		67		67	18		0
2019-2020		160		160	21.5		01
2020-2021		270		270	22.85		0

39. Thông kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	06	11	10	30
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	281	221	219	591	1154
Hệ không chính quy	162	215	346	403	160
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0,58	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	95	100	97	105	150 (dự kiến)
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	32	23	10	10	10
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	47.05	38.33	17.24	23.25	14.70

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	14	19	7
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	100	68	60	54	40
Hệ không chính quy	162	215	346	403	160
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	100	68	60	54	40
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100	100	100	99.00	100
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	
3.2. Tỷ lệ người học trả	0	0	0	0	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
lời <i>chỉ học</i> được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100 100	100 100	100 100	100 100	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3.393.000	2.668.000	2.668.000	3.393.000	3.393.000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng	100	100	100	100	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100	100	100	100	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	0	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ	Số lượng
----	------------------	----	----------

		số**	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020 - 2021	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		3	2	2	2	1	5
			3	2	2	2	1	5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.18

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	80		
2	2017	700		
3	2018	402		
4	2019	170		
5	2020	35		

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia				Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp ĐHDN	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	5	9	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	5	9	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số*	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	02	0	0	01	0	6
2	Sách giáo trình	1,5	01	0	01	0	01	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	02	0	0	01	03	6
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		5	0	1	2	4	16.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 16.5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.61

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	03	02	03	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	2	3	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	8	0	12
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	6	3	21	0	30
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	5	2	0	0	0	3.5
	Tổng		5	8	3	29	0	45.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 45.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.68

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	03	25	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	02	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	27	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	1	1	0	0	2

2	Hội thảo trong nước	0,5	4	1	0	0	0	2.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	Tổng		4	2	1	0	0	4.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.16

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	3	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	3	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	02	0

Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	56	0
Tổng số người học tham gia	0	0	56	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	1	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	1	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 47.585m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 47.585

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 6.167m² Nơi học: 18.344m² Nơi vui chơi giải trí: 8.388m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 18.344m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3 m²/SV.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 98

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 167

- Dùng cho người học học tập: 526

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: =526/8086 (0.07 máy/SV)

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 27

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 46,15%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 55,6%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 321

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 11,89 (321/27)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 3 triệu/người.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.18

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 51,37

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,61

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.68

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.16

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 526/8086 (0.07 máy/SV)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3 m²/SV.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 7.280m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích

dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan:

2.1. Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký,

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 421 /QĐ-ĐHSP, ngày 09 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS.TS. Trần Xuân Bách	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS. Hoàng Nam Hải	Trưởng khoa K. GDTH	Phó Chủ tịch HĐ
4	ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyền	TBM - Khoa GDTH	Thư ký
5	PGS.TS. Võ Văn Minh	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	TS. Bùi Bích Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
7	ThS. Võ Thị Bảy	P. Trưởng khoa K. GDTH	Thành viên
8	ThS. Trần Thị Kim Cúc	P. Trưởng khoa K. GDTH	Thành viên
9	ThS. Nguyễn Thị Thủy Nga	TBM - Khoa GDTH	Thành viên
10	TS. Nguyễn Công Thủy Trâm	TBM - Khoa GDTH	Thành viên
11	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
13	TS. Đoàn Thị Vân	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
14	TS. Lê Văn Trung	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
15	TS. Nguyễn Văn Thà	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
16	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng Phòng TCHC	Thành viên
17	TS. Phan Đức Tuấn	Trưởng phòng Phòng Đào tạo	Thành viên
18	ThS. Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng Phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên
19	TS. Nguyễn Quý Tuấn	Trưởng phòng Phòng Khoa học & HTQT	Thành viên
20	ThS. Nguyễn Vinh San	Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
21	ThS. Dương Thị Yến	Trưởng phòng Phòng KHTC	Thành viên
22	ThS. Nguyễn Văn Khánh	Trưởng phòng Phòng Cơ sở vật chất	Thành viên
23	CN. Trịnh Khắc Đức	Phó Giám đốc TrT Học liệu & Elearning	Thành viên
24	TS. Đặng Hùng Vĩ	Tổ trưởng Tổ CNTT	Thành viên
25	Nguyễn Thị Hồng Kiều	Sinh viên lớp 20STH4	Thành viên

(Danh sách trên gồm 25 người) *thd*

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 421 /QĐ-ĐHSP, ngày 09 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	TS. Hoàng Nam Hải	Trưởng khoa Khoa GDTH	Trưởng ban
2	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	Phó Trưởng phòng Phòng KT&ĐBCLGD	Phó Trưởng ban
3	ThS. Trần Thị Kim Cúc	Phó Trưởng khoa Khoa GDTH	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga	TBM - Khoa GDTH	Thành viên
5	TS. Đoàn Thị Vân	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Tường Vi	Giảng viên Khoa GDTH	
8	ThS. Hoàng Hoài Thương	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
9	ThS. Phạm Thị Thu Hương	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên
10	ThS. Lê Thị Giang	Chuyên viên Khoa GDTH	Thành viên
11	ThS. Phan Thảo Thơ	Giảng viên Khoa GDTH	Thành viên

(Danh sách trên gồm 11 người)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 421 /QĐ-ĐHSP, ngày 09 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Tiêu chuẩn phụ trách
Nhóm 1	Hoàng Nam Hải	Trưởng khoa Khoa GDTH	Phản Tổng quan về Trường, Khoa, và CTĐT
Nhóm 2	Trần Thị Kim Cúc	P. Trưởng khoa Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 1: Chuẩn đầu ra của CTĐT
			Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra
Nhóm 3	Võ Thị Bảy	P. Trưởng khoa Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình
			Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học
Nhóm 4	Nguyễn Thị Thúy Nga	TBM - Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
			Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng
Nhóm 4	Nguyễn Phan Lâm Quyên	TBM - Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học
Nhóm 5	Đoàn Thị Vân	GV Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ cán bộ giảng viên
Nhóm 6	Nguyễn Thị Tường Vi	GV Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ phục vụ
Nhóm 7	Lê Sao Mai	GV Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ
Nhóm 8	Phan Thảo Thơ	GV Khoa GDTH	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC NHÓM MINH CHỨNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 421 /QĐ-ĐHSP, ngày 09 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị công tác	Nhiệm vụ	Công việc
1	Hoàng Nam Hải	Trưởng khoa Khoa GDTH	Trưởng nhóm	Phản Tổng quan về Trường, Khoa, và CTĐT
2	Võ Thị Bảy	P. Trưởng khoa Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra
4	Nguyễn Thị Thúy Nga	TBM - K. GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình
5	Trần Thị Kim Cúc	P. Trưởng khoa Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH
6	Đoàn Thị Vân	GV Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 4: PP tiếp cận trong dạy và học
7	Nguyễn Thị Tường Vi	GV Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng
8	Lê Sao Mai	GV Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học
9	Phan Thảo Thơ	GV Khoa GDTH	Thành viên	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ cán bộ giảng viên
10	Tôn Nữ Duy Hoàng	P. Trưởng phòng P. KT&ĐBCLGD	Thành viên	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ phục vụ
11	Trương Văn Thanh	Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD	Thành viên	Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ
12	Đỗ Thế Cường	Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD	Thành viên	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị
13	Trương Minh Tú	Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD	Thành viên	Rà soát minh chứng chung
14	Nguyễn Thị Thùy Dung	Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD	Thành viên	Rà soát minh chứng chung

(Danh sách trên gồm 14 người) *th*

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Số: 269/KH-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và đề đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Giáo dục Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Cục Quản lý chất lượng giáo dục.

VI. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Giáo dục Tiểu học được thành lập theo Quyết định số 421/QĐ-ĐHSP, ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng, Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Phần Tổng quan về Trường, Khoa, và CTĐT ra của CTĐT	TS. Hoàng Nam Hải	Tháng 3-9/ 2021	
2	Tiêu chuẩn 1: Chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	ThS. Trần Thị kim Cúc	Tháng 3-9/ 2021	
3	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc	ThS. Võ Thị Bảy	Tháng 3-9/ 2021	

	và nội dung chương trình dạy học			
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga	Tháng 3-9/ 2021	
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên	Tháng 3-9/ 2021	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ cán bộ giảng viên	TS. Đoàn Thị Vân	Tháng 3-9/ 2021	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ phục vụ	TS. Nguyễn Thị Tường Vi	Tháng 3-9/ 2021	
8	Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ	ThS. Lê Sao Mai	Tháng 3-9/ 2021	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	ThS. Phan Thảo Thơ	Tháng 3-9/ 2021	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 3/2021
2. Thành phần: Ban chủ nhiệm Khoa; Giảng viên bộ môn
3. Nội dung, chương trình tập huấn: Cách viết báo cáo tự đánh giá; minh chứng trong báo cáo tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT.	Nhóm xây dựng, Hội đồng khoa học khoa thẩm định; xin ý kiến các bên liên quan; Hội thảo tham vấn ý kiến; HĐKH họp thông qua.	Tháng 3-9/ 2021	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả	Mô tả chương	Nhóm xây dựng, Hội đồng khoa học khoa thẩm	Tháng 3-9/ 2021	

T. Đ. S. L.

	chương trình Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	trình; xây dựng cấu trúc, nội dung chương trình.	định; xin ý kiến các bên liên quan; Hội thảo tham vấn ý kiến; HĐKH họp thông qua.		
3	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Xây dựng phương pháp tiếp cận và nâng cao chất lượng đào tạo.	Nhóm xây dựng, Hội đồng khoa học khoa thẩm định; xin ý kiến các bên liên quan; Hội thảo tham vấn ý kiến; HĐKH họp thông qua.	Tháng 3-9/ 2021	
4	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Khảo sát, phân tích và đánh giá kết quả học tập của người học.	Nhóm xây dựng; Hội đồng khoa học khoa thẩm định.	Tháng 3-9/ 2021	
5	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ cán bộ giảng viên	Trình bày, phân tích, đánh giá đặc điểm tình hình đội ngũ của đơn vị thực hiện chương trình.	Nhóm xây dựng; Hội đồng khoa học khoa thẩm định.	Tháng 3-9/ 2021	
6	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ phục vụ	Phân tích, đánh giá đặc điểm tình hình đội ngũ của đơn vị thực hiện chương trình.	Nhóm xây dựng; Hội đồng khoa học khoa thẩm định.	Tháng 3-9/ 2021	
7	Tiêu chuẩn 8:	Khảo sát	Nhóm xây dựng; Hội	Tháng 3-9/	

	Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ	đánh giá từ phía người học, cựu sinh viên, học viên.	đồng khoa học khoa thẩm định.	2021	
8	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Phân tích, đánh giá đặc điểm tình hình đội ngũ của đơn vị thực hiện chương trình.	Nhóm xây dựng; Hội đồng khoa học khoa thẩm định.	Tháng 3-9/2021	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Xác định các lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia, kinh phí thuê chuyên gia, ...

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Tuỳ theo từng điều kiện cụ thể, mỗi cơ sở giáo dục xác định thời gian thực hiện phù hợp để hoàn thành hoạt động TĐG. Sau đây là ví dụ minh họa về thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động TĐG:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự

Thời gian	Các hoạt động
	đánh giá CTĐT. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 4	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 8	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3. Sửa lại đề cương chi tiết CTĐT theo tiêu chuẩn AUN 4. Thực hiện tất cả các khảo sát các bên liên quan 5. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 6. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 7. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 8. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

HƯỚNG DẪN

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21	- Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 24	- Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mà minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị;
- Lưu TC-HC, KT-ĐBCLGD.

[Signature]



PGS. TS. Trần Xuân Bách

